

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

LẬP KẾ HOẠCH
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN
NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC
CHO TRẺ 4-5 TUỔI

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. ĐINH THỊ HỒNG LOAN
Đơn vị: KHOA SP TIỂU HỌC – MẦM NON

NINH BÌNH, 2022

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**LẬP KẾ HOẠCH
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN
NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC
CHO TRẺ 4-5 TUỔI**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. ĐINH THỊ HỒNG LOAN

Các thành viên: ThS. VŨ THỊ DIỆU THUY

ThS. BÙI HƯƠNG GIANG

Đơn vị: KHOA SP TIỂU HỌC – MẦM NON

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

NINH BÌNH, 2022

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	ix
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	ix
2. Tính cấp thiết của đề tài	x
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	xi
4. Đối tượng nghiên cứu.....	xi
5. Phạm vi nghiên cứu.....	xi
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của đề tài.....	xi
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG 1 LÀM QUEN VỚI TOÁN NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI.....	1
1.1. HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI	1
1.1.1. Khái niệm biểu tượng kích thước.....	1
1.1.2. Đặc điểm hình thành biểu tượng kích thước của trẻ 4-5 tuổi	3
1.1.3. Nội dung hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi	5
1.1.4. Phương pháp hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi	6
1.1.5. Hình thức hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi qua hoạt động học	9
1.1.5.1. Dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước trong hoạt động Làm quen với biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non	9
1.1.5.2. Dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước trong các hoạt động học khác.....	11
1.1.5.3. Dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước trong các hoạt động ngoài giờ học	13
1.1.6. Phương tiện dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước	14
1.2. LÝ LUẬN VỀ VIỆC LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI	15
1.2.1. Khái niệm lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi	15
1.2.2. Vai trò của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán đối với việc hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi	15

1.2.3. Những nguyên tắc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi	16
1.2.3.1. Đảm bảo tính mục đích	16
1.2.3.2. Đảm bảo tính hấp dẫn	17
1.2.3.3. Đảm bảo tính hệ thống và tính phát triển.....	17
1.2.3.4. Đảm bảo tính đa dạng	18
1.2.3.5. Đảm bảo tính linh hoạt.....	18
1.2.3.6. Đảm bảo tính chính xác, khoa học.....	18
1.2.3.7. Đảm bảo tính pháp lệnh	18
1.2.4. Quy trình lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi.....	19
1.2.4.1. Xác định đề tài, nội dung tích hợp	19
1.2.4.2. Xác định mục đích yêu cầu	19
1.2.4.3. Xác định việc chuẩn bị giờ học.....	19
1.2.4.4. Xác định các bước tiến hành giờ học.....	20
1.2.5. Cấu trúc kế hoạch hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi.....	20
Kết luận chương 1	22
Chương 2: THỰC TRẠNG HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON	23
2.1. MỤC ĐÍCH ĐIỀU TRA THỰC TRẠNG	23
2.2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN ĐIỀU TRA.....	23
2.3. NỘI DUNG ĐIỀU TRA.....	23
2.4. CÁCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA	23
2.5. TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CỦA TRẺ 4-5 TUỔI.....	24
2.5.1. Tiêu chí đánh giá.....	24
2.5.2. Thang đánh giá	24
2.5.3. Cách đánh giá trẻ.....	25
2.5.4. Tổ chức đánh giá trẻ.....	25
2.6. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐIỀU TRA	25
2.6.1. Nhận thức của giáo viên về việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi	25

2.6.1.1. Nhận định về mức độ cần thiết của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi	25
2.6.1.2. Nhận định về những nội dung hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi	26
2.6.1.3. Nhận định về các hình thức hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi	27
2.6.2. Việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi.....	28
2.6.2.1. Thống kê kế hoạch hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi.....	28
2.6.2.2. Những thuận lợi, khó khăn khi tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi.....	28
2.6.2.3. Tổng kết kinh nghiệm khi tổ chức dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành BTCD của GVMN.....	30
2.6.3. Thực trạng mức độ hình thành BTKT của trẻ 4-5 tuổi	31
2.6.3.1. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng	31
2.6.3.2. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	33
2.6.3.3. Đánh giá thực trạng mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi.....	36
2.7. NGUYÊN NHÂN THỰC TRẠNG	37
2.7.1. Nguyên nhân khách quan.....	37
2.7.2. Nguyên nhân chủ quan.....	38
Kết luận chương 2	39
Chương 3: LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI VÀ THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM	45
3.1. LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI	45
3.2. THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM.....	45
3.2.1. Mục đích thực nghiệm.....	45
3.2.2. Nội dung thực nghiệm.....	45
3.2.3. Mẫu thực nghiệm	45
3.2.4. Thời gian thực nghiệm: Từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2022.....	45
3.2.5. Tiêu chí và thang đánh giá (mục 2.5.2).....	40
3.2.6. Quy trình tổ chức thực nghiệm	45
3.2.7. Kết quả thực nghiệm	46

3.2.7.1. Khảo sát mức độ hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi trước thực nghiệm.....	46
3.2.7.2. Khảo sát mức độ hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi sau thực nghiệm.....	52
Kết luận chương 3	61
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	58
1. Kết luận	58
2. Kiến nghị.....	63
TÀI LIỆU THAM KHẢO	64
PHỤ LỤC	65

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1. Mức độ cần thiết của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động LQVT 25	25
nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi..... 25	25
Bảng 2.2. Nội dung hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi..... 26	26
Bảng 2.3. Các hình thức hình thành BTCD cho trẻ 27	27
Bảng 2.4. Các giờ Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi ... 28	28
Bảng 2.5. Những thuận lợi, khó khăn 33	33
Bảng 2.6. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (Theo %)..... 31	31
Biểu 2.1. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (Theo %) 31	31
Bảng 2.7. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (Theo tiêu chí) 32	32
Biểu 2.2. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (Theo tiêu chí) 32	32
Bảng 2.8. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)..... 33	33
Biểu 2.3. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (Theo %)..... 33	33
Bảng 2.9. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí) 34	34
Biểu 2.4. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí) 34	34
Bảng 2.10. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi 36	36
Biểu 2.5. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi..... 36	36
Bảng 3.1. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo %)..... 41	41
Biểu 3.1. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo %)..... 41	41
Bảng 3.2. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo tiêu chí) 42	42
Biểu 3.2. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo tiêu chí) 42	42
Bảng 3.3. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)..... 43	43
Biểu 3.3. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %) 43	43
Bảng 3.4. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí) 44	44
Biểu 3.4. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí) 44	44
Bảng 3.5. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi..... 45	45
Biểu 3.5. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi..... 46	46
Bảng 3.6. Kiểm định kết quả khảo sát nhóm TN và ĐC trước TN..... 47	47
Bảng 3.7. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo %)..... 47	47
Biểu 3.7. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo %)..... 48	48
Bảng 3.8. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo tiêu chí) 48	48
Biểu 3.8. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo tiêu chí) 49	49
Bảng 3.9. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)..... 50	50

Biểu 3.9. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)	50
Bảng 3.10. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí)	51
Biểu 3.10. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí)	51
Bảng 3.11. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi	52
Biểu 3.11. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi	52
Bảng 3.12. Kiểm định kết quả khảo sát nhóm TN và ĐC sau TN	54
3.2.7.3. So sánh kết quả trước thực nghiệm và sau thực nghiệm	54
Bảng 3.13. Mức độ hình thành BTCD nhóm ĐC trước và sau TN (Theo %)	54
Biểu 3.13. Mức độ hình thành BTCD nhóm ĐC trước và sau TN (Theo %)	54
Bảng 3.14. Kiểm định kết quả khảo sát nhóm ĐC trước và sau TN	55
Nội dung kiểm định	55
Bảng 3.15. Mức độ hình thành BTCD nhóm TN trước và sau TN (Theo %)	55
Biểu 3.14. Mức độ hình thành BTHD nhóm TN trước và sau TN (Theo %)	56
Bảng 3.16. Kiểm định kết quả khảo sát nhóm TN trước và sau TN	56

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

BTKT	: Biểu tượng kích thước
BTCD	Biểu tượng chiều dài
HĐGD	: Hoạt động giáo dục
GDMN	: Giáo dục mầm non
NCKH	Nghiên cứu khoa học
GV	: Giáo viên
GVMN	: Giáo viên mầm non
Nxb	: Nhà xuất bản
RC	: Rất cao
C	: Cao
RT	: Rất thấp
T	: Thấp
TB	: Trung bình
TN	: Thực nghiệm
ĐC	: Đối chứng

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài

Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán cho trẻ 4-5 tuổi nhằm giúp trẻ phát triển kỹ năng đo lường và kỹ năng so sánh mối quan hệ về kích thước.

3. Tính mới và tính sáng tạo

Lập các kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ 4-5 tuổi

4. Tóm lược kết quả nghiên cứu

Đề tài đã hệ thống hóa, chính xác hóa lí luận về biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi.

Khảo sát 50 GV đã và đang giảng dạy các các lớp 4-5 tuổi thuộc một số trường mầm non trong tỉnh Ninh Bình, Nam Định về việc lập kế hoạch hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ 4- 5 tuổi. Thực trạng việc lập kế hoạch hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ 4- 5 tuổi. Khảo sát 60 trẻ 4-5 tuổi ở 2 trường mầm non Tân Thành, Đông Thành để đánh giá mức độ hình thành biểu tượng chiều dài của trẻ 4- 5 tuổi.

Đề tài đã thiết kế các kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4 – 5 tuổi.

Quá trình thực nghiệm sư phạm đã chứng tỏ các kế hoạch mà chúng tôi đưa ra mang tính khả thi và tính hiệu quả. Sau thực nghiệm, nhóm TN đạt kết quả ở mức cao, còn nhóm ĐC đạt kết quả ở mức trung bình.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của nghiên cứu

- Hệ thống hóa, chính xác hóa lí luận về biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi.
- Góp phần phát triển và thực hiện chương trình giáo dục mầm non
- Đề tài được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho quá trình thực hành sư phạm thường xuyên, thực tập sư phạm cho sinh viên đại học chuyên ngành Giáo dục mầm non; tài liệu dạy học của giáo viên mầm non. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho các giảng viên tham gia nghiên cứu đề tài.

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

** Những nghiên cứu về việc hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ mầm non*

- Ở Việt Nam, việc hình thành BTKT cho trẻ mẫu giáo đã được quan tâm. Giai đoạn 1965-1978, Chương trình mẫu giáo cải tiến có môn Cho trẻ làm quen với toán trong đó có nội dung dạy trẻ hình thành BTKT, được phân phối cụ thể theo kế hoạch quý, tháng... tương tự như chương trình phổ thông. Giai đoạn 1978-1982, Chương trình cải cách mẫu giáo có môn Hình thành biểu tượng toán học ban đầu cho trẻ mầm non có 5 nội dung lớn trong đó có hình thành BTKT. Tuy vậy, việc dạy trẻ hình thành BTKT chỉ thực hiện trong giờ học, không tích hợp trong mọi hoạt động và không chú trọng đến việc vận dụng BTKT vào thực tế [14,10-12]. Năm 1996, Chương trình đổi mới hình thức tổ chức HDGD ở trường MN có đổi mới BTKT cần hình thành cho trẻ: thêm nội dung so sánh, sắp xếp các nhóm đồ vật theo kích thước tăng hoặc giảm dần. Chương trình giáo dục mầm non năm 2021 xác định rõ nội dung, kết quả mong đợi về việc hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi trong đó quan tâm đến kỹ năng đo và xác định kết quả đo một đối tượng bằng 1 đơn vị đo [2,40].

- Các nhà giáo dục Đỗ Thị Minh Liên [10], [11], [12]; Đinh Thị Nhung [14], [15]... đã nghiên cứu đặc điểm hình thành BTKT của trẻ 4-5 tuổi, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi nói riêng và trẻ mầm non nói chung. Đây là những công trình nghiên cứu, những giáo trình trang bị lí luận cho đề tài này.

** Những nghiên cứu về việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với toán*

Có nhiều đề tài NCKH của giảng viên, sinh viên ngành GDMN trường Đại học Hoa Lư đã nghiên cứu về việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với toán, cụ thể:

- Biện pháp hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời tập trung nghiên cứu sử dụng hoạt động ngoài trời để nâng cao hiệu quả trong việc hình thành biểu tượng kích thước.

- Những NCKH về lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ LQVT gồm: Bùi Hương Giang, Vũ Thị Diệu Thúy, Đinh Thị Hồng Loan, Lương Thị Hà [4]; Đinh Thị Hồng Loan, Vũ Thị Diệu Thúy, Bùi Hương Giang [9]; Những nghiên cứu trên cụ thể hóa khái niệm lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán cho trẻ mẫu giáo mà đề tài sẽ kế thừa phần lí luận này. Tuy nhiên, hiện nay chưa

có nghiên cứu nào đi sâu vào việc lập kế hoạch hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi thông qua hoạt động học. Vì vậy, chúng tôi kế thừa lí luận của các nghiên cứu trước làm rõ việc dạy trẻ BTKT để GVMN có thể thực hiện dạy trẻ ở các cơ sở GDMN.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ, giáo viên cần chú trọng tới việc hình thành ở trẻ tất cả những năng lực nhận biết chung - đó là những phẩm chất cần thiết của nhân cách để con người thực hiện thành công hoạt động trong cuộc sống. Quá trình hình thành các biểu tượng toán học còn gắn chặt chẽ với sự hình thành ở trẻ các thao tác trí tuệ như: phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa,... Việc hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi sẽ góp phần giải quyết được những vấn đề trên.

Trẻ 4-5 tuổi đã biết lựa chọn các vật theo chiều dài, chiều cao hoặc chiều rộng của chúng nếu sự chênh lệch giữa hai chiều đo đó là lớn, rõ rệt. Trẻ đã nắm được các từ diễn đạt các chiều đo kích thước khác nhau, trẻ không chỉ thường xuyên sử dụng chúng mà còn sử dụng một cách chính xác hơn. Trẻ có khả năng nhận biết sự khác biệt về kích thước của 2-3 vật có độ chênh lệch nhỏ. Vì vậy, cần dạy trẻ các biện pháp so sánh kích thước như: xếp chồng, xếp cạnh, trên cơ sở đó dạy trẻ sắp xếp các vật theo trình tự kích thước tăng dần hoặc giảm dần

Đáp ứng yêu cầu thực tiễn đổi mới; chương trình giáo dục mầm non hiện nay các tài liệu chưa đề cập sâu đến nội dung hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi. Giáo viên truyền đạt kiến thức một cách máy móc, chưa chú trọng nhiều đến việc tác động óc sáng tạo tích cực của trẻ mà chỉ đưa ra những kiến thức sẵn có. Điều này làm hạn chế sự phát triển tư duy

Việc thực hiện chương trình GDMN đòi hỏi nhà giáo dục cần linh hoạt sử dụng các phương thức dạy học, quan điểm dạy học hiện đại trong đó có quan điểm giáo dục theo hướng trải nghiệm. Tuy nhiên, hiện nay ở nhiều trường mầm non, GV chưa quan tâm nhiều đến việc tổ chức cho trẻ thực hiện các hoạt động so sánh kích thước 3 đối tượng, cho trẻ đo kích thước 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo, chưa tạo cơ hội cho trẻ so sánh, đo lường và vận dụng chúng vào thực tế cuộc sống hàng ngày của trẻ.

Với những lí do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi”***.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán cho trẻ 4-5 tuổi nhằm giúp trẻ phát triển kỹ năng đo lường và kỹ năng so sánh mối quan hệ về kích thước.

4. Đối tượng nghiên cứu

Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Hoạt động: Làm quen với toán
- Nội dung: Hình thành BT chiều dài cho trẻ 4-5 tuổi
- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 1/2021 đến tháng 10/2022
- 60 trẻ 4-5 tuổi ở trường mầm non Tân Thành và Đông Thành, TPNB.
- 50 GVMN đã và đang dạy trẻ 4-5 tuổi ở tỉnh Ninh Bình và Nam Định

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

6.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp – Thực nghiệm

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

- Phương pháp phân tích – tổng hợp lý thuyết
- Phương pháp phân loại và hệ thống hoá lý thuyết
- Phương pháp cụ thể hóa lý thuyết
- Phương pháp giả thuyết

6.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

6.2.2.1. Phương pháp điều tra

Dùng phiếu điều tra (Anket) nhằm đánh giá nhận thức, thái độ của giáo viên mầm non đối với việc hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi.

6.2.2.2. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm

Nghiên cứu kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi, sản phẩm đo lường của trẻ 4-5 tuổi.

6.2.2.3. Phương pháp quan sát

- Quan sát việc tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi.

- Quan sát biểu hiện về nhận thức, kỹ năng, thái độ của trẻ 4-5 tuổi trong hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ.

6.2.2.4. Phương pháp đàm thoại

Trao đổi với GVMN, cán bộ quản lý trường MN và trẻ về những vấn đề có liên quan đến cách lập kế hoạch hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi.

6.2.5. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

Tổng kết những kinh nghiệm của GVMN về cách lập kế hoạch hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi.

6.2.6. Phương pháp thực nghiệm

Tổ chức thực nghiệm kiểm chứng và thực nghiệm hình thành trên trẻ.

6.2.7. Nhóm phương pháp nghiên cứu bổ trợ

** Phương pháp thống kê toán học*

Sử dụng công thức toán thống kê kết hợp phần mềm Excel để xử lý số liệu thu được qua khảo sát thực trạng và tổ chức thực nghiệm sư phạm.

** Phương pháp tư vấn chuyên gia*

Tham khảo ý kiến của các thầy cô giáo, đồng nghiệp, những người nghiên cứu quan tâm đến vấn đề hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi trong hoạt động làm quen với toán

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
LÀM QUEN VỚI TOÁN NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC
CHO TRẺ 4-5 TUỔI

1.1. HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI

1.1.1. Khái niệm biểu tượng kích thước

** Biểu tượng*

Biểu tượng được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau như trong toán học, ngôn ngữ, nghệ thuật, đời sống, triết học, tâm lý học,... Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi xem xét biểu tượng dưới góc độ tâm lý.

Trong tâm lý học có nhiều định nghĩa về biểu tượng như sau:

“Biểu tượng là hình ảnh của sự vật và hiện tượng nảy sinh trong óc chúng ta khi không có sự tác động trực tiếp của chúng vào giác quan” [13,12].

“Những hình ảnh trực quan nảy sinh trong não người về những sự vật và hiện tượng tri giác trước đây gọi là biểu tượng” [13,12].

“Lúc một sự vật không được nhìn nhận qua những cảm giác và hành động mà vẫn gọi lên được sự tồn tại của nó tức là đã hình thành một biểu tượng của sự vật ấy. Một thế giới thứ 2, thế giới biểu tượng xuất hiện với thế giới của cảm giác, vận động (của mắt thấy, tai nghe, tay sờ). Và từ đó, hoạt động của con người không hoàn toàn lệ thuộc vào sự có mặt cụ thể của sự vật nữa, mà có thể vận dụng những hình tượng của sự vật xếp đi xếp lại trong “đầu óc” của mình, trước và sau hành động cụ thể [13,12].

Biểu tượng là sản phẩm của quá trình ghi nhớ - một giai đoạn trong quá trình nhận thức của con người về thế giới khách quan. Ở giai đoạn nhận thức này, con người ghi lại những hình ảnh đã từng tri giác. Biểu tượng thường mang tính khái quát [8,15].

Biểu tượng có những khác biệt rất căn bản với khái niệm, biểu tượng phản ánh những đặc điểm đặc trưng, cụ thể, trực quan bên ngoài của sự vật hiện tượng. Khái niệm phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ, quan hệ có tính quy luật của hàng loạt các sự vật, hiện tượng cùng loại. Các khái niệm kết hợp chặt chẽ với nhau cho phép từ tri thức này suy ra tri thức kia. Các biểu tượng vốn có ở trẻ không tự nhiên biến thành khái niệm. Chúng chỉ có thể được sử dụng khi hình thành khái niệm [13,13].

Biểu tượng có những đặc điểm khác với hình tượng tri giác. Hình ảnh của biểu tượng phản ánh những đặc điểm cụ thể của sự vật, giống như hình tượng của tri giác. Nhưng nó có khái quát qua nhiều lần tri giác trong những điều kiện khác nhau, ở những thời điểm khác nhau. Nó chỉ tái hiện lại những đặc điểm thường có, gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa cơ bản trong hoạt động của trẻ. Nó bỏ đi những chi tiết ngẫu nhiên, rườm rà. Biểu tượng vừa mang tính cụ thể, vừa mang tính khái quát [13, 13].

Theo từ điển Tiếng Việt của tác giả Hoàng Phê: Biểu tượng là hình ảnh tượng trưng; là hình thức của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc sau khi tác động của sự vật vào giác quan ta đã chấm dứt [16, 64].

Theo bách khoa toàn thư mở Wikipedia: Biểu tượng hay ký hiệu là một hình ảnh, ký tự hay bất cứ cái gì đó đại diện cho một ý tưởng, thực thể vật chất hoặc một quá trình. Mục đích của một biểu tượng là để truyền thông điệp ý nghĩa một cách nhanh chóng dễ dàng và ngắn gọn, đơn giản [24].

Theo từ điển triết học: Biểu tượng là hình ảnh trực quan – cảm tính, khái quát về các sự vật và hiện tượng của hiện thực, được giữ lại và tái tạo lại trong ý thức và không có sự tác động trực tiếp của bản thân các sự vật và các hiện tượng đến các giác quan [22].

Trong triết học và tâm lý học, biểu tượng là khái niệm chỉ một giai đoạn, một hình thức của nhận thức cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc sau khi tác động của sự vật vào giác quan ta đã chấm dứt [23].

Tóm lại, *biểu tượng là những hình ảnh cụ thể về sự vật, hiện tượng trong thế giới xung quanh, được hình thành trên cơ sở các cảm giác và tri giác đã xảy ra trước đó, được lưu giữ lại trong ý thức hay hình ảnh mới được hình thành trên cơ sở những hình ảnh đã có từ trước.*

** Kích thước*

Kích thước là khái niệm chung, tổng quát biểu thị độ lớn của các đại lượng, trực tiếp hơn là các khái niệm cụ thể như: chiều dài, chiều rộng, chiều cao, diện tích, thể tích,... Mỗi loại kích thước cụ thể liên quan đến phương pháp xác định, cách so sánh và các tính chất thích ứng của vật... [15, 53].

Kích thước là một trong các dấu hiệu phân biệt các đối tượng [14, 32].

Kích thước biểu thị độ lớn của các đại lượng: số lượng, độ dài, bề rộng, khối lượng,... là những loại kích thước cụ thể [14, 32].

Theo từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê, khái niệm kích thước được hiểu như sau: Kích thước là khái niệm chỉ toàn thể nói chung những đại lượng như chiều dài, chiều rộng, chiều cao, xác định độ lớn của một vật.

Như vậy, kích thước là dấu hiệu giúp phân biệt các đối tượng xung quanh thông qua các đại lượng: chiều dài, chiều rộng, chiều cao, độ lớn, khối lượng... của các vật đó.

** Biểu tượng kích thước*

Biểu tượng kích thước là hình ảnh chỉ những đại lượng (chiều dài, chiều rộng, chiều cao, độ lớn,...) của đối tượng còn lưu lại và được tái hiện trong trí óc khi các đại lượng của đối tượng đó không còn được tri giác trực tiếp, không còn tác động vào các giác quan như trước.

** Hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi*

Từ các khái niệm trên, đề tài xây dựng khái niệm “Biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi” như sau:

Biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi là hình ảnh chỉ những đại lượng (chiều dài, chiều rộng, chiều cao, độ lớn,...) của đối tượng còn lưu lại và được tái hiện trong trí óc của trẻ, giúp trẻ phân biệt được kích thước các vật với nhau.

1.1.2. Đặc điểm hình thành biểu tượng kích thước của trẻ 4-5 tuổi

Ngay từ nhỏ trẻ đã diễn ra sự tích lũy kinh nghiệm tri giác và xác định kích thước của các vật thể. Những kinh nghiệm này dần dần được tích lũy trong quá trình thao tác với đồ vật, đồ chơi có KT khác nhau. Trẻ 1 tuổi thì sự tri giác dần dần ổn định, trẻ càng lớn thì tính ổn định của sự tri giác KT càng trở nên bền vững. Khi trẻ lên 4 tuổi thì khả năng lựa chọn các vật theo chiều dài, chiều rộng, chiều cao của chúng đúng hơn nếu như sự khác biệt giữa các chiều đo đó là rõ rệt. Trẻ cũng thường xuyên phân biệt đúng các chiều đo cụ thể của vật khi trực tiếp so sánh sự khác biệt về các chiều đo của vật. Trẻ thường dễ dàng phân tách dấu hiệu cần so sánh khi nó nổi bật hơn so với các dấu hiệu khác. Phần lớn trẻ, trong số đó có cả trẻ mẫu giáo lớn thường mắc lỗi khi phân tách chiều rộng của vật, nhiều trẻ vẫn còn nhầm lẫn giữa chiều rộng với chiều dài của vật [12, 24-25].

Trẻ 4 tuổi đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm tri giác KT các vật, khả năng cảm nhận, ước lượng KT của trẻ đã tốt hơn. Trong quá trình trẻ nhận biết, phân biệt KT các vật không chỉ có sự tham gia tích cực của các giác quan như thị giác, xúc giác,... mà còn có sự kết hợp của các thao tác tư duy như: So sánh, phân tích, tổng hợp. Trẻ lứa tuổi này đã phân tách được chiều đo cần so sánh nếu nó nổi

bật so với các chiều đo khác. Trẻ 4 – 5 tuổi đã biết lựa chọn các vật theo chiều dài hoặc chiều rộng nếu sự chênh lệch giữa hai chiều đó là rõ rệt. Trẻ dễ dàng xác định chiều cao của vật khi nó nổi bật so với các chiều đo khác, nhưng trẻ rất khó khăn để nhận biết chiều cao của các vật thấp. Trong quá trình nhận biết sự khác biệt về từng chiều đo KT của hai hay ba vật, trẻ đã phân biệt được các chiều đo cụ thể của vật như chiều dài, chiều rộng, chiều cao của vật. Tuy nhiên trẻ vẫn còn khó khăn khi phân tách chiều rộng của vật [10, 105].

Sự tri giác thiếu phân định các chiều đo KT của vật ở trẻ nhỏ vẫn ảnh hưởng lớn đến sự diễn đạt KT bằng lời của trẻ. Trẻ 4 – 5 tuổi vẫn thường sử dụng các từ *to, nhỏ, to hơn – nhỏ hơn* để diễn đạt các chiều đo như: chiều dài, chiều cao hay độ lớn của vật. Điều đó chứng tỏ vốn từ chỉ KT của trẻ còn nghèo nàn. Nhiều trẻ vẫn sử dụng các từ sinh hoạt vào việc diễn đạt KT của vật như từ *to* bằng từ *béo, lớn*, từ *mỏng* bằng từ *gầy, hẹp*. Phần lớn trẻ 4 tuổi không hiểu ý nghĩa của từ KT nên khi hỏi trẻ về KT của vật, nhiều trẻ lại trả lời về màu sắc, số lượng,... của chúng.

Một yếu tố không kém phần quan trọng trong quá trình hình thành BTKT cho trẻ đó là dạy trẻ nắm được tính tương đối của khái niệm. Các từ dài, ngắn, rộng, hẹp, cao, thấp chỉ có ý nghĩa trên cơ sở so sánh, đối chiếu KT của các vật, ban đầu là của hai vật, sau đó là nhiều vật hơn. Nhờ có dạy học mà trẻ 4 – 5 tuổi dần dần biết sắp xếp các vật theo KT tăng dần hoặc giảm dần. Việc tổ chức cho trẻ thực hành so sánh từng chiều đo KT cụ thể của các vật không chỉ giúp trẻ nắm được các mối quan hệ *bằng nhau – không bằng nhau* về KT, mà còn giúp trẻ nắm được cách diễn đạt kết quả so sánh với việc sử dụng các từ như: *dài hơn – ngắn hơn - dài bằng nhau, rộng hơn – hẹp hơn – rộng bằng nhau, cao hơn – thấp hơn - cao bằng nhau, to hơn – nhỏ hơn – độ lớn bằng*. KT của nhiều vật đặc trưng bởi ba chiều đo: chiều dài, chiều rộng, chiều cao. Để nắm được KT của các vật cần phải có sự phân tích các chiều đo KT khác nhau của vật và thiết lập mối quan hệ KT giữa chúng. Trẻ 4 – 5 tuổi đã biết lựa chọn các vật theo chiều dài hoặc chiều rộng nếu sự chênh lệch giữa hai chiều đo là lớn. Trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng phân biệt và so sánh KT của trẻ thì phát triển sự so sánh và ước lượng KT bằng mắt của các vật. Ban đầu trẻ tiến hành so sánh KT của các vật bằng hành động thực tiễn với các biện pháp xếp chồng, xếp cạnh vật này với vật khác. Tuy nhiên không phải bất cứ vật nào trẻ cũng so sánh KT của chúng bằng các biện pháp đó. Trong thực tiễn, trẻ phải tiến hành so sánh bằng mắt KT của nhiều đồ vật xung quanh trẻ. Vì vậy, việc phát triển sự so sánh KT của các vật bằng mắt đóng một vai trò quan trọng và trở thành

đối tượng dạy học cho trẻ. Các công trình nghiên cứu cho thấy khả năng ước lượng bằng mắt phát triển cùng với sự lớn lên của đứa trẻ; trẻ càng lớn thì ước lượng KT càng trở nên chính xác hơn [12, 26-27].

1.1.3. Nội dung hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

Trẻ 4-5 tuổi có khả năng phân biệt được các chiều đo kích thước của các vật như: chiều dài, chiều rộng, chiều cao nếu những chiều đo đó là nổi bật. Trẻ đã nắm được các từ diễn đạt các chiều đo kích thước khác nhau, trẻ không chỉ thường xuyên sử dụng chúng mà còn sử dụng chúng một cách chính xác hơn. Trẻ có khả năng nhận biết sự khác biệt về kích thước của 2 – 3 vật có độ chênh lệch nhỏ. Khả năng ước lượng kích thước của các vật ngày càng phát triển ở trẻ. Vì vậy nội dung dạy trẻ lứa tuổi này cần hướng vào việc tiếp tục phát triển sự tri giác kích thước cho trẻ qua đó làm phong phú hơn những kinh nghiệm cảm nhận kích thước của trẻ. Mặt khác, cần dạy trẻ nhận biết không chỉ sự khác nhau mà cả sự giống nhau về từng chiều đo kích thước của hai vật với độ chênh lệch về kích thước giữa chúng giảm dần trên cơ sở đó phát triển sự ước lượng kích thước bằng mắt cho trẻ. Với mục đích để trẻ xác định chính xác hơn mối quan hệ kích thước giữa hai vật, giáo viên cần dạy trẻ các biện pháp so sánh kích thước như: xếp chồng, xếp cạnh và học cách phản ánh mối quan hệ kích thước của hai vật với việc sử dụng chính xác lời nói

Trẻ 4 – 5 tuổi bắt đầu được học so sánh kích thước của 3 vật và sau đó là nhiều vật hơn nữa. Trên cơ sở đó, có thể dạy trẻ sắp xếp các vật theo trình tự kích thước tăng dần hoặc giảm dần, nhận biết và phản ánh mối quan hệ kích thước giữa chúng bằng lời nói.

Như vậy, nội dung hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi gồm:

- Phát triển khả năng nhận biết sự khác biệt về độ lớn, chiều dài, chiều rộng, chiều cao của hai đối tượng trên cơ sở ước lượng kích thước của chúng.

- Dạy trẻ so sánh độ lớn và từng chiều đo kích thước của hai vật bằng các biện pháp so sánh: xếp chồng, xếp cạnh, và biết diễn đạt mối quan hệ kích thước giữa hai vật bằng lời nói: to hơn - nhỏ hơn, có độ lớn bằng nhau; dài hơn - ngắn hơn, dài bằng nhau; rộng hơn – hẹp hơn, rộng bằng nhau; cao hơn – thấp hơn, cao bằng nhau.

- Dạy trẻ so sánh độ lớn, chiều dài, chiều rộng và chiều cao của 3 - 5 đối tượng, dạy trẻ sắp xếp các vật theo trình tự kích thước tăng dần hoặc giảm dần

và phản ánh mối quan hệ kích thước giữa chúng bằng lời nói: nhỏ nhất – to hơn – to nhất, dài nhất – ngắn hơn – ngắn nhất... [12, 152-153].

- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo [2,38].

1.1.4. Phương pháp hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

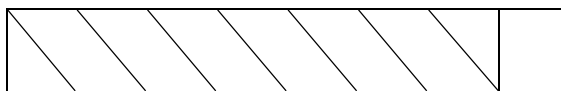
Vừa bước vào năm học sau một thời gian nghỉ hè trẻ sẽ quên kiến thức, giáo viên nên tiến hành cho trẻ ôn luyện nhận biết sự khác biệt về kích thước của các vật bằng các bài luyện tập được thực hiện trên các tiết học ôn tập hay trong các hoạt động khác. Để tiến hành luyện tập cho trẻ, nên sử dụng các vật quen thuộc, gần gũi có xung quanh trẻ như: cây, cái bàn, cái bảng, bức tranh, quả bóng, sợi dây, băng giấy, tờ giấy, cái nơ, búp bê,... Các vật này có độ chênh lệch kích thước giảm dần để từ đó trẻ nhận ra rằng, không phải bao giờ và chỉ bằng trực giác cũng nhận ra mối quan hệ kích thước giữa các vật, mà cần thiết phải nắm được kỹ năng so sánh kích thước của các vật, trên cơ sở đó dạy trẻ các biện pháp so sánh kích thước

Ở lớp 4-5 tuổi, trẻ được học các biện pháp so sánh kích thước như: xếp chồng và xếp cạnh hai đối tượng với nhau. Để dạy trẻ các biện pháp so sánh này, nên sử dụng các đối tượng có hình dạng giống nhau và chỉ khác nhau không nhiều về chiều cần so sánh, còn các chiều đo khác thì giống nhau. Ví dụ: để so sánh chiều dài của hai vật, thì sử dụng hai băng giấy đó có độ chênh lệch về chiều dài là 2 – 3 cm, còn chiều rộng và độ dày của chúng bằng nhau. Hay để so sánh chiều cao thì sử dụng 2 cái cây chỉ khác nhau về chiều cao còn hình dạng giống nhau, muốn so sánh chiều rộng thì sử dụng hai tờ giấy cùng loại có chiều dài và độ dày như nhau và chỉ khác nhau về chiều rộng.

Việc dạy trẻ các biện pháp so sánh này được thực hiện thông qua làm mẫu của giáo viên với biện pháp xếp chồng, xếp cạnh kèm theo lời giảng giải trình tự các thao tác của hành động so sánh. Ví dụ:

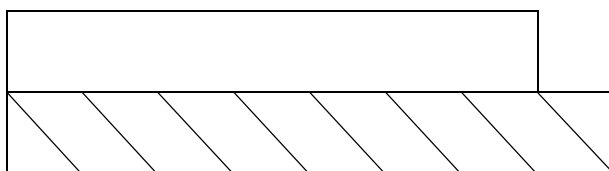
* Dạy trẻ so sánh chiều dài:

- Biện pháp xếp chồng:



Dạy trẻ dùng tay trái cầm hai đầu của băng giấy trùng khít ở 1 đầu sao cho hai băng giấy xếp chồng lên nhau.

- Biện pháp xếp cạnh



Có những đối tượng là các vật mềm như sợi dây, băng giấy, nơ... khi dùng để so sánh giáo viên nên dùng tay cầm 1 đầu các đối tượng và điều chỉnh cho 2 đối tượng song song với nhau.

Trên cơ sở nắm được các biện pháp so sánh chiều dài, giáo viên cho trẻ thực hiện các bài luyện tập nhằm củng cố kỹ năng so sánh chiều dài của hai vật bằng các biện pháp đã học như: xếp chồng, xếp cạnh và yêu cầu trẻ sử dụng các biện pháp trên để kiểm tra kết quả ước lượng kích thước các vật bằng mắt

Trẻ 4 - 5 tuổi được học so sánh chiều dài của 3 vật với nhau, trẻ học cách sắp xếp các vật theo kích thước tăng dần hoặc giảm dần. Với mục đích đó, giáo viên nên sử dụng các vật có sự khác biệt không rõ nét về chiều dài. Giáo viên nên dạy trẻ cách sắp xếp các vật theo trình tự kích thước chiều dài tăng dần hoặc giảm dần bằng hành động mẫu của giáo viên để trẻ được quan sát từng bước đồng thời giáo viên thực hiện đến đâu giải thích đến đó cho trẻ dễ hiểu, dễ hình dung. Ví dụ về sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng theo chiều tăng dần: đầu tiên trẻ xếp vật ngắn nhất, cứ mỗi lần sau đó trẻ lại chọn vật ngắn nhất trong số các vật còn lại để xếp cạnh vật vừa xếp. Khi xếp trẻ luôn hướng tới vật ngắn nhất hay dài nhất để xếp, nhưng vật đó lại ngắn hơn hay dài hơn vật mà trẻ vừa xếp cạnh
Ví dụ: Xếp 3 băng giấy từ ngắn đến dài

Giáo viên giao nhiệm vụ cho trẻ:

- So sánh chiều dài hai băng giấy: băng giấy đỏ và băng giấy vàng (Băng giấy đỏ ngắn hơn băng giấy vàng)

- So sánh chiều dài hai băng giấy: băng giấy vàng và băng giấy xanh (Băng giấy vàng ngắn hơn băng giấy xanh)

- Như vậy băng giấy đỏ ngắn hơn những băng giấy nào? (Băng giấy đỏ ngắn hơn băng giấy vàng và băng giấy xanh)

- Trong 3 băng giấy, băng giấy nào ngắn nhất? (Băng giấy đỏ ngắn nhất)

Tương tự như vậy, giáo viên cho trẻ so sánh chiều dài băng giấy xanh với băng giấy đỏ và băng giấy vàng, từ đó dẫn trẻ đưa ra kết luận là “Trong 3 băng giấy, băng giấy xanh dài nhất)

Sau đó, giáo viên dạy trẻ cách sắp xếp các vật theo trình tự kích thước tăng dần hoặc giảm dần bằng hành động mẫu của giáo viên kết hợp với lời giảng giải của giáo viên.

Ví dụ: Khi xếp các vật theo trình tự chiều dài tăng dần, đầu tiên trẻ chọn vật ngắn nhất trong tất cả các vật và xếp ra, cứ mỗi lần sau đó trẻ lại chọn vật ngắn nhất trong số các vật còn lại để xếp cạnh vật vừa xếp, cứ như vậy cho tới vật cuối cùng.

Để giúp trẻ nắm được tính tương đối của sự đánh giá kích thước, giáo viên cho trẻ tiến hành so sánh kích thước của một vật trong dãy với những vật xếp cạnh nó, như: băng giấy đỏ ngắn hơn băng giấy xanh, băng giấy xanh dài hơn băng giấy vàng. Cùng với việc dạy trẻ sắp xếp các vật theo trật tự kích thước tăng dần, giáo viên cần dạy trẻ mối quan hệ về kích thước của các vật trong dãy, như: băng giấy vàng ngắn nhất, băng giấy đỏ dài hơn, băng giấy xanh dài nhất; Dạy trẻ sắp xếp các vật theo trật tự kích thước giảm dần của các vật trong dãy, giáo viên cần dạy trẻ mối quan hệ về kích thước của các vật là: băng giấy xanh dài nhất, băng giấy đỏ ngắn hơn, băng giấy vàng ngắn nhất. Giáo viên tạo môi trường, tạo điều kiện để trẻ sử dụng các kiến thức thu được trên tiết học vào các hoàn cảnh khác nhau.

Đặc biệt, đến 4 – 5 tuổi giáo viên cần chú ý phát triển sự ước lượng kích thước bằng mắt cho trẻ. Với ý nghĩa đó cần sử dụng các bài luyện tập khác nhau, ví dụ: tìm vật có kích thước bằng kích thước của vật mẫu (tìm cái bút dài như cái bút của cô), nâng cao hơn đó là trẻ có thể tìm vật có kích thước bằng kích thước của vật mẫu bằng cách ghi nhớ.

Những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo trẻ thu được trên tiết học toán cần được giáo viên tạo điều kiện để trẻ sử dụng chúng vào các hoạt động khác nhau của trẻ, như: trẻ có thể vẽ một con đường dài nhất, con đường ngắn hơn và con đường ngắn nhất, hay cho trẻ làm 3 chiếc vòng từ 3 sợi dây ngắn nhất, dài hơn và dài nhất... trang trí viền cho 3 bức tranh, chọn băng giấy hoa ngắn nhất dán làm viền cho bức tranh ngắn nhất.... Ngoài ra, giáo viên nên tổ chức các trò chơi học tập cho trẻ chơi để qua đó trẻ ứng dụng những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo mà trẻ đã tiếp thu được ...[12, 153-157].

Việc dạy trẻ đo lường có tác dụng phát triển tri giác kích thước các vật của trẻ và làm cho nó trở nên chính xác hơn. Trong quá trình trẻ học được cách phân biệt vật làm đối tượng đo, vật làm thước đo và kết quả đo, trẻ được làm

quen với các quy định của phép đo lường, thông qua số lượng các phép đo mà trẻ hình dung được kết quả đo. Nhờ hoạt động đo mà biểu tượng về số lượng và về các mối quan hệ giữa các con số của trẻ được củng cố [12,161].

Khi dạy trẻ đo độ dài của một vật, cần dạy trẻ các biện pháp, quy trình và trình tự đo như sau:

- + Khi đo chiều dài của vật, trẻ bắt đầu đo từ trái sang phải
- + Trẻ đặt mép trái của thước đo trùng khít với mép trái của vật, dùng bút vạch lên vật đo ở sát mép phải của thước đo sau đó nhấc thước đo và đặt mép trái của thước đo trùng với vạch vừa kẻ trên vật đo. Cứ như vậy đo đến hết vật cần đo.

- + Đếm số lần đo từ trái qua phải và dùng thẻ số tương ứng để biểu thị kết quả vừa đo.

1.1.5. Hình thức hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi qua hoạt động học

Việc hình thành biểu tượng KT cho trẻ 4 - 5 tuổi được tiến hành thông qua nhiều hoạt động của trẻ ở trường mầm non như hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, các hoạt động học tập (làm quen với toán, tạo hình...) trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ. Mỗi hình thức tổ chức đều có những ưu thế nhất định, trong đó hoạt động học sẽ mang lại hiệu quả tối ưu cho việc hình thành biểu tượng KT. Có 2 hình thức: Dạy trong giờ học và ngoài giờ học

1.1.5.1. Dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước trong hoạt động Làm quen với biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non

Giờ học là hình thức chủ đạo trong quá trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho trẻ hệ thống kiến thức, kỹ năng toán học chính xác, đảm bảo tính khoa học. Chính trên các giờ học này, giáo viên thực hiện phần lớn nội dung hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non được quy định trong chương trình giáo dục mầm non.

Việc hình thành các biểu tượng toán trên các giờ học còn góp phần phát triển và hoàn thiện năng lực cảm giác, tri giác, thúc đẩy tính ham hiểu biết của trẻ.

*** Ý nghĩa**

- Đây là hình thức cho trẻ LQVT có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho trẻ hệ thống kiến thức, kỹ năng chính xác, đảm bảo tính khoa học.

- Thực hiện một cách có hệ thống nội dung chương trình cho trẻ LQVT được quy định trong chương trình giáo dục mầm non.

- Góp phần phát triển các năng lực cảm giác, hình thành các thao tác tư duy, phát triển ngôn ngữ, phát triển hứng thú nhận biết... cho trẻ.

- Góp phần hình thành cho trẻ những kỹ năng của hoạt động học tập như: chú ý lắng nghe, tích cực ghi nhớ, giơ tay phát biểu, thực hiện nhiệm vụ được giao đúng thời gian quy định... [12, 105].

* Đặc điểm

Trẻ lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng thông qua hoạt động, qua việc làm của bản thân trẻ, như: Quan sát, khảo sát, thực hiện các hành động khác nhau với đồ vật như: Xếp các vật cạnh nhau, chồng lên nhau, lăn, đặt chúng ở các tư thế khác nhau... dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Như vậy, trẻ giữ vai trò chủ thể của hoạt động, còn giáo viên là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn trẻ hoạt động theo trình tự:

- Khi trẻ mới bắt đầu học, giáo viên có thể hướng dẫn trẻ hoạt động bằng vật mẫu hay hành động mẫu kết hợp với lời giảng giải, với trẻ lớn giáo viên có thể hướng dẫn trẻ bằng lời nói.

- Trẻ tự hoạt động với các đồ vật, đồ chơi, tranh ảnh,... theo hướng dẫn của giáo viên để nắm tri thức mới, thực hành luyện tập theo khả năng của bản thân, củng cố tri thức, kỹ năng, tự kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của mình.

- Trong quá trình diễn ra tiết học, trẻ có thể không hành động theo mẫu mà còn có thể tự hành động theo ý mình, có thể trao đổi, hỏi ý kiến của người khác, nhìn và bắt chước hành động của người khác. Giáo viên đến chỗ từng trẻ để theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, trao đổi ý kiến... Khi cần thiết, giáo viên có thể tạm dừng hoạt động của trẻ để trao đổi, hướng dẫn chung, thông báo kết quả.

- Sau khi hoạt động khám phá đối tượng, trẻ nêu lên nhận xét về những điều lĩnh hội được qua hoạt động, tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của mình và của bạn.

+ Giáo viên chính xác hóa các kiến thức, khái quát hóa kết quả nhận thức của trẻ để hình thành kiến thức mới [12, 106].

* Cấu trúc của một tiết học toán:

Tiết học toán bao gồm một chuỗi các hoạt động mang tính cấu trúc, trong đó mỗi hoạt động trước sẽ là cơ sở để tiến hành hoạt động sau, cụ thể:

Hoạt động 1: Ôn luyện những kiến thức, kỹ năng đã học làm cơ sở cho việc học những kiến thức, kỹ năng mới.

Trong quá trình thực hiện hoạt động 1, trẻ được ôn luyện nhằm củng cố những kiến thức, kỹ năng đã học. Trọng tâm ôn luyện vào những kiến thức, kỹ năng có liên quan trực tiếp đến nội dung bài học mà trẻ sẽ tiến hành ở hoạt động tiếp theo. Tuy nhiên có thể lồng ghép các kiến thức, kỹ năng khác cho trẻ ôn luyện [11, 106].

Hoạt động 2: Học kiến thức, kỹ năng mới

Trong thời gian tiến hành hoạt động này, trẻ cần được tích cực hoạt động với đối tượng nghiên cứu theo trình tự nhất định bằng mọi giác quan dưới sự hướng dẫn của giáo viên, trên cơ sở đó trẻ nắm được kiến thức cùng với phương thức hoạt động. Giáo viên dùng các câu hỏi gợi mở để hướng trẻ chú ý tới dấu hiệu toán học và mối quan hệ toán học cần nhận biết và dạy trẻ phản ánh chúng bằng lời nói [12, 107].

Hoạt động 3: Luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã học

Trong hoạt động này, trẻ được thực hành luyện tập những kiến thức, kỹ năng vừa học ở hoạt động 2. Tuy nhiên, giáo viên cần cho trẻ luyện tập một cách tổng hợp cả những kiến thức toán sơ đẳng và kiến thức, kỹ năng thuộc về các lĩnh vực giáo dục khác đã học [12, 107].

Hoạt động 4: Trẻ ứng dụng, tái tạo những kiến thức, kỹ năng đã học.

Giáo viên tổ chức cho trẻ vận dụng tái tạo những kiến thức, kỹ năng đã học vào các hoạt động khác nhau của trẻ, như: tạo hình, âm nhạc, trò chơi,...

Hoạt động 5: Ứng dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng đã học.

Giáo viên tổ chức cho trẻ các hoạt động khác nhau, trong các hoạt động này, trẻ cần ứng dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau nhằm đem lại hiệu quả mong muốn [12, 108].

1.1.5.2. Dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước trong các hoạt động học khác

** Ý nghĩa:*

- Đa dạng hóa các hình thức cho trẻ LQVT trong trường mầm non.
- Đảm bảo nguyên tắc “Học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền với cuộc sống” trong quá trình dạy học những kiến thức toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.
- Tạo điều kiện để củng cố và làm sâu sắc hơn những kiến thức, kỹ năng mà trẻ đã học được trên các hoạt động học toán có chủ đích.
- Góp phần hình thành cho trẻ kỹ năng và thói quen vận dụng những điều đã học vào các tình huống, hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống.

- Giúp trẻ thấy được ý nghĩa của những kiến thức toán học và những kỹ năng nhận biết đã học trong cuộc sống thực tế hàng ngày của trẻ, qua đó hình thành cho trẻ hứng thú đối với những kiến thức, kỹ năng toán học.

* *Cách tiến hành:*

Việc hình thành biểu tượng KT cho trẻ không chỉ trong hoạt động làm quen với toán mà còn được tổ chức tích hợp trong các hoạt động khác, như hoạt động tạo hình, làm quen với môi trường xung quanh, thể dục từ đó giúp cho việc hình thành biểu tượng toán của trẻ bớt khô khan, cứng nhắc.

Trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ, giáo viên có thể giao cho trẻ các nhiệm vụ khác nhau đòi hỏi trẻ phải ứng dụng các kiến thức về KT như: đặt 2 vật có kích thước to hơn - nhỏ hơn/ dài hơn – ngắn hơn/... cạnh nhau; xếp vật có kích thước nhỏ hơn lên trên vật có kích thước to hơn...

Hoạt động ngoài trời có những đặc trưng cơ bản khác với những hoạt động diễn ra trong lớp về không gian, đối tượng và nội dung hoạt động. Dựa vào những đặc trưng này mà giáo viên có thể khai thác lợi thế của HĐNT để hình thành BTKT cho trẻ, kích thích trẻ tích cực nhận thức KT và mối quan hệ KT giữa các đối tượng ở mọi lúc, mọi nơi. Tham gia HĐNT không những giúp trẻ sáng khoái, có những cảm xúc tích cực, mong muốn được khám phá thế giới bên ngoài mà còn thỏa mãn nhu cầu vận động, nhu cầu quan sát các đối tượng khác nhau ở ngoài trời. Từ đó thúc đẩy trẻ so sánh KT các đối tượng với nhau. Các đối tượng ngoài trời như: quả bóng, bập bênh, xích đu, chậu hoa,... giúp GV dễ dàng hình thành cho trẻ các BTKT cũng như tạo tình huống gợi mở cho trẻ hứng thú nhận biết và so sánh KT giữa các đối tượng.

Trong hoạt động tạo hình, qua hoạt động nặn, gấp giấy, xếp hình,... giáo viên giao các nhiệm vụ đa dạng cho trẻ: gấp giấy cái cổng cao, cái cổng thấp, cổng rộng, cổng hẹp, nhà to, nhà nhỏ; vẽ con đường rộng, con đường hẹp; nặn quả to, quả nhỏ với số lượng nhất định,... Các nhiệm vụ của trẻ trong hoạt động tạo hình đòi hỏi trẻ phải vận dụng những kiến thức toán học, kỹ năng nhận biết để thực hiện chúng. Giáo viên có thể hướng sự chú ý của trẻ tới các dấu hiệu toán học có trong các sản phẩm tạo hình của trẻ. Ví dụ: hai ngôi nhà các bạn vừa xây ngôi nhà nào cao hơn, ngôi nhà nào thấp hơn?...

Trong hoạt động phát triển vận động, giáo viên có sử dụng một số đồ dùng trực quan: vòng to, vòng nhỏ; con đường rộng, con đường hẹp;... để trẻ tập các bài vận động...

Hoạt động làm quen với môi trường xung quanh, trẻ được tiếp xúc với rất nhiều đối tượng, thông qua đó giáo viên cần cho trẻ sử dụng các đồ dùng là các vật thật hoặc là những mẫu chuẩn để xác định KT các vật. Trẻ có thể quan sát và nhận xét mối quan hệ chiều dài của các vật với những vật có sự chênh lệch chiều dài một cách rõ ràng. Ví dụ: so sánh chiều dài các lá cây, chiều dài của quả dưa chuột với quả mướp,...

Có thể thấy, nội dung giáo dục ở trường mầm non mang tính tích hợp, trong quá trình trẻ lĩnh hội kiến thức thuộc các lĩnh vực khác nhau, giáo viên cần tận dụng mọi cơ hội, điều kiện để trẻ thấy được mối liên hệ giữa các biểu tượng toán và kiến thức của môn học đó.

Việc tích hợp các nhiệm vụ của chương trình, tích hợp các dạng hoạt động khác nhau của trẻ trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ LQVT sẽ đem lại hiệu quả của quá trình này. Đặc biệt sự tích hợp này rất đặc trưng cho việc dạy trẻ những kiến thức toán học sơ đẳng, bởi đối với trẻ em lứa tuổi mầm non thì việc nắm kiến thức và kĩ năng sẽ diễn ra một cách tự nhiên hơn khi thông qua các hoạt động khác nhau như vui chơi, vận động, chấp ghép, tạo hình,... Vì vậy có thể tiến hành cho trẻ LQVT bằng các hình thức dạy học khác nhau: Trên hoạt động học toán có chủ đích, trên các hoạt động học khác nhau như tạo hình, thể dục,... và trong cuộc sống hằng ngày của trẻ [12, 112].

Tuy nhiên, giáo viên cần hiểu rằng, trong các giờ học đó, các biểu tượng toán được lồng ghép chỉ là phương tiện giúp trẻ tiếp thu kiến thức của môn học khác, vì vậy giáo viên cần nắm chắc chương trình môn toán cũng như chương trình và mục đích của các giờ học khác nhằm lựa chọn nội dung lồng ghép cho phù hợp.

1.1.5.3. Dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước trong các hoạt động ngoài giờ học

Đặc điểm của trẻ dễ nhớ, mau quên và một trong các nguyên tắc dạy học quan trọng là học đi đôi với hành, học phải kết hợp với cuộc sống, do đó việc hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non không chỉ dừng trong các giờ học mà giáo viên cần dạy cho trẻ biết vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động khác của trẻ ở trường mầm non (hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chiều...), từ đó giúp trẻ luyện tập, củng cố những biểu tượng hình dạng đã học. Đồng thời giúp trẻ khắc sâu những kiến thức, kĩ năng

đã có làm cho nhận thức của trẻ sâu sắc hơn; mở rộng kiến thức đã học, cung cấp kiến thức mới sắp học trong tiết học.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động ngoài tiết học, giáo viên kết hợp cho trẻ nhận biết, so sánh về kích thước các vật khác nhau.

Trong **hoạt động chiều**, trẻ sử dụng những hiểu biết về toán để tiến hành các hoạt động, chẳng hạn: trẻ xây các ngôi nhà cao thấp khác nhau; mua các đồ vật trong gia đình có KT theo yêu cầu,...

Hay khi cho trẻ **đi dạo** trong khuôn viên trường, giáo viên có thể hỏi trẻ KT của những đối tượng xung quanh: chậu hoa nào to hơn, cái cây nào cao hơn, luống rau nào dài hơn...

Các hoạt động **lễ hội** cũng là thời điểm thuận lợi để giáo viên kiểm tra kiến thức của trẻ. Tùy tính chất lễ hội mà có thể tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi trong phần hội, đặc biệt là các trò chơi dân gian. Trong quá trình tổ chức chơi, giáo viên lựa chọn thời điểm thích hợp để hỏi trẻ một số câu hỏi đơn giản liên quan đến biểu tượng toán mà trẻ đã học nhằm giúp trẻ ôn luyện, hệ thống lại kiến thức toán của bản thân. Ví dụ: Trong trò chơi ô ăn quan, giáo viên có thể hỏi trẻ những câu hỏi liên quan đến KT của vật: Quân nào to hơn? (quân quan), các ô vuông có KT như thế nào với nhau? (bằng nhau),... Tuy nhiên cũng không nên quá lạm dụng việc hỏi trẻ nhiều câu hỏi để tránh làm giảm hứng thú chơi của trẻ.

Như vậy, trong quá trình dạy trẻ làm quen với toán nhằm hình thành các biểu tượng KT cho trẻ 4 – 5 tuổi, giáo viên phải biết sử dụng, lựa chọn các hình thức khác nhau để cung cấp và củng cố những biểu tượng KT cho trẻ. Bên cạnh việc sử dụng hình thức dạy trong tiết học là chính thì phải biết kết hợp dạy trẻ trên hình thức ngoài tiết học nhằm tạo mọi cơ hội để hình thành biểu tượng KT cho trẻ.

1.1.6. Phương tiện dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước

Việc dạy trẻ 4 – 5 tuổi hình thành biểu tượng kích thước cần dựa trên các hình ảnh và biểu tượng cụ thể. Chính những biểu tượng cụ thể này là cơ sở để hình thành ở trẻ các khái niệm toán học. Nếu thiếu sự tích lũy kinh nghiệm, cảm nhận thì trẻ cũng không thể nắm được một cách đầy đủ những kiến thức và kỹ năng toán học. Chính vì vậy, để làm cho việc dạy học với trẻ trở nên trực quan hơn, việc dạy trẻ không chỉ hạn chế ở việc tạo ra những hình ảnh thị giác, mà còn phải tổ chức các hoạt động thực tiễn cho tất cả trẻ. Trong đó, việc dạy trẻ sẽ diễn ra với sự tham gia của các giác quan khác nhau. Từ đó, những cảm nhận của trẻ trở nên đầy đủ

hơn, chính xác hơn, như các vật khác nhau về chủng loại, có màu sắc, chất liệu, hình dạng khác nhau [13].

Sử dụng phương tiện dạy học có tác dụng làm mở rộng, làm phong phú hơn những kinh nghiệm cảm nhận của trẻ, chính xác hóa những biểu tượng cụ thể, đồng thời góp phần phát triển óc quan sát cho trẻ. Phương tiện dạy học gồm đồ dùng dành cho giáo viên và dành cho trẻ. Hai loại đồ dùng này có kích thước và tác dụng khác nhau. Đồ dùng của giáo viên cần có hình dạng giống với đồ dùng của trẻ. Nhưng kích thước to hơn để cho tất cả trẻ nhìn rõ vật mẫu, đồ dùng của trẻ có kích thước nhỏ hơn để trẻ dễ cầm khi sử dụng.

Hai loại đồ dùng đều được sử dụng trong quá trình dạy trẻ nhưng có vai trò khác nhau. Đồ dùng của giáo viên có tác dụng làm cho quá trình dạy học trở nên hấp dẫn, vừa sức, dễ hiểu đối với trẻ. Tạo điều kiện, cơ sở cảm nhận để hình thành những biểu tượng toán học cụ thể, phát triển hứng thú và các năng lực nhận biết của trẻ. Phương tiện dạy học có tác dụng làm cho quá trình học tập mang tính hành động và tạo điều kiện cho trẻ trực tiếp tham gia vào hoạt động thực tiễn.

1.2. LÝ LUẬN VỀ VIỆC LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI

1.2.1. Khái niệm lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

Lập kế hoạch tổ chức hoạt động LQVT nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi là dự kiến hệ thống các mục tiêu, hoạt động mà trẻ cần đạt được thông qua việc lựa chọn và xác định nội dung, cách thức, phương pháp, biện pháp, phương tiện giáo dục để thực hiện mục tiêu trong khoảng thời gian nhất định và lên kế hoạch đánh giá việc thực hiện hoạt động giáo dục đó.

Lập kế hoạch có vai trò rất quan trọng, giúp giáo viên và trẻ đạt được các mục tiêu đặt ra một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất.

1.2.2. Vai trò của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán đối với việc hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

Việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi là khâu chuẩn bị rất quan trọng của người giáo viên nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong việc hình thành BTKT cho trẻ. Việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành

BTKT cho trẻ 4 – 5 tuổi là hình thức rất ưu việt giúp trẻ nâng cao hiểu biết về hình dạng, vì:

Thông qua việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động LQVT trẻ được cung cấp vốn biểu tượng phong phú và khả năng hình thành BTKT được tốt hơn.

Hơn nữa, việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động LQVT sẽ giúp cho cô và trẻ có được những bước đi hoàn chỉnh và chính xác hơn để đạt được mục tiêu đã đề ra một cách hiệu quả nhất.

Khi liệt kê các công việc giáo viên cần phải làm để hướng tới thực hiện mục tiêu đó việc đi đến cái đích cần đạt được đơn giản hơn rất nhiều, giáo viên sẽ xác định việc lựa chọn các phương thức thực hiện chúng và các phương tiện sẽ sử dụng để giải quyết các nhiệm vụ đã đặt ra nhằm hình thành BTKT cho trẻ một cách có hiệu quả nhất. Việc lập kế hoạch sẽ giúp cho giáo viên có thể gắn mục tiêu với thời gian cụ thể, giúp giáo viên phân bố thời gian hợp lý để có thể giúp trẻ hình thành BTKT hiệu quả nhất mà vẫn đảm bảo có đủ thời gian cho các công việc khác. Công việc của giáo viên rất nhiều, việc lập kế hoạch sẽ giúp giáo viên tránh được sự chông chéo trong công việc và không lãng phí thời gian... Ngoài ra việc lập kế hoạch còn có tác dụng làm giảm đi sự bất ổn định trong các hoạt động của cô và trẻ; giáo viên sẽ xác định được khoảng thời gian cụ thể để thực hiện nhiệm vụ hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mà cụ thể ở đây là hình thành BTKT cho trẻ 4 – 5 tuổi. Giáo viên sẽ phải nhìn về phía trước để dự kiến những thay đổi trong hoạt động của cô và trẻ, cân nhắc các ảnh hưởng của chúng để đưa ra các giải pháp ứng phó thích hợp. Qua đó việc hình thành BTKT của trẻ có điều kiện phát triển tốt hơn, khả năng hình thành biểu tượng hình dạng của trẻ ngày càng được phát triển hơn, ngoài ra còn góp phần hình thành tính tích cực, độc lập của trẻ; giáo dục cho trẻ tinh thần tập thể, dạy trẻ những chuẩn mực đạo đức, những nguyên tắc và thói quen ứng xử, việc dạy trẻ gắn liền với thực tiễn cuộc sống xung quanh trẻ.

Như vậy, vai trò của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ 4 – 5 tuổi là vô cùng quan trọng. Việc lập ra những kế hoạch có hiệu quả sẽ là chiếc chìa khóa cho việc thực hiện một cách hiệu quả những mục tiêu đã đề ra của giáo viên.

1.2.3. Những nguyên tắc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

1.2.3.1. Đảm bảo tính mục đích

Mục đích của việc tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ 5-6 tuổi là làm chính xác hóa, phong phú, khái quát hơn về những biểu tượng kích thước đã có ở trẻ 4 – 5 tuổi. Vì vậy, việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán phải hướng tới mục đích đó. Tức là giáo viên phải tạo cho trẻ sự hứng thú trong các hoạt động, từ đó trẻ lĩnh hội tri thức dễ dàng. Đặc biệt, giáo viên cần tạo tình huống, tạo cơ hội, tạo không gian và thời gian để trẻ được thỏa sức trải nghiệm, được thực hành, được thể hiện những điều trẻ đã biết và được áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống để khắc sâu hơn biểu tượng về kích thước [4, 27].

1.2.3.2. Đảm bảo tính hấp dẫn

Việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi phải hấp dẫn, tạo hứng thú, cuốn hút trẻ tập trung chú ý. Tức là khi tổ chức các hoạt động làm quen với toán giáo viên cần tạo ra sự phong phú về các đồ dùng dạy học, tạo môi trường theo hướng mở để khơi gợi sự tò mò, kích thích trẻ tự tìm tòi, sáng tạo. Giáo viên cần tạo tình huống để trẻ tham gia hoạt động một cách tự nguyện, không bị gò bó hay áp đặt và giải quyết nhiệm vụ của giáo viên thoải mái, tự nhiên. Điều đó làm cho trẻ thích tham gia hoạt động, vận dụng vốn hiểu biết của mình, nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đặt ra [4, 27].

1.2.3.3. Đảm bảo tính hệ thống và tính phát triển

Để đảm bảo nguyên tắc này đòi hỏi khi tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ 4 – 5 tuổi, các hoạt động phải được sắp xếp từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó; tạo cơ hội cho trẻ lĩnh hội kiến thức và hình thành kỹ năng sâu sắc hơn; giúp trẻ có thể vận dụng những điều đã biết vào hoàn cảnh mới, tình huống mới trong sinh hoạt hàng ngày. Nhà giáo dục có thể hướng sự phát triển của trẻ đến “vùng phát triển gần nhất” nâng sự phát triển của trẻ lên tầm cao hơn [4, 27].

Nhiệm vụ nhận thức đặt ra cho trẻ cần phải sắp xếp logic, có trình tự, phù hợp với độ tuổi, theo đúng tiến trình. Những yêu cầu đặt ra cho trẻ tăng dần mức độ khó, kiến thức sau phải bắt nguồn từ nền tảng của kiến thức trước, những gì trẻ đã biết, đã được học sẽ làm cơ sở cho sự lĩnh hội và giải quyết nhiệm vụ nhận thức chưa biết.

Các nội dung dạy trẻ nhằm hình thành biểu tượng kích thước theo trình tự kích thước tăng dần hoặc giảm dần, nhận biết và phản ánh mối quan hệ kích thước giữa bằng lời nói:

- So sánh độ lớn và từng chiều đo kích thước của 2 vật bằng các biện pháp so sánh.
- So sánh độ lớn, chiều dài, chiều rộng và chiều cao của 3 – 5 đối tượng.

1.2.3.4. Đảm bảo tính đa dạng

Lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ 4 – 5 tuổi phải đa dạng, phong phú về cả hình thức, phương pháp. Nên tổ chức hoạt động làm quen với toán dưới nhiều hình thức khác nhau, tránh sự trùng lặp, nhàm chán, khô cứng; cần tạo sự mới lạ, hấp dẫn trẻ. Môi trường học tập đa dạng về màu sắc, kích thước, chủng loại sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, được thực hành, áp dụng vốn hiểu biết của mình trong những tình huống khác nhau [4, 28].

1.2.3.5. Đảm bảo tính linh hoạt

Giáo viên cần linh hoạt trong việc lựa chọn và sử dụng đồ dùng trực quan đảm bảo sự phong phú, đa dạng khi tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 5-6 tuổi. Trong những tình huống cụ thể, giáo viên có thể sử dụng đồ dùng dạy học thay thế mà vẫn đảm bảo thẩm mỹ, vừa sức với trẻ. Bên cạnh đó, giáo viên cần sử dụng phối kết hợp nhiều phương pháp bởi mỗi phương pháp có những ưu điểm riêng, cần linh hoạt sử dụng các phương pháp trong tình huống nhất định [4, 28].

1.2.3.6. Đảm bảo tính chính xác, khoa học

Tính khoa học được thể hiện trong việc giáo viên cần nắm vững đặc điểm hình thành BTKT của trẻ 5-6 tuổi; nắm vững nội dung, phương pháp, hình thức về hình thành BTKT phù hợp với độ tuổi.

Bản chất của biểu tượng toán nói chung và BTKT nói riêng đã chứa đựng tính chính xác cao, vì vậy giáo viên cần chú ý sử dụng ngôn ngữ chính xác để hình thành BTKT cho trẻ. Tính chính xác còn thể hiện ở việc lựa chọn các nội dung về BTKT để dạy trẻ phải phù hợp với độ tuổi và đồ dùng dạy học [4, 28].

1.2.3.7. Đảm bảo tính pháp lệnh

Theo *Chương trình giáo dục mầm non* (kèm theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT về việc hợp nhất các thông tư về chương trình giáo dục mầm non), nội dung hình thành BTKT cho trẻ nói chung, cho trẻ 4 – 5 tuổi nói riêng được sắp xếp theo hệ thống từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, phù hợp với

đặc điểm tâm lí lứa tuổi. Nội dung hình thành BTKT cho trẻ 4 – 5 tuổi gồm có: Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo, đo dung tích một đối tượng bằng một đơn vị đo. Dựa trên các nội dung này, giáo viên sẽ xây dựng các kế hoạch cụ thể nhằm hướng tới hình thành BTKT cho trẻ thông qua việc cung cấp kiến thức, kĩ năng về các đơn vị đo: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao, độ lớn của các vật; làm nền tảng cho trẻ 4 – 5 tuổi lĩnh hội các kiến thức ở lứa tuổi mẫu giáo lớn.

1.2.4. Quy trình lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

1.2.4.1. Xác định đề tài, nội dung tích hợp

Tên đề tài thể hiện lĩnh vực kiến thức mà giáo viên đã lựa chọn trong nội dung dạy trẻ hình thành BTKT. Tên đề tài ngắn gọn, rõ ràng, dễ trẻ dễ nhớ, dễ hiểu (Đo dung tích một đối tượng bằng một đơn vị đo, ...)

1.2.4.2. Xác định mục đích yêu cầu

Xác định mục đích yêu cầu đặt ra cho trẻ trong từng bài học khi tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ: Định được mức độ kiến thức, kĩ năng, thái độ phù hợp với trình độ của trẻ trong lớp, trong từng nhóm trẻ. Mục đích yêu cầu của bài cần được cụ thể hóa để giáo viên có một định hướng rõ ràng, chính xác khi dạy trẻ bài học đó.

- Kiến thức: Những biểu tượng KT cần hình thành cho trẻ: so sánh và nhận biết được sự khác biệt giữa các đơn vị đo của 2, 3 đối tượng; mối quan hệ giữa các đơn vị đo của 2, 3 đối tượng.

- Kỹ năng: Kỹ năng thực hiện các thao tác, các nhiệm vụ hoạt động (so sánh kích thước bằng cách xếp chồng, xếp cạnh hai đối tượng với nhau; khái quát mối quan hệ kích thước của 2, 3 vật;...)

- Thái độ: Giáo dục tư tưởng, thái độ cho trẻ trong giờ học (quan tâm, tích cực, hứng thú...), thái độ đối với đối tượng sử dụng làm đồ dùng dạy học và các học liệu có liên quan đến chủ đề giáo dục.

1.2.4.3. Xác định việc chuẩn bị giờ học

- Đồ dùng: Sử dụng đồ dùng trong chủ đề đang thực hiện, xác định loại đồ dùng, số lượng đồ dùng, hình dạng, màu sắc, thời điểm sử dụng (gây hứng thú, ôn kiến thức cũ, hình thành biểu tượng mới, củng cố kiến thức...). Lưu ý: Đồ dùng dạy học của cô to hơn so với đồ dùng của trẻ để tất cả trẻ được quan sát rõ hơn. Đồ dùng của trẻ đảm bảo đủ cho mỗi trẻ 1 bộ giống nhau.

- Không gian lớp học đủ rộng, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho trẻ hoạt động và cách sắp xếp trẻ khi tổ chức hoạt động làm quen với toán (ngồi chiếu hay bàn, hình chữ U hay vòng tròn....)

- Tìm hiểu và đánh giá kiến thức, kỹ năng về kích thước của trẻ; khả năng tiếp nhận các nội dung mới để từ đó xây dựng kế hoạch cho phù hợp.

- Chuẩn bị câu đố, câu chuyện, bài thơ, bài hát, trò chơi dân gian, trò chơi vận động...có chứa đựng kiến thức, kỹ năng có liên quan đến đề tài, để sử dụng trong tổ chức các giờ làm quen với toán, giúp hoạt động LQVT thêm phong phú, sinh động.

1.2.4.4. Xác định các bước tiến hành giờ học

Hoạt động 1: Ổn định tổ chức, khơi gợi hứng thú

Hoạt động 2: Nội dung

- Ôn tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã học là cơ sở dạy trẻ nội dung mới.

- Hình thành tri thức, kỹ năng mới. Gồm 2 giai đoạn

+ Tổ chức hướng dẫn trẻ thực hiện tiến trình hoạt động thực hành với đồ vật để tạo nên sản phẩm nhất định.

+ Sử dụng phương pháp vấn đáp, hướng dẫn trẻ phân tích, đối chiếu, so sánh, khái quát những vấn đề cần lĩnh hội trên cơ sở tiến trình và kết quả của hoạt động với đồ vật ở giai đoạn 1.

(Đây là phần chính nên chiếm nhiều thời gian nhất)

- Luyện tập củng cố: Tiếp tục cho trẻ hoạt động thực hành với các đối tượng khác nhằm rèn luyện, củng cố kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được.

Hoạt động 3: Kết thúc.

1.2.5. Cấu trúc kế hoạch hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Hoạt động làm quen với toán

Chủ đề:

Đề tài:

Đối tượng trẻ:

Số lượng trẻ:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Người soạn:

Người dạy:

I. Mục đích - yêu cầu

1. *Kiến thức*: (Kiến thức dạy mới, kiến thức củng cố, ứng dụng, kiến thức kết hợp)
2. *Kỹ năng*: (Kỹ năng mới cần hình thành, kỹ năng cũ cần luyện tập)
3. *Thái độ*: (Tích cực, thích tham gia các hoạt động,...)

II. Chuẩn bị

1. Đồ dùng: Của cô, của trẻ (tên, đặc điểm, số lượng, cách sắp xếp đồ dùng học liệu: vật thật hay tranh ảnh, mô hình, đồ chơi,...)
2. Kiến thức, kỹ năng liên quan của trẻ trước khi tổ chức tiết học (nếu cần)
3. Địa điểm: Ghi rõ địa điểm tổ chức tiết học

III. Tiến hành

<i>Phần</i>	<i>Hoạt động của giáo viên</i>	<i>Dự kiến hoạt động của trẻ</i>
1. Gây hứng thú	Giáo viên tạo tình huống/ tổ chức hoạt động để tạo hứng thú cho trẻ, dẫn dắt trẻ vào tiết học.	Trẻ tham gia hoạt động giáo viên tổ chức.
2. Nội dung		
2.1. Ôn kiến thức cũ, kỹ năng cũ	- Cách thức giáo viên hướng dẫn trẻ thực hiện từng hoạt động, từng nhiệm vụ học tập. - Hệ thống câu hỏi, lời hướng dẫn, giảng giải của giáo viên.	- Nêu rõ hoạt động trẻ cần tham gia. - Trình bày các hành động mà trẻ cần thực hiện.
2.2. Dạy kiến thức, kỹ năng mới.	- Cách giáo viên thực hiện hành động mẫu, trình bày mẫu. - Hệ thống bài tập, trò chơi và cách thực hiện chúng khi dạy trẻ.	- Dự kiến kết quả hành động/ câu trả lời cần đạt ở trẻ. - Dự kiến tình huống có thể xảy ra
2.3. Luyện tập, củng cố.	- Dự kiến tình huống xảy ra và cách xử lý	
3. Kết thúc		

Kết luận chương 1

Qua nghiên cứu về cơ sở lý luận của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi là rất cần thiết, giúp trẻ nhận biết, phân biệt được các chiều đo kích thước của các vật như: chiều cao, chiều rộng, chiều dài, độ lớn một cách chính xác nhờ vào biện pháp xếp chồng, xếp cạnh... Giáo viên cần khuyến khích, tạo mọi cơ hội cho trẻ được vận dụng nhiều vào thực tế.

Chương 1 đã làm rõ cơ sở lý luận của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ 4 – 5 tuổi bao gồm:

- Xác định các khái niệm sử dụng trong đề tài, trong đó làm rõ khái niệm BTKT của trẻ 4 – 5 tuổi làm cơ sở cho việc xác định tiêu chí đánh giá trong chương 2.

- Xác định các nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện hình thành BTKT cho trẻ 4 – 5 tuổi

Hoạt động làm quen với toán được tổ chức nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ là hình thức chiếm ưu thế, là hoạt động có chủ đích, có kế hoạch, tạo điều kiện cho trẻ lĩnh hội kiến thức tốt nhất, chính xác và toàn diện. Thông qua việc tổ chức hoạt động làm quen với toán trẻ không chỉ được nhận biết, phân biệt được các chiều đo kích thước của các vật mà còn có kỹ năng đo một đối tượng bằng một đơn vị đo để làm tiền đề cho lứa tuổi sau đo các đối tượng khác nhau bằng một đơn vị đo hoặc đo 1 đối tượng bằng các thước đo khác nhau, được vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn cuộc sống.

Lập kế hoạch nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ có vai trò rất lớn, bởi đây là hình thức tổ chức phù hợp nhận thức của từng độ tuổi. Việc hình thành biểu tượng kích thước của trẻ được đầy đủ, khoa học nhất với cấu trúc rõ ràng, mục tiêu cụ thể, cách thức tổ chức phù hợp.

Như vậy, việc lập kế hoạch nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi là một trong hoạt động cần thiết ở trường mầm non, giúp giáo viên thực hiện một cách khoa học hoạt động làm quen với toán qua đó hình thành biểu tượng kích thước một cách chính xác cho trẻ.

Chương 2
THỰC TRẠNG
HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI
Ở TRƯỜNG MẦM NON

2.1. MỤC ĐÍCH ĐIỀU TRA THỰC TRẠNG

Tìm hiểu thực trạng việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng chiều dài (BTCD) cho trẻ 4-5 tuổi và mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi; từ đó lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi.

2.2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN ĐIỀU TRA

Điều tra thực trạng được tiến hành trong phạm vi sau:

- 50 GV đã và đang giảng dạy các các lớp 4-5 tuổi thuộc một số trường mầm non trong tỉnh Ninh Bình, Nam Định.
- 60 trẻ 4-5 tuổi ở 2 trường mầm non: Tân Thành, Đông Thành (thành phố Ninh Bình)
- Hoạt động Làm quen với toán.
- Thời gian điều tra: Từ tháng 4 năm 2022 (bắt đầu từ 18/4/2022)

2.3. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

- Nhận thức của giáo viên về việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi.
- Việc tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi
- Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi.

2.4. CÁCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Bước 1:

- Gửi phiếu khảo sát tới GVMN. Phiếu khảo sát gồm hệ thống câu hỏi đóng và câu hỏi mở.
- Dự giờ hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi.
- Đàm thoại: Tiến hành đàm thoại, trao đổi ý kiến với ban giám hiệu nhà trường mầm non, giáo viên mầm non, trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi nhằm làm rõ các nội dung cần khảo sát, đồng thời xác định rõ nguyên nhân của thực trạng.
- Nghiên cứu sản phẩm: Kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi của GVMN, sản phẩm hoạt động đo lường của trẻ.
- Tổ chức khảo sát mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi.

Bước 2: Xử lý kết quả khảo sát.

Bước 3: Nhận xét ưu điểm, hạn chế của thực trạng và rút ra nguyên nhân.

2.5. TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG CHIỀU DÀI CỦA TRẺ 4-5 TUỔI

2.5.1. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí 1: So sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng

Tiêu chí 2: Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo

2.5.2. Thang đánh giá

Tiêu chí 1: So sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng

- So sánh mối quan hệ hơn nhất: So sánh đối tượng hơn nhất với 2 đối tượng còn lại, nêu kết quả: A là hơn nhất, vì A hơn cả ĐT B và ĐT C 2đ

- So sánh mối quan hệ kém nhất: So sánh đối tượng kém nhất với 2 đối tượng còn lại, nêu kết quả: C là kém nhất, vì C kém hơn cả B và A 2đ

- Nêu mối quan hệ theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần:

+ B kém hơn A nhưng B hơn C 1đ

+ A hơn nhất, B kém hơn, C kém nhất 1đ

+ C kém nhất, B hơn C, A hơn nhất 1đ

- Sắp xếp theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần 3đ

Tiêu chí 2: Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo

- Gọi tên đối tượng đo, đơn vị đo 2đ

- Thực hiện đúng kĩ thuật đo 4đ

- Nêu đúng kết quả đo: số lần đo và tên đơn vị đo 2đ

- Tìm đúng thẻ số tượng ứng với kết quả đo, đặt bên cạnh đối tượng đo 2đ

Mỗi tiêu chí được đánh giá qua 1 bài tập, điểm tối đa trẻ đạt được ở từng tiêu chí là 10 điểm. Với mỗi tiêu chí, có 5 mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi. Tổng điểm tối đa trẻ đạt được sau khi đánh giá 2 tiêu chí là 20 điểm.

Do vậy, sau 2 tiêu chí, có 5 mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi như sau:

Sau 1 tiêu chí

+ Rất cao: 8 - 10 điểm

+ Cao: 6,5 - < 8 điểm

+ TB: 5 - < 6,5 điểm

+ Thấp: 3,5 - < 5 điểm

+ Rất thấp: < 3,5 điểm

Sau 2 tiêu chí

+ Rất cao: 16 - 20 điểm

+ Cao: 13 - < 16 điểm

+ TB: 10 - < 13 điểm

+ Thấp: 7 - < 10 điểm

+ Rất thấp: < 7 điểm

2.5.3. Cách đánh giá trẻ

Đánh giá trẻ theo hệ thống bài tập khảo sát, điền thông tin đánh giá vào phiếu đánh giá, sau đó thống kê kết quả đánh giá theo 5 mức độ của mỗi tiêu chí và 5 mức độ sau cả 2 tiêu chí.

2.5.4. Tổ chức đánh giá trẻ

- Chuẩn bị bàn, vị trí ngồi cho cô và trẻ (phòng thoáng, không gian, ánh sáng phù hợp, yên tĩnh không làm trẻ phân tán).

- Các bài tập đo được tiến hành với từng cá nhân trẻ. Mỗi buổi khảo sát chỉ tiến hành một bài tập. Người nghiên cứu đưa ra các câu hỏi để trẻ trả lời, đưa ra các yêu cầu để trẻ thực hiện. Trong trường hợp cần thiết người nghiên cứu chỉ nhắc lại yêu cầu mà không giải thích, gợi ý gì thêm. Trong lúc trẻ thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi, người đo ghi chép thông tin phản hồi hoặc kết quả thực hiện nhiệm vụ vào phiếu đánh giá trẻ.

2.6. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

2.6.1. Nhận thức của giáo viên về việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

2.6.1.1. Nhận định về mức độ cần thiết của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

Bảng 2.1. Mức độ cần thiết của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động LQVT nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

Mức độ	SL	%
Rất cần thiết	44	88,0
Cần thiết	6	12,0
Không cần thiết	0	0

Kết quả khảo sát cho thấy GVMN nhận thức đúng về mức độ cần thiết của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi, không có giáo viên nào chọn mức không cần thiết.

GVMN giải thích lí do của sự lựa chọn đó như sau:

- Cho trẻ so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng giúp trẻ nhạy cảm hơn với biểu tượng chiều dài của các vật thể, giúp trẻ phát triển vận động tinh trong việc sắp xếp các đối tượng được so sánh; giúp trẻ phát triển ngôn ngữ khi nhận xét, nêu ra kết quả so sánh, củng cố từ chỉ quan hệ hơn kém về chiều dài, làm quen với từ chỉ mối quan hệ hơn nhất, kém nhất về chiều dài của 3 đối

tượng, làm cơ sở cho việc đo chiều dài 3 đối tượng bằng 1 đơn vị đo hoặc đo chiều dài 1 đối tượng bằng 3 đơn vị đo ở lứa tuổi sau.

- Việc đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo giúp trẻ biết quan tâm đến chiều dài của đơn vị đo và đối tượng đo, phát triển kỹ năng đo, vạch làm dấu, đếm, tìm thẻ số tương ứng để xác định kết quả đo chiều dài của đối tượng đo. Do đó, trẻ vừa hình thành BTCD, vừa củng cố biểu tượng số lượng, giúp trẻ chính xác hoá ý nghĩa số lượng của con số.

Có GV chia sẻ: “Theo tôi tổ chức dạy trẻ 4-5 hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ giúp trẻ phát triển tư duy làm giàu vốn từ phát triển ngôn ngữ cho trẻ để trẻ được trải nghiệm với cuộc sống thực tế hàng ngày sau các giờ học”...

2.6.1.2. Nhận định về những nội dung hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

Bảng 2.2. Nội dung hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

Nội dung	Lựa chọn	SL	%
So sánh chiều dài của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ dài hơn-ngắn hơn		38	76,0
So sánh, sắp xếp chiều dài 3 đối tượng		29	58,0
Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo		14	28,0
Đo chiều dài 3 đối tượng bằng 1 đơn vị đo		0	0
Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 3 đơn vị đo		0	0
- Nội dung khác:.....		0	0

Kết quả khảo sát qua phiếu trưng cầu ý kiến cho thấy 76,0% GVMN được khảo sát đã xác định nhằm nội dung dạy trẻ là so sánh chiều dài của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ dài hơn-ngắn hơn vì đây là nội dung dạy trẻ 3-4 tuổi. CTGDMN năm 2021 đã chỉ rõ ở phần nội dung [1,40] và phần kết quả mong đợi [1,56] là: Trẻ 3-4 tuổi cần biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn / nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau còn trẻ 4-5 tuổi là sử dụng dụng cụ để đo độ dài, nói được kết quả đo...

Nội dung *So sánh, sắp xếp chiều dài 3 đối tượng* chỉ có 58,0% GVMN lựa chọn; còn nội dung *Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo* chỉ được chọn bởi 28,0% GVMN dạy trẻ 4-5 tuổi. Điều này cho thấy nhiều GVMN đã xác định chưa đầy đủ nội dung dạy trẻ 4-5 tuổi HTBTCD mặc dù ở câu hỏi trên họ đều cho rằng dạy trẻ về chiều dài là cần thiết.

Không có GVMN nào lựa chọn nội dung *Đo chiều dài 3 đối tượng bằng 1 đơn vị đo và Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 3 đơn vị đo* vì đây là nội dung phù hợp để dạy trẻ 5-6 tuổi.

2.6.1.3. Nhận định về các hình thức hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

Bảng 2.3. Các hình thức hình thành BTCD cho trẻ

TT	Hình thức	Đề tài/Hoạt động	SL	%
1	Giờ học	Làm quen với Toán	50	100
2	Tích hợp trong các giờ học khác	Tạo hình	29	58,0
		Khám phá khoa học/Khám phá xã hội	36	72,0
		Phát triển vận động	33	66,0
		Làm quen chữ cái	21	42,0
		Âm nhạc	14	28,0
		Làm quen tác phẩm văn học	24	48,0
		Giờ học khác:	15	30,0
3	Các hoạt động khác ngoài giờ học	Hoạt động vui chơi	33	66,0
		Hoạt động ngoài trời	33	66,0
		Hoạt động lễ hội	18	36,0
		Hoạt động chiều	33	66,0
		Hoạt động khác:	17	34,0
4	Hình thức khác			

Kết quả khảo sát qua phiếu trưng cầu ý kiến và trò chuyện với GVMN cho thấy họ đã sử dụng phong phú các hình thức hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi, trong đó 100% GV lựa chọn hoạt động dạy trẻ hình thành BTCD ở các giờ Làm quen với toán; kế sau đó là hoạt động khám phá (72,0%), hoạt động ngoài trời, hoạt động vui chơi, hoạt động chiều và hoạt động phát vận động với 66,0% 64,0% vì trẻ có nhiều cơ hội nhận biết, so sánh chiều dài hoặc đo chiều dài ở những hoạt động này.

Ngoài ra, trẻ có thể hình thành BTCD ở các hoạt động khác... nhưng tỉ lệ lựa chọn ít hơn, từ 28,0 – 58,0% vì cơ hội cho trẻ hình thành BTCD không nhiều bằng 6 hình thức trên.

Qua trao đổi, GVMN cho rằng cần sử dụng tất cả các hình thức cả trong hoạt động học cũng như các hoạt động giáo dục khác để tận dụng cơ hội nhằm hình thành BTCD cho trẻ.

Như vậy, GVMN đã lựa chọn hợp lí các hình thức cho trẻ hình thành BTCD của các đối tượng.

2.6.2. Việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

2.6.2.1. Thống kê kế hoạch hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

Bảng 2.4. Các giờ Làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

TT	Đề tài	SL	%
1	So sánh chiều dài của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ dài hơn-ngắn hơn	39	78,0
2	So sánh, sắp xếp chiều dài 3 đối tượng	29	58,0
3	Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	15	30,0
4	Đo chiều dài 3 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	0	0
5	Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 3 đơn vị đo	0	0

Việc khảo sát qua phiếu trưng cầu ý kiến GV và khảo sát kế hoạch giáo dục của họ cho thấy: Có 78,0% GVMN lựa chọn sai nội dung dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành BTCD vì họ đã soạn giáo án *So sánh chiều dài của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ dài hơn-ngắn hơn*, là nội dung dạy trẻ 3-4 tuổi. Trong khi đó, 2 loại tiết phù hợp với việc hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi là *So sánh, sắp xếp chiều dài 3 đối tượng* và *Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo* thì GV soạn giáo án và tổ chức dạy trẻ với tỉ lệ thấp hơn, nhất là với giờ đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo.

Quan đàm thoại trao đổi, đa số GV cho rằng trẻ chủ yếu là so sánh chiều dài của 2 hoặc 3 đối tượng còn nội dung sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng theo chiều tăng dần hoặc giảm dần là khó đối với trẻ 4 – 5 tuổi.

Như vậy, GVMN chưa thực sự quan tâm thực hiện đủ hoạt động dạy trẻ hình thành BTCD phù hợp với trẻ 4-5 tuổi.

2.6.2.2. Những thuận lợi, khó khăn khi tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi

Bảng 2.5. Những thuận lợi, khó khăn

TT	Yếu tố ảnh hưởng	Thuận lợi		Khó khăn	
		SL	%	SL	%
1	Kỹ năng vận động của trẻ 4-5 tuổi	24	48,0	9	18,0
2	Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ 4-5 tuổi	36	72,0	3	6,0
3	Sự phát triển tư duy của trẻ 4-5 tuổi	39	78,0	3	6,0
4	Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ 4-5 tuổi	32	64,0	3	6,0
5	Khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của trẻ 4-5 tuổi	15	30,0	15	30,0
6	Mức độ làm chủ bản thân của trẻ 4-5 tuổi	9	18,0	24	48,0
7	Khả năng nhận xét, đánh giá của trẻ 4-5 tuổi	18	36,0	15	30,0
8	Đồ dùng, đồ chơi, học liệu ở lớp 4-5 tuổi	30	60,0	21	42,0
9	Không gian tổ chức hoạt động giáo dục ở lớp, trường	21	42,0	12	24,0
10	Khả năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động giáo dục của giáo viên	9	18,0	18	36,0
11	Khả năng chuẩn bị môi trường tổ chức hoạt động cho trẻ của giáo viên	24	48,0	6	12,0
12	Ý kiến khác	0	0	6	12,0

Bảng 2.5 cho thấy GVMN đã nhận ra thế mạnh của trẻ 4-5 tuổi trong việc tham gia hoạt động hình thành BTCD, nhất là sự phát triển tư duy, sau đó là sự phát triển ngôn ngữ và tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ. Một yếu tố chủ quan nữa là cơ sở vật chất của trường lớp gồm các đồ dùng, đồ chơi, học liệu và không gian tổ chức hoạt động trải nghiệm ở lớp, trường cũng được GV quan tâm nhưng sự lựa chọn ít hơn.

Có 18,0% GVMN lựa chọn thuận lợi về khả năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động giáo dục hình thành BTCD cho trẻ của giáo viên; 48,0% GV cho rằng họ tự tin về việc chuẩn bị môi trường tổ chức hoạt động cho trẻ mặc dù nhiều người trong số họ soạn giáo án và thực hiện dạy trẻ 4-5 tuổi nội dung phù hợp dành cho trẻ 3-4 tuổi.

Về khó khăn, GV lựa chọn rải rác các biểu hiện khó khăn, tuy nhiên sự lựa chọn tập trung vào các yếu tố khách quan là trẻ (Mức độ làm chủ bản thân của trẻ 4-5 tuổi) và cơ sở vật chất (Đồ dùng, đồ chơi, học liệu ở lớp 4-5 tuổi,

Không gian tổ chức hoạt động giáo dục ở lớp, trường). Những khó khăn về việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy trẻ hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi ít được lựa chọn hơn so với những khó khăn khác.

2.6.2.3. Tổng kết kinh nghiệm khi tổ chức dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành BTCD của GVMN

- Kinh nghiệm về việc lập kế hoạch: Giáo viên luôn lập kế hoạch, giáo án cụ thể, chuẩn bị đồ dùng đồ chơi, luôn chủ động trong việc tạo môi trường cho trẻ hoạt động để hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ.

- Kinh nghiệm về việc lấy trẻ làm trung tâm, quan tâm đến nhu cầu và khả năng nhận thức về BTCD của trẻ: Lấy trẻ làm trung tâm, dựa vào nhận thức của trẻ để lên kế hoạch cho phù hợp; muốn tổ chức dạy trẻ 4- 5 tuổi hình thành biểu tượng chiều dài trước tiên GV phải tìm đặc điểm nhận thức của trẻ 4-5 tuổi về chiều dài;

- Kinh nghiệm về việc tạo môi trường giáo dục: Tận dụng tối đa những đồ dùng đồ chơi, đồ vật có xung quanh trẻ để dạy trẻ biểu tượng chiều dài. Cô nên tận dụng tối đa đk thực tế tại trường lớp để dạy trẻ; Đồ dùng cho trẻ phải đầy đủ, phong phú; Chuẩn bị đủ đồ dùng trực quan; Làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho bài học. Ngoài ra, GVMN còn quan tâm tham mưu với cấp trên, phối kết hợp với phụ huynh để xây dựng môi trường thuận lợi cho việc tổ chức giờ học...

- Về phương pháp hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ: Cho trẻ quan sát qua đồ dùng đồ chơi, đặt câu hỏi đúng với khả năng của trẻ; đặc biệt trẻ phải được thực hành đo. Nên tích hợp thêm biểu tượng chiều dài vào các môn học khác để trẻ dễ ghi nhớ. Dạy trẻ qua trò chơi trẻ sẽ hứng thú hơn. Nên cho trẻ được trải nghiệm thực tế về chiều dài của bộ phận cơ thể (tay, chân) bản thân, của bạn và liên hệ tốt các đồ vật thế giới xung quanh...

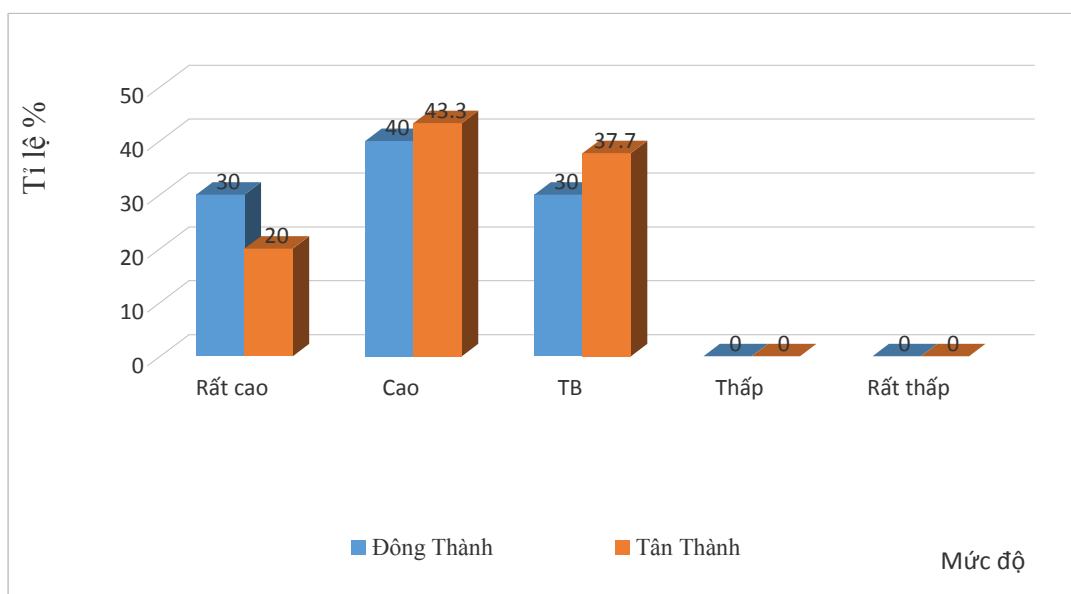
- Về hình thức dạy trẻ hình thành BTCD: Cô luôn gần gũi với trẻ để giúp trẻ học mọi lúc mọi nơi: hễ vui chơi, học tập. Theo tôi tổ chức dạy trẻ 4 - 5 tuổi hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ trong tiết học làm quen với toán, hoạt động ngoài trời cũng như tích hợp trong các giờ học khác nhằm giúp trẻ phát triển tư duy ngôn ngữ và làm giàu vốn từ cho trẻ rất cần thiết. Cho trẻ thực hiện so sánh, sắp xếp chiều dài các đối tượng trong nhiều hoạt động khác nhau ở trường mầm non...

2.6.3. Thực trạng mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi

2.6.3.1. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng

Bảng 2.6. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (Theo %)

Trường	Mức		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
Đông Thành	9	30	12	40	9	30	0	0	0	0	7.0	1.0		
Tân Thành	6	20	13	43.3	11	37.7	0	0	0	0	6.7	1.0		



Biểu 2.1. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (Theo %)

Từ bảng và biểu cho thấy trẻ ở 2 trường có khả năng so sánh, sắp xếp kích thước của 3 đối tượng tương đương nhau, đạt từ mức trung bình đến mức rất cao, không có trẻ đạt mức thấp và rất thấp. Trong đó đa số trẻ tham gia khảo sát ở 2 trường đạt mức trung bình theo thang đánh giá, cụ thể:

Mức rất cao: trường Đông Thành có 9/30 trẻ (30%); trường Tân Thành có 6/30 trẻ (20%); các trẻ ở 2 trường đều đạt điểm trong khoảng 8.0-8.5 điểm.

Số trẻ đạt mức cao cao hơn so với số trẻ đạt mức rất cao và trung bình nhưng không đáng kể: trường Đông Thành có 12/30 trẻ đạt điểm trong khoảng 6.5-7.5 (40%); trường Tân Thành có 13/30 trẻ đạt điểm trong khoảng 7.0-7.5 điểm điểm (43.3%)

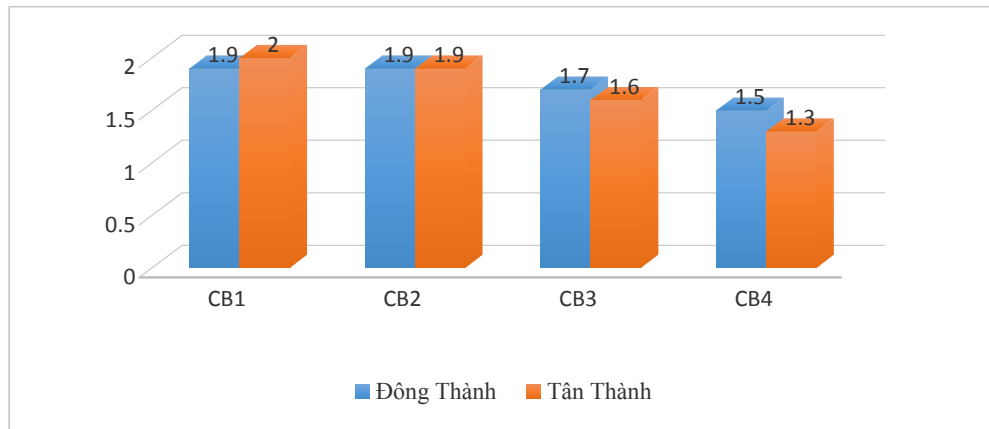
Mức trung bình: trường Đông Thành có 9/30 trẻ (30%), trường Tân Thành có 11/30 trẻ (37.7%); các trẻ đạt điểm trong khoảng 5.0-6.0 điểm nhưng trường Đông Thành không có trẻ nào đạt 5.5 điểm

Mức thấp, rất thấp: Cả 2 lớp không có trẻ nào đạt mức thấp và rất thấp

Như vậy có thể thấy khả năng nhận thức và kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng trên trẻ khá tốt. Điều này thể hiện rõ trong điểm theo tiêu chí của 2 trường như sau:

Bảng 2.7. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (Theo tiêu chí)

Trường \ TC	Tiêu chí 1				\bar{x}	δ
	CB1	CB2	CB3	CB4		
Đông Thành	1.9	1.9	1.7	1.5	7.0	1.0
Tân Thành	2.0	1.9	1.6	1.3	6.7	1.0



Biểu 2.2. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (Theo tiêu chí)

Từ bảng, biểu trên có thể thấy kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng trẻ ở 2 nhóm đều khá tốt, nhất là ở chỉ báo *so sánh mối quan hệ hơn nhất, so sánh mối quan hệ kém nhất* đều đạt điểm trung bình từ 1.9 đến 2.0 điểm. Khi tiến hành khảo sát, bên cạnh các trẻ so sánh đúng chiều dài của các dây đỏ, dây vàng, dây xanh bằng kỹ năng xếp chồng hoặc xếp cạnh, biết vì sao đoạn dây đó dài hơn/ dài nhất/ ngắn hơn/ngắn nhất để chỉ ra mối quan hệ hơn nhất, kém nhất về chiều dài của 3 đoạn dây, thì còn một số trẻ lúng túng trong quá trình so sánh bằng trực quan cũng như thao tác trên đối tượng để chỉ ra đoạn dây dài nhất, đoạn dây ngắn nhất. Những trẻ này chủ yếu mới so sánh được chiều dài của các dây bằng trực quan chứ chưa nói được vì sao dây đó là dài hơn/ dài nhất/ ngắn hơn/ ngắn nhất. Ở chỉ báo 1, 2 trẻ 2 trường đều đạt từ 1.0-2.0 điểm và chỉ có 15/60 lượt trẻ đạt từ 1-1.5 điểm ở 2 chỉ báo này.

Chỉ báo 3 “*Nêu mối quan hệ theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần*” có điểm trung bình thấp hơn chỉ báo 1, 2. Không có trẻ nào ở 2 trường đạt điểm tối

đa (3.0 điểm), mà trẻ đạt từ 1.0-2.5 điểm và mức điểm ở hai trường tương đương nhau, có kết quả ngang nhau, thấp hơn so sánh mối quan hệ hơn nhất, mối quan hệ kém nhất ở chỉ báo này, trẻ còn nhầm lẫn khi nêu kết quả so sánh, chưa nêu chính xác mối quan hệ chiều dài giữa các dây. Trẻ gặp khó khăn khi diễn đạt các từ chỉ mối quan hệ tăng dần, giảm dần giữa các đối tượng: dài nhất, ngắn nhất, dài hơn, ngắn hơn,...nên trẻ nêu chưa chính xác kết quả về chiều dài giữa 3 đối tượng.

Chỉ báo sắp xếp thứ tự tăng dần hoặc giảm dần có điểm trung bình thấp hơn các chỉ báo trước. Ở chỉ báo này không có trẻ nào đạt điểm tối đa (3.0 điểm), trẻ đạt từ 1.0-2.0 điểm. Các trẻ còn nhầm lẫn giữa xếp tăng dần và giảm dần về chiều dài của 3 đối tượng. Nếu có xếp đúng thì trẻ cũng mất nhiều thời gian suy nghĩ và chỉnh sửa lại vị trí của các dây trong quá trình sắp xếp.

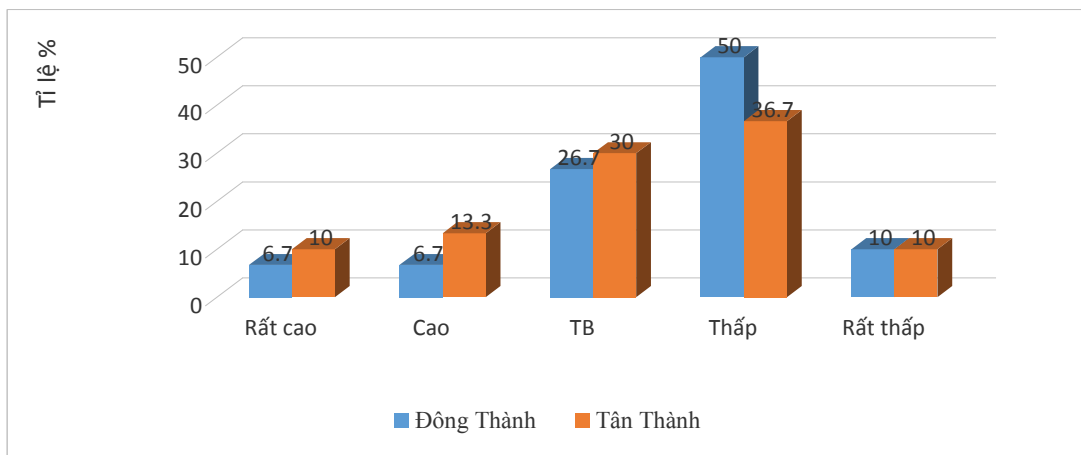
Xét về điểm trung bình, sự chênh lệch về điểm trung bình giữa hai nhóm không đáng kể nhóm trẻ trường Đông Thành đạt 7.0 điểm đạt mức cao theo thang đánh giá, cao hơn trẻ trường Tân Thành 0.3 điểm, đạt mức cao theo thang đánh giá.

Xét theo độ lệch chuẩn, độ lệch chuẩn của trẻ ở 2 trường bằng nhau (1.0 điểm). Tuy giữa 2 nhóm trẻ vẫn có sự khác biệt về phổ điểm và mức điểm trung bình ở các chỉ báo của trẻ trường Đông Thành cao hơn so với trẻ trường Tân Thành.

2.6.3.2. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo

Bảng 2.8. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)

Trường	Mức		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
Đông Thành	2	6.7	2	6.7	8	26.7	15	50	3	10	4.9	1.4		
Tân Thành	3	10	4	13.3	9	30	11	36.7	3	10	5.2	1.4		



Biểu 2.3. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (Theo %)

Từ bảng và biểu cho thấy trẻ ở 2 trường có Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo tương đương nhau, đạt từ mức rất thấp đến mức rất cao. Trong đó đa số trẻ tham gia khảo sát ở 2 trường đạt mức thấp theo thang đánh giá, cụ thể:

Mức rất cao: Trường Đông Thành có 2/30 trẻ (6.7%), trường Tân Thành có 3/30 trẻ (10%).

Mức cao: Trường Đông Thành có 2/30 trẻ (6.7%), trường Tân Thành có 4/30 trẻ (13.3%).

Mức trung bình: Trường Đông Thành có 8/30 trẻ (26.7%), trường Tân Thành có 9/30 trẻ (30%).

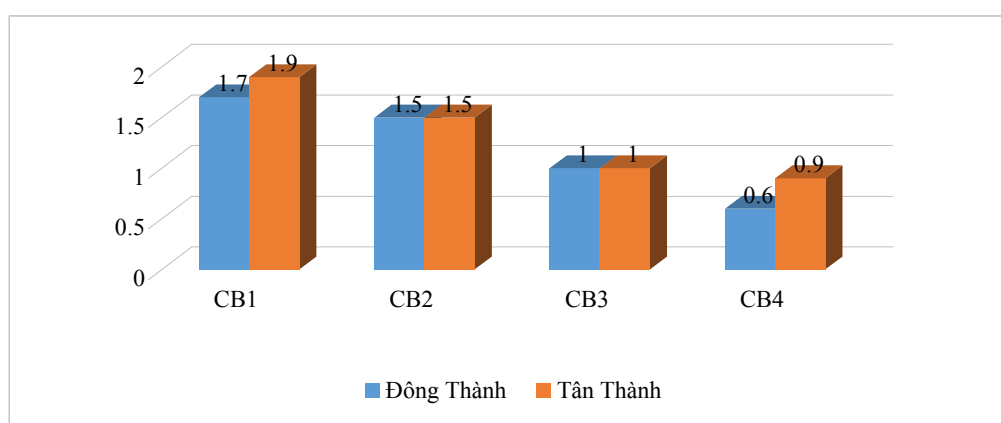
Mức thấp: Trường Đông Thành có 15/30 trẻ (50%), trường Tân Thành có 11/30 trẻ (36.7%).

Mức rất thấp: Trường Đông Thành có 3/30 trẻ (10%), trường Tân Thành có 3/30 trẻ (10%).

Có thể thấy Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo của trẻ còn hạn chế. Điều này thể hiện rõ trong điểm theo tiêu chí của 2 lớp như sau:

Bảng 2.9. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí)

Trường \ TC	Tiêu chí 1				\bar{x}	δ
	CB1	CB2	CB3	CB4		
Đông Thành	1.7	1.5	1.0	0.6	4.9	1.4
Tân Thành	1.9	1.5	1.0	0.9	5.2	1.4



Biểu 2.4. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí)

Kết quả khảo sát cho thấy Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo của trẻ ở 2 trường thấp hơn so với kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng.

Chỉ báo 1 có điểm trung bình cao nhất ở cả 2 nhóm. Phần lớn các trẻ đều gọi được tên đối tượng đo (băng giấy) và đơn vị đo (thước đo). Tuy nhiên còn nhiều trẻ vẫn còn nhầm lẫn hoặc chưa tìm và chỉ ra chính xác tên đối tượng đo, thước đo. Trẻ nhầm đối tượng đo thành thước đo và ngược lại.

Chỉ báo 2 không có trẻ nào đạt điểm tối đa (4.0 điểm), chỉ có 3/60 trẻ đạt 3.0 điểm, các trẻ khác đạt từ 0.0-2.0 điểm. Đây là chỉ báo khó đối với trẻ, trẻ không những phải nói được cách đo băng giấy mà còn phải thực hiện đo băng giấy. Các trẻ còn lúng túng khi nói cách đo băng giấy, trẻ nói không đúng, không đầy đủ cách đo nên chưa đạt điểm tối đa. Trẻ không nói đặt thước trùng với mép trái hay phải của băng giấy mà trẻ chỉ nói chung chung là đặt thước ở một đầu của băng giấy; không nói được là đặt thước trùng với vạch vừa đánh dấu mà mới chỉ nói là nhắc thước và tiếp tục đo,... Chính vì chưa nói được chính xác cách đo nên khi trẻ thực hiện đo cũng gặp khó khăn. Trẻ sẽ không biết nên đo như thế nào, bắt đầu từ mép nào của băng giấy,... ảnh hưởng đến kết quả đo. Với những trẻ nói được cách đo thì thuận lợi hơn, tuy nhiên không phải trẻ nào cũng thực hiện được kỹ thuật đo chính xác. Có trẻ đặt thước đo chưa trùng khít với mép trái của băng giấy, có trẻ do tay còn nhỏ, nên việc vừa giữ băng giấy, vừa giữ thước, cầm bút vạch vào băng giấy còn khó khăn. Giáo viên nên tạo điều kiện để trẻ thực hiện đo nhiều hơn nhằm củng cố kiến thức cũng như kỹ năng đo cho trẻ.

Ở chỉ báo 3, người khảo sát yêu cầu trẻ phải nêu được số lần đo và tên đơn vị đo. Nhưng chỉ có 7/60 trẻ trả lời đúng với yêu cầu, đạt tối đa 2.0 điểm. Các trẻ khác còn nói thiếu, nói chưa đúng. Thay vì nói *Băng giấy dài bằng 5 lần thước đo* thì trẻ lại nói *Băng giấy dài 5 lần/ thước đo đo 5 lần băng giấy/...* các trẻ này đạt từ 0.0-1.5 điểm.

Chọn thẻ số biểu thị kết quả đo và đặt bên cạnh đối tượng đo là chỉ báo đạt điểm trung bình thấp nhất. Trẻ không nói được kết quả đo nên không biết chọn thẻ số nào để đặt vào đối tượng đo, chỉ có 4/ 50 trẻ tìm được thẻ số và gắn vào cạnh phải băng giấy. Đối với chỉ báo 4, trẻ chọn thẻ số còn chậm, và trẻ cũng không xác định được phải đặt thẻ số ở cạnh nào của băng giấy.

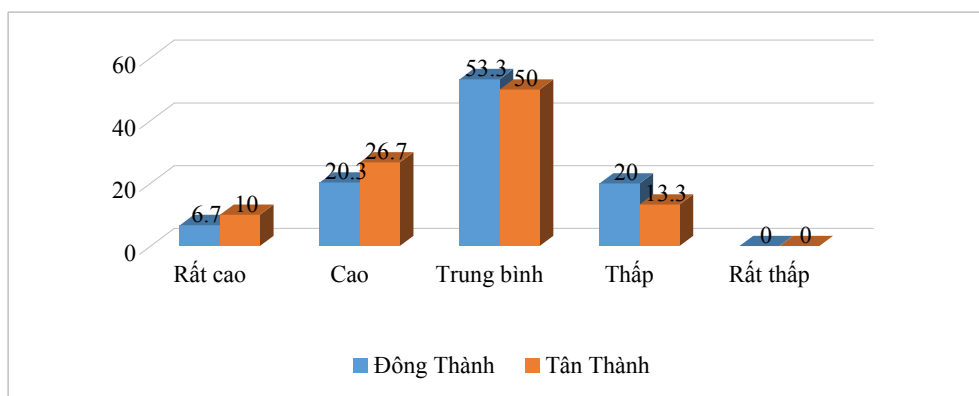
Xét về điểm trung bình, nhóm trẻ Tân Thành đạt 5.2 điểm đạt mức trung bình theo thang đánh giá, cao hơn trẻ trường Đông Thành là 0.3 điểm, đạt mức thấp theo thang đánh giá.

Xét theo độ lệch chuẩn, độ lệch chuẩn của trẻ cả 2 trường là 1.4. Tuy độ lệch chuẩn giữa 2 trường bằng nhau nhưng điểm trung bình còn ở mức trung bình, thấp; phổ điểm của trẻ còn chưa đồng đều.

2.6.3.3. Đánh giá thực trạng mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi

Bảng 2.10. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi

Trường	Mức Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Đông Thành	2	6.7	7	20.3	16	53.3	6	20	0	0	11.9	2.1
Tân Thành	3	10	8	26.7	15	50	4	13.3	0	0	11.9	2.15



Biểu 2.5. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi

Từ kết quả khảo sát cho thấy trẻ ở trường có mức độ hình thành BTCD tương đương nhau, điếm từ mức thấp đến mức rất cao, tập trung nhiều ở mức trung bình. Cụ thể:

Mức rất cao: Trường Đông Thành có 2/30 trẻ (6.7%), trường Tân Thành có 3/30 trẻ (10%).

Mức cao: Trường Đông Thành có 7/30 trẻ (20.3%), trường Tân Thành có 8/30 trẻ (26.7%).

Mức trung bình: Trường Đông Thành có 16/30 trẻ (53.3%), trường Tân Thành có 15/30 trẻ (50%).

Mức thấp: Trường Đông Thành có 6/30 trẻ (20%), trường Tân Thành có 4/30 trẻ (13.3%).

Mức rất thấp: Không có trẻ nào đạt mức rất thấp ở cả 2 trường

Trong quá trình khảo sát, hầu hết các trẻ đã chỉ ra được mối quan hệ hơn nhất, kém nhất của 3 đối tượng bằng kinh nghiệm trực quan, nhưng nhiều trẻ chưa giải thích được vì sao lại như thế. Trẻ cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình nêu thứ tự tăng dần hoặc giảm dần về chiều dài của các đối tượng do trẻ bị nhầm giữa các từ chỉ mối quan hệ hơn kém của 3 đối tượng. Trẻ cũng còn lúng túng trong quá trình sắp xếp theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần. Có trẻ đã chọn

đúng đối tượng có chiều dài như yêu cầu nhưng mất nhiều thời gian để sắp xếp đúng thứ tự của các đối tượng.

Tiêu chí 2 có điểm trung bình ở các chỉ báo cũng như điểm trung bình của tiêu chí thấp hơn so với tiêu chí 1. Vẫn có nhiều trẻ nêu sai tên hoặc nhầm lẫn giữa đối tượng đo và đơn vị đo nên chưa đạt điểm tối đa. Trẻ còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hành đo đối tượng do trẻ chưa nắm vững cách đo, khả năng cầm, giữ các đối tượng còn chưa tốt nên ảnh hưởng đến kỹ năng đo, kết quả đo. Chỉ có 1 số trẻ nêu đúng kết quả đo và tìm đúng thẻ số tương ứng với kết quả đo, đặt bên cạnh phải của đối tượng đo. Còn phần lớn trẻ chưa nêu chính xác kết quả đo cũng như mất nhiều thời gian trong tìm thẻ số và đặt thẻ số.

Xét về điểm trung bình, trẻ trường Đông Thành đạt 11.9 bằng điểm trường Tân Thành theo thang đánh giá.

Xét theo độ lệch chuẩn, độ lệch chuẩn của trẻ trường Đông Thành là 2.16 cao hơn độ lệch chuẩn của trẻ trường Tân Thành là 0,05. Tuy giữa 2 nhóm trẻ có sự khác biệt không đáng kể nhưng tỉ lệ chênh lệch vẫn còn khá cao so với điểm trung bình trẻ đạt được.

2.7. NGUYÊN NHÂN THỰC TRẠNG

2.7.1. Nguyên nhân khách quan

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy mức độ hình thành biểu tượng kích thước của trẻ 4 – 5 tuổi có những hạn chế nhất định do các nguyên nhân khách quan sau:

* Xuất phát từ giáo viên và trẻ:

Số lượng trẻ trong lớp quá đông nên giáo viên khó quan tâm hết được cho tất cả các trẻ. Một số trẻ có khả năng tiếp thu chậm, sự tập trung, chú ý kém, nhút nhát, không tích cực hoạt động, giáo viên không thể bao quát hết để kịp thời hướng dẫn, có lúc trẻ tự mày mò, thực hiện các thao tác không chính xác dẫn đến trẻ hiểu sai kiến thức.

Giáo viên còn bận nhiều công việc từ các cuộc thi, làm đồ dùng đồ chơi, hoàn thiện các loại hồ sơ sổ sách.... nên việc thực hiện chương trình chưa được thực hiện thường xuyên.

* Về cơ sở vật chất:

Tình trạng thiếu đồ dùng, đồ chơi trong tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ diễn ra phổ biến do đồ dùng bị mất, hỏng,

không đảm bảo về thẩm mỹ, sự đa dạng. Bên cạnh đó, đồ dùng, học liệu còn chưa phù hợp với chủ đề, nội dung giờ dạy.

Không gian lớp chật do trẻ đông từ đó ảnh hưởng đến việc tổ chức các trò chơi cũng như khó khăn trong việc xây dựng, thiết kế các mô hình dạy học phong phú.

Một số trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi lâu năm đã xuống cấp thậm chí hỏng như bộ các hình học làm bằng bìa cứng nên dễ bị hỏng, rách thiếu hấp dẫn đối với trẻ.

2.7.2. Nguyên nhân chủ quan

- Giáo viên mầm non chưa nắm đầy đủ các loại tiết trong hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi, còn chưa chú trọng vào nội dung sắp xếp theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần của 3 đối tượng, đặc biệt giáo viên chưa tập trung cũng như không lập kế hoạch giúp trẻ đo kích thước 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo.

- Giáo viên chưa nắm vững đặc điểm tâm sinh lý của trẻ nên một số hoạt động trẻ chưa được trực quan với đối tượng nên một số trẻ chưa có kỹ năng sắp xếp 3 đối tượng theo chiều giảm dần hoặc tăng dần và còn yếu về kỹ thuật đo, thao tác đo của trẻ còn lúng túng, chưa chính xác...ảnh hưởng đến việc tiếp nhận kiến thức về kích thước của trẻ

- Một số giáo viên còn chưa chủ động tìm tòi, sáng tạo, đổi mới các hình thức, phương tiện trong quá trình tổ chức các hoạt động dẫn đến cảm giác rập khuôn, nhàm chán.

Kết luận chương 2

Chương 2 chúng tôi đã giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Xác định mục đích, nội dung, thời gian, phạm vi, cách thức nghiên cứu thực trạng.

- Xây dựng tiêu chí, thang đo, bài tập và phiếu khảo sát mức độ hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi, phiếu trưng cầu ý kiến của giáo viên.

- Kết quả khảo sát cho thấy:

- + Giáo viên đều có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTCĐ cho trẻ 4-5 tuổi nhưng khi dạy trẻ làm quen với biểu tượng chiều dài, giáo viên chưa quan tâm cho trẻ sắp xếp 3 đối tượng theo chiều giảm dần hoặc tăng dần, chưa chú ý cho trẻ đo 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo. Đây cũng là một nội dung khó tích hợp trong các hoạt động học và các hoạt động giáo dục khác hoặc tích hợp chưa phù hợp với nội dung dạy trẻ 4 – 5 tuổi hình thành BTCĐ.

- + Khả năng hình thành BTCĐ của trẻ chưa cao và không đồng đều, trẻ còn gặp khó khăn trong việc sắp xếp 3 đối tượng theo chiều giảm dần hoặc tăng dần; kỹ năng đo còn hạn chế.

- Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả hình thành BTCĐ cho trẻ 4 – 5 tuổi bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan xuất phát từ phía nhà trường, giáo viên và đặc điểm nhận thức của trẻ...

- Đề tài đã đưa ra được các kế hoạch làm quen với toán nhằm hình thành BTCĐ cho trẻ 4 – 5 tuổi. Sử dụng các vật đo thành biểu tượng kích thước cho trẻ. Hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4 – 5 tuổi.

Để giúp trẻ hình thành BTCĐ tốt thì giáo viên cần xây dựng và sử dụng hợp lý những kế hoạch tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ nói chung và kế hoạch tổ chức hoạt động LQVT nhằm hình thành BTCĐ phù hợp cho trẻ.

Những kết luận trên đây là cơ sở thực tiễn để chúng tôi nghiên cứu lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTCĐ cho trẻ 4 – 5 tuổi ở trường mầm non nhằm góp phần nâng cao chất lượng hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ ở trường mầm non.

Chương 3

LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI VÀ THỰC NGHIỆM SỰ PHẠM

3.1. LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN NHẪM HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG KÍCH THƯỚC CHO TRẺ 4-5 TUỔI

So sánh, sắp xếp chiều dài 3 đối tượng

Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo

3.2. THỰC NGHIỆM SỰ PHẠM

3.2.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm nhằm kiểm chứng tính khả thi, tính hiệu quả của các kế hoạch đã lập nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

3.2.2. Nội dung thực nghiệm

Tổ chức các kế hoạch hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

3.2.3. Mẫu thực nghiệm

Thực nghiệm tiến hành với 50 trẻ 4-5 tuổi ở trường mầm non Đông Thành, Tân Thành trong đó có 25 trẻ ở nhóm thực nghiệm, 25 trẻ ở nhóm đối chứng. Hai nhóm này có nhiều điểm tương đồng về:

- Số lượng trẻ trai và trẻ gái
- Điều kiện chăm sóc giáo dục
- Trình độ của giáo viên và trẻ

3.2.4. Thời gian thực nghiệm: Tháng 5 năm 2022

3.2.5. Tiêu chí và thang đánh giá (mục 2.5.2)

Bài tập đánh giá, phiếu đánh giá (Phụ lục 2)

3.2.6. Quy trình tổ chức thực nghiệm

Bước 1: Chọn mẫu thực nghiệm.

Bước 2: Chuẩn bị thực nghiệm.

Bước 3: Tổ chức các hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực nghiệm.

3.2.7. Kết quả thực nghiệm

3.2.7.1. Khảo sát mức độ hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi trước thực nghiệm

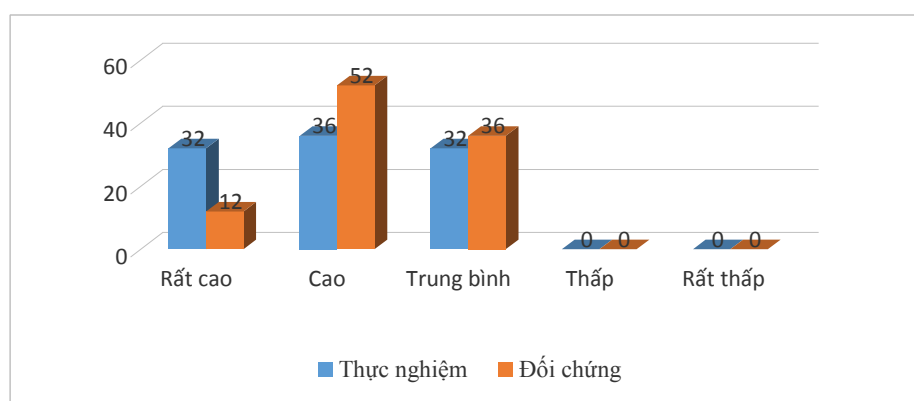
Đề tài chọn 50 trẻ 4-5 tuổi để tổ chức thực nghiệm tại trường mầm non Đông Thành, Tân Thành - Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, trong đó có 25 trẻ ở nhóm thực nghiệm, 25 trẻ ở nhóm đối chứng. Dưới đây là kết quả khảo sát trẻ:

a. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng

Kết quả khảo sát Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng ở cả hai nhóm trẻ được thể hiện như sau:

Bảng 3.1. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo %)

Nhóm	Mức		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
Thực nghiệm	8	32	9	36	8	32	0	0	0	0	7.0	1.0		
Đối chứng	3	12	13	52	9	36	0	0	0	0	6.6	0.8		



Biểu 3.1. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo %)

Trước thực nghiệm, trẻ ở 2 nhóm có khả năng so sánh, sắp xếp kích thước của 3 đối tượng đạt từ mức trung bình đến mức rất cao, không có trẻ đạt mức thấp và rất thấp, cụ thể:

Mức rất cao: Nhóm thực nghiệm có 8/25 trẻ (32%); nhóm đối chứng có 3/25 trẻ (12%). Ở mức này trẻ 2 nhóm đều đạt 8.0 điểm theo thang đánh giá.

Mức cao: Nhóm thực nghiệm có 9/25 trẻ (36%); nhóm đối chứng có 13/25 trẻ (52%), trẻ 2 nhóm đều đạt từ 7.0-7.5 điểm

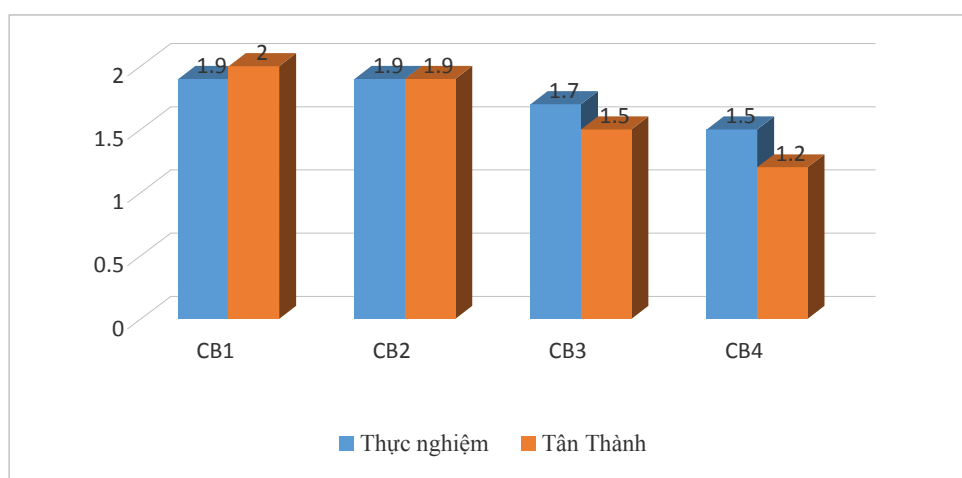
Mức trung bình: Nhóm thực nghiệm có 8/25 trẻ (32%); nhóm đối chứng có 9/25 trẻ (36%).

Mức thấp, rất thấp: Cả 2 nhóm không có trẻ nào đạt mức thấp và rất thấp ở tiêu chí này.

Từ kết quả trên cho thấy kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng trên trẻ khá tốt. Điều này thể hiện rõ trong điểm theo tiêu chí của 2 nhóm như sau:

Bảng 3.2. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo tiêu chí)

Nhóm \ TC	Tiêu chí 1				\bar{x}	δ
	CB1	CB2	CB3	CB4		
Thực nghiệm	1.9	1.9	1.7	1.5	7.0	1.0
Đối chứng	2.0	1.9	1.5	1.2	6.6	0.8



Biểu 3.2. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo tiêu chí)

Từ kết quả khảo sát trên có thể thấy kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng ở 2 nhóm đều khá tốt. Chỉ báo 1, 2 so sánh mối quan hệ hơn nhất, so sánh mối quan hệ kém nhất đều đạt điểm trung bình từ 1.9 đến 2.0 điểm, cao hơn so với chỉ báo 3, 4. Khi tiến hành khảo sát, phần lớn các trẻ trả lời so sánh chiều dài giữa các dây khá nhanh, nhưng lại lúng túng khi được hỏi *Vì sao*, vì vậy còn một số trẻ chưa đạt điểm tối đa ở 2 chỉ báo này. Trong đó, trẻ nhóm đối chứng trả lời được hết các câu hỏi ở chỉ báo 1, 2 nhiều hơn so với nhóm thực nghiệm, số trẻ đạt từ 1.0-1.5 điểm không đáng kể. Cụ thể: nhóm đối chứng có 1/25 trẻ ở chỉ báo 1, 6/25 trẻ ở chỉ báo 2 đạt điểm từ 1.0-1.5; nhóm thực nghiệm có 3/25 trẻ ở chỉ báo 1, 4/25 trẻ ở chỉ báo 2 đạt điểm từ 1.0-1.5 điểm. Các trẻ khác đều đạt tối đa 2.0 điểm ở 2 chỉ báo.

Chỉ báo 3 “*Nêu mối quan hệ theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần*” có điểm trung bình thấp hơn chỉ báo 1, 2. Không có trẻ nào ở 2 nhóm đạt điểm tối đa (3.0 điểm), mà trẻ đạt từ 1.0-2.5 điểm và mức điểm trung bình ở 2 nhóm hơn kém nhau không đáng kể. Trẻ còn nêu chưa chính xác kết quả so sánh giữa các

dây, nhằm lẫn giữa các từ so sánh mỗi quan hệ. Ví dụ: Mỗi quan hệ của dây đỏ, xanh, vàng là “*Dây đỏ dài nhất, dây xanh ngắn hơn, dây vàng ngắn nhất*” mà trẻ lại nói “*Dây đỏ dài nhất, dây xanh dài hơn, dây vàng ngắn nhất*”

Chỉ báo sắp xếp thứ tự tăng dần hoặc giảm dần, cả 2 nhóm có điểm trung bình thấp hơn các chỉ báo trước. Ở chỉ báo này không có trẻ nào đạt điểm tối đa (3.0 điểm), trẻ đạt từ 1.0-2.0 điểm. Các trẻ còn nhầm lẫn giữa xếp tăng dần và giảm dần về chiều dài của 3 đối tượng. Nếu có xếp đúng thì trẻ cũng mất nhiều thời gian suy nghĩ và chỉnh sửa lại vị trí của các dây trong quá trình sắp xếp.

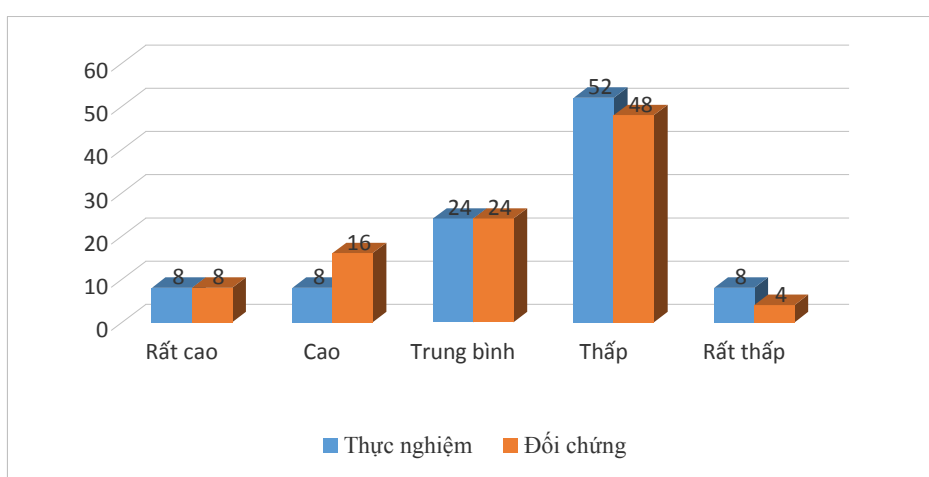
Xét về điểm trung bình, sự chênh lệch về điểm trung bình giữa hai nhóm không đáng kể, trẻ nhóm thực nghiệm đạt 7.0 điểm, cao hơn trẻ nhóm đối chứng 0.4 điểm, cả 2 nhóm đều đạt mức cao theo thang đánh giá.

Xét theo độ lệch chuẩn, độ lệch chuẩn của trẻ ở nhóm đối chứng là 0.8 thấp hơn nhóm thực nghiệm là 0.2. Tuy giữa 2 nhóm có sự khác biệt không đáng kể nhưng tỉ lệ chênh lệch vẫn khá cao so với điểm trung bình trẻ đạt được.

b. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo

Bảng 3.3. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)

Nhóm	Mức		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
Thực nghiệm	2	8	2	8	6	24	13	52	2	8	4.9	1.4		
Đối chứng	2	8	4	16	6	24	12	48	1	4	5.2	1.3		



Biểu 3.3. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)

Bảng và biểu cho thấy trẻ ở 2 trường có Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo tương đương nhau, đạt từ mức rất thấp đến mức rất cao. Cụ thể:

Mức rất cao: Nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đều có 2/25 trẻ (8%).

Mức cao: Nhóm TN có 2/25 trẻ (8%), nhóm ĐC có 4/25 trẻ (16%).

Mức trung bình: Nhóm TN và nhóm ĐC đều có 6/25 trẻ (24%).

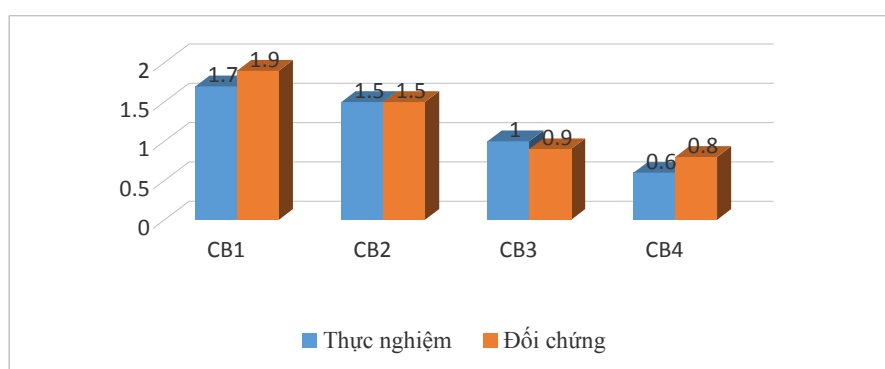
Mức thấp: Nhóm TN có 13/25 trẻ (52%), nhóm ĐC có 12/25 trẻ (48%).

Mức rất thấp: Nhóm TN có 2/25 trẻ (8%), nhóm ĐC có 1/25 trẻ (4%).

Có thể thấy Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo của trẻ trước thực nghiệm còn thấp. Điều này thể hiện rõ trong điểm theo tiêu chí của 2 nhóm như sau:

Bảng 3.4. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí)

TC Nhóm	Tiêu chí 1				\bar{x}	δ
	CB1	CB2	CB3	CB4		
Thực nghiệm	1.7	1.5	1.0	0.6	4.9	1.4
Đối chứng	1.9	1.5	1.0	0.9	5.3	1.3



Biểu 3.4. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí)

Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo của trẻ ở 2 nhóm trước TN thấp hơn so với kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng. Điểm trung bình của chỉ báo 1 cao hơn so với các chỉ báo 2, 3, 4.

Ở chỉ báo 1 nhiều trẻ đã gọi được tên đối tượng đo (băng giấy) và đơn vị đo (thước đo) nhanh và chính xác. Nhưng còn một số trẻ còn lúng túng trong việc chỉ và gọi tên đối tượng đo và đơn vị đo. Qua khảo sát, có thể thấy trẻ ở nhóm ĐC đạt kết quả cao hơn so với nhóm TN, điều đó thể hiện ở điểm mà trẻ đạt được: Nhóm ĐC chứng có 22/25 trẻ đạt tối đa 2.0 điểm, trong khi nhóm TN có 16/25 trẻ đạt điểm tối đa.

Chỉ báo 2 không có trẻ nào đạt điểm tối đa (4.0 điểm) ở cả 2 nhóm, số trẻ đạt 3.0 điểm chỉ có 3/50 trẻ, các trẻ khác đạt từ 0.0-2.0 điểm. Trẻ gặp nhiều khó khăn khi thực hiện chỉ báo này. Trẻ không những phải nói được cách đo băng giấy mà còn phải thực

hiện đo băng giấy theo yêu cầu của người khảo sát. Rất nhiều trẻ lúng túng, chưa diễn đạt đúng cách đo băng giấy, chưa thực hiện được cách đo chính xác nên chưa đạt điểm tối đa. Trẻ không nói được hết các bước của cách đo, hoặc có nói nhưng chưa đủ, chưa chính xác, còn lộn xộn về ý: thước đặt như thế nào, sau mỗi lần vạch thì phải làm gì tiếp,...Trẻ chưa nói được chính xác cách đo nên khi trẻ thực hiện đo cũng gặp khó khăn, kết quả đo chưa chính xác. Trẻ sẽ không biết nên đo như thế nào, bắt đầu từ mép trái hay méo phải của băng giấy,... Mặt khác, trẻ đặt thước đo chưa trùng khít với mép trái của băng giấy, do tay trẻ còn nhỏ, nên việc vừa giữ băng giấy, vừa giữ thước, cầm bút vạch vào băng giấy còn khó khăn, mất nhiều thời gian chỉnh thước, chỉnh băng giấy.

Khi khảo sát chỉ báo *nêu đúng kết quả đo: số lần đo và tên đơn vị đo* chỉ có 5/50 trẻ trả lời đúng với yêu cầu, đạt tối đa 2.0 điểm. Những trẻ khác chưa nói được hoặc nói còn thiếu, chưa đúng với yêu cầu của chỉ báo, đạt từ 0.0-1.5 điểm.

Chỉ báo 4 *Chọn thẻ số biểu thị kết quả đo và đặt bên cạnh đối tượng đo* có điểm trung bình thấp nhất so với các chỉ báo 1, 2, 3. Vì trẻ không nói được kết quả đo nên không biết chọn thẻ số nào để đặt vào đối tượng đo. Điểm trẻ đạt được ở chỉ báo này chủ yếu là 0 – 1.0 điểm, chỉ có 3/50 trẻ đạt tối đa 2.0 điểm. Đối với chỉ báo 4, trẻ chọn thẻ số còn chậm, và trẻ lúng túng khi xác định vị trí đặt thẻ cạnh băng giấy.

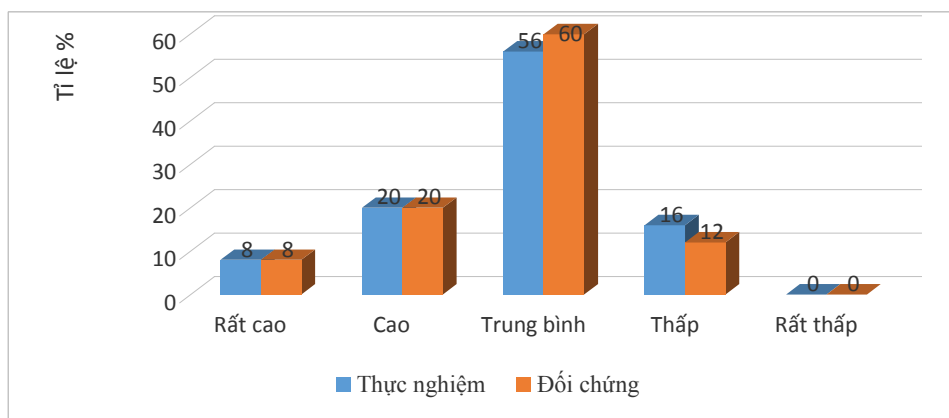
Xét về điểm trung bình, nhóm trẻ ĐC đạt 5.3 điểm đạt mức trung bình theo thang đánh giá, cao hơn trẻ nhóm TN là 0.4 điểm, đạt mức thấp theo thang đánh giá.

Xét theo độ lệch chuẩn, nhóm thực nghiệm là 1.4, cao hơn nhóm ĐC là 0.1. Tuy độ lệch chuẩn giữa 2 nhóm trẻ có sự khác biệt không đáng kể nhưng tỉ lệ chênh lệch vẫn còn khá cao so với điểm trung bình trẻ đạt được.

c. *Đánh giá mức độ hình thành biểu tượng kích thước của trẻ 4-5 tuổi trước thực nghiệm*

Bảng 3.5. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi

Nhóm \ Mức	Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Thực nghiệm	2	8	5	20	14	56	4	16	0	0	11.9	2.1
Đối chứng	2	8	5	20	15	60	3	12	0	0	11.95	1.9



Biểu 3.5. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi

Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi trước thực nghiệm được thể hiện qua Bảng 3.5 và biểu 3.5. Nhìn chung trẻ có mức độ hình thành BTCD dàn trải ở mức thấp đến mức rất cao. Cả 2 nhóm TN và ĐC chủ yếu tập trung ở mức TB theo thang đánh giá, cụ thể:

Mức rất cao: Trẻ ở cả 2 nhóm đều có 2/25 trẻ (8%)

Mức cao: Trẻ ở cả 2 nhóm đều có 5/25 trẻ (20%)

Mức trung bình: Nhóm TN có 14/25 trẻ (56%), nhóm ĐC có 15/25 trẻ (60%).

Mức thấp: Nhóm TN có 4/25 trẻ (16%), nhóm ĐC có 3/25 trẻ (12%).

Mức rất thấp: Không có trẻ nào đạt mức rất thấp ở cả 2 nhóm

Từ kết quả khảo sát có thể thấy mức độ hình thành BTCD của trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi đã đạt từ mức thấp đến mức rất cao, không có trẻ nào ở mức rất thấp. Trẻ có điểm trung bình các chỉ báo ở tiêu chí 1 cao hơn so với tiêu chí 2. Tuy nhiên khi thực hiện khảo sát cả 2 tiêu chí, người khảo sát nhận thấy trẻ còn gặp khó khăn để lựa chọn và sắp xếp các từ chỉ mối quan hệ hơn nhất, kém nhất của 3 đối tượng; khó khăn trong thực hiện đo trên đối tượng và diễn đạt đủ câu thể hiện mối quan hệ về chiều dài và kết quả đo đối tượng.

Xét về điểm trung bình, trẻ nhóm TN đạt 11.9 điểm, thấp hơn trẻ nhóm ĐC là 0.05 điểm, cả 2 nhóm đều đạt mức trung bình theo thang đánh giá.

Xét theo độ lệch chuẩn, độ lệch chuẩn của trẻ nhóm TN là 2.1 cao hơn độ lệch chuẩn của trẻ nhóm ĐC là 0.2. Tuy giữa 2 nhóm trẻ có sự khác biệt không đáng kể nhưng tỉ lệ chênh lệch vẫn còn khá cao so với điểm trung bình trẻ đạt được.

Như vậy có thể thấy, mặc dù trước thực nghiệm cả 2 nhóm đều có trẻ ở mức rất cao nhưng mới chỉ đạt điểm ở ngưỡng thấp nhất của mức rất cao. Mức độ nhận thức, kĩ năng của trẻ về BTCD còn ít và chưa chính xác, chính vì vậy

trẻ gặp khó khăn trong qua trình so sánh, sắp xếp và thực hành đo đối tượng theo yêu cầu.

Để so sánh sự khác biệt về kết quả khảo sát của trẻ ở 2 nhóm ĐC và TN trước thực nghiệm, chúng tôi sử dụng công thức kiểm định T-Student với độ tin cậy 95%, $\alpha=0.05$ theo bảng sau:

Bảng 3.6. Kiểm định kết quả khảo sát nhóm TN và ĐC trước TN

Nội dung kiểm định	Nhóm TN			Nhóm ĐC			T	T α ($\alpha=0.05$)
	\bar{X}_1	σ_1	n ₁	\bar{X}_2	σ_2	n ₂		
	11.9	2.1	25	11.95	1.9	25	0.56	1.708

Từ bảng tính trên có thể thấy $T < T\alpha$ ($0.56 < 1.708$). Điều này chứng tỏ, mức độ hình thành BTCĐ của trẻ 4-5 tuổi trước thực nghiệm còn thấp, khả năng của trẻ hai nhóm khá đồng đều hay sự chênh lệch giữa hai nhóm là không đáng kể.

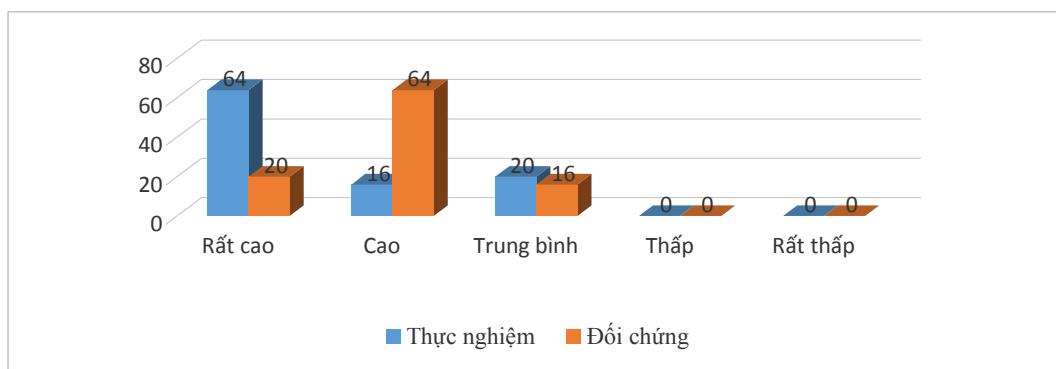
3.2.7.2. Khảo sát mức độ hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi sau thực nghiệm

a. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng

Sau thực nghiệm, kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng ở cả hai nhóm trẻ được thể hiện như sau:

Bảng 3.7. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo %)

Nhóm	Mức	Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Thực nghiệm		16	64	4	16	5	20	0	0	0	0	7.6	1.0
Đối chứng		5	20	16	64	4	16	0	0	0	0	7.0	0.7



Biểu 3.7. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo %)

Sau thực nghiệm, khả năng so sánh, sắp xếp kích thước của 3 đối tượng của trẻ có sự vượt bậc, đặc biệt là trẻ nhóm thực nghiệm, trẻ đạt từ mức trung bình đến mức rất cao, không có trẻ đạt mức thấp và rất thấp, cụ thể:

Mức rất cao: Nhóm thực nghiệm có 16/25 trẻ (64%); nhóm đối chứng có 5/25 trẻ (20%). Số lượng trẻ mức rất cao đều tăng ở 2 nhóm, đặc biệt nhóm thực nghiệm tăng từ 8 trẻ trước TN lên 16 trẻ sau TN. Ở mức này trẻ 2 nhóm đều đạt 8.0-9.0 điểm.

Mức cao: Nhóm thực nghiệm có 4/25 trẻ (16%); nhóm đối chứng có 16/25 trẻ (64%), trẻ 2 nhóm đều đạt từ 6.5-7.5 điểm

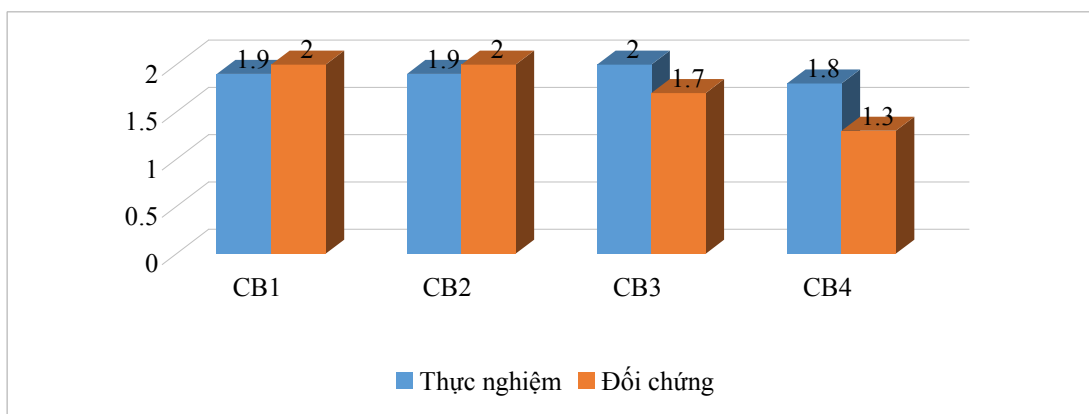
Mức trung bình: Nhóm thực nghiệm có 5/25 trẻ (20%); nhóm đối chứng có 4/25 trẻ (16%).

Mức thấp, rất thấp: Cả 2 nhóm không có trẻ nào đạt mức thấp và rất thấp ở tiêu chí này.

Có thể thấy kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng trên trẻ có sự tiến bộ. Điều này thể hiện rõ trong điểm theo tiêu chí của 2 nhóm như sau:

Bảng 3.8. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo tiêu chí)

TC Nhóm	Tiêu chí 1				\bar{x}	δ
	CB1	CB2	CB3	CB4		
Thực nghiệm	1.9	1.9	2.0	1.8	7.6	1.0
ĐỐI CHỨNG	2.0	2.0	1.7	1.3	7.0	0.7



Biểu 3.8. Kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng (theo tiêu chí)

Từ bảng 3.8 và biểu 3.8 cho thấy kỹ năng so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng ở 2 nhóm đều có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Điểm trung bình các chỉ báo đều tăng so với trước TN. Chỉ báo 1, 2 *so sánh mối quan hệ hơn nhất, so sánh mối quan hệ kém nhất* vẫn giữ được mức điểm trung bình từ 1.9 đến 2.0 điểm. Chỉ còn 6/50 lượt trẻ nhóm thực nghiệm chưa đạt điểm tối đa (2.0 điểm) ở 2 chỉ báo 1, 2. Những trẻ này còn khó khăn khi trả lời các câu hỏi *Vì sao* hoặc có nói được nhưng diễn đạt chưa đủ câu hoặc còn nói nhầm khi dùng từ diễn đạt các mối quan hệ hơn nhất, kém nhất. Trẻ nhóm đối chứng trả lời được hết các câu hỏi ở chỉ báo 1, 2 và đạt tối đa 2.0 điểm.

Tuy chỉ báo 1, 2 nhóm TN có điểm trung bình thấp hơn nhóm ĐC nhưng điểm ở chỉ báo 3, 4 lại cao hơn nhóm ĐC. Chỉ báo 3 “*Nêu mối quan hệ theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần*” điểm của trẻ đã tăng lên, có 1 trẻ ở nhóm TN đạt tối đa 3.0 điểm. Các trẻ khác ở nhóm TN có điểm từ 1.0-2.5 điểm, trong đó chỉ có 3 trẻ đạt 1.0 điểm. Điểm của trẻ nhóm ĐC tuy không cao nhưng cũng có sự tiến bộ. Các trẻ đã trả lời rõ ràng, đủ câu, đủ ý và dùng từ thể hiện mối quan hệ giữa các đối tượng chính xác hơn. Chỉ còn một số trẻ còn chưa nắm rõ các từ ngữ thể hiện mối quan hệ của các đối tượng nên chưa đạt yêu cầu mà người khảo sát đề ra. Cụ thể trẻ sắp xếp chưa chính xác mối quan hệ chiều dài theo chiều tăng dần/giảm dần của các dây đỏ, xanh, vàng: “*dài nhất-ngắn hơn-ngắn nhất*” và “*ngắn nhất-dài hơn-dài nhất*” trẻ lại nói “*dài nhất-dài hơn-ngắn nhất*” hoặc “*ngắn nhất-ngắn hơn-dài nhất*”.

Chỉ báo 4 “*sắp xếp thứ tự tăng dần hoặc giảm dần*”, điểm trung bình tuy thấp hơn chỉ báo 1,2,3 nhưng cả 2 nhóm đều có sự tăng lên so với trước TN. Ở chỉ báo này không có trẻ nào đạt điểm tối đa (3.0 điểm), trẻ đạt từ 1.0-2.5 điểm, trong đó chỉ có 2 trẻ nhóm TN đạt 2.5 điểm; trẻ nhóm ĐC chỉ có 4 trẻ đạt 2.0

điểm, chủ yếu đạt từ 1.0-1.5 điểm, thấp hơn so với điểm của nhóm TN. Những trẻ không đạt điểm tối đa là các trẻ còn nhầm lẫn giữa xếp theo thứ tự tăng dần và giảm dần về chiều dài của 3 đối tượng.

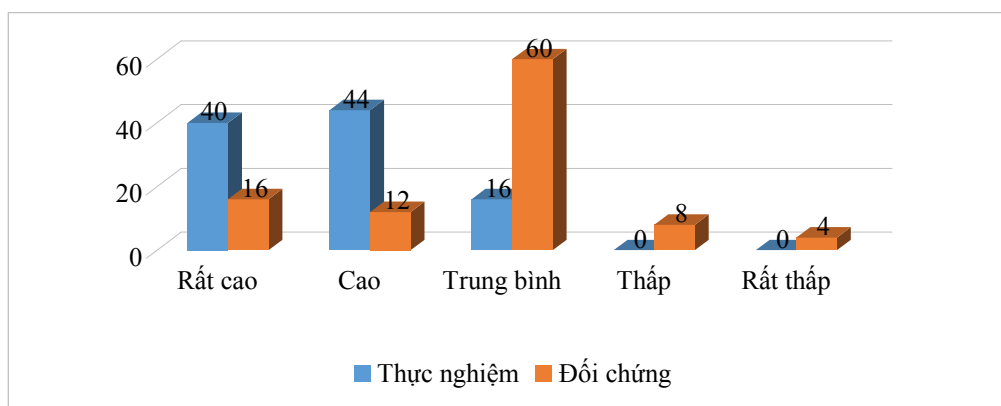
Xét về điểm trung bình, sự chênh lệch về điểm trung bình giữa hai nhóm không đáng kể, trẻ nhóm thực nghiệm đạt 7.6 điểm, cao hơn trẻ nhóm đối chứng 0.6 điểm, cả 2 nhóm đều đạt mức cao theo thang đánh giá.

Xét theo độ lệch chuẩn, độ lệch chuẩn của trẻ ở nhóm đối chứng là 0.7 thấp hơn nhóm thực nghiệm là 0.3. Tuy giữa 2 nhóm có sự khác biệt không đáng kể nhưng tỉ lệ chênh lệch vẫn khá cao so với điểm trung bình trẻ đạt được.

b. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo

Bảng 3.9. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)

Nhóm	Mức		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
Thực nghiệm	10	40	11	44	4	16	0	0	0	0	7.2	0.8		
Đối chứng	4	16	3	12	15	60	2	8	1	4	5.7	1.3		



Biểu 3.9. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo %)

Bảng và biểu 3.8, 3.9 cho thấy Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo ở 2 nhóm có sự thay đổi rõ rệt sau thực nghiệm. Cụ thể:

Mức rất cao: Nhóm TN có 10/25 trẻ (40%), nhóm ĐC có 4/25 trẻ (16%).

Mức cao: Nhóm TN có 11/25 trẻ (44%), nhóm ĐC có 3/25 trẻ (12%).

Mức trung bình: Nhóm TN có 4/25 trẻ (16%), nhóm ĐC có 15/25 trẻ (60%).

Mức thấp: Nhóm TN không có trẻ nào, nhóm ĐC có 2/25 trẻ (8%).

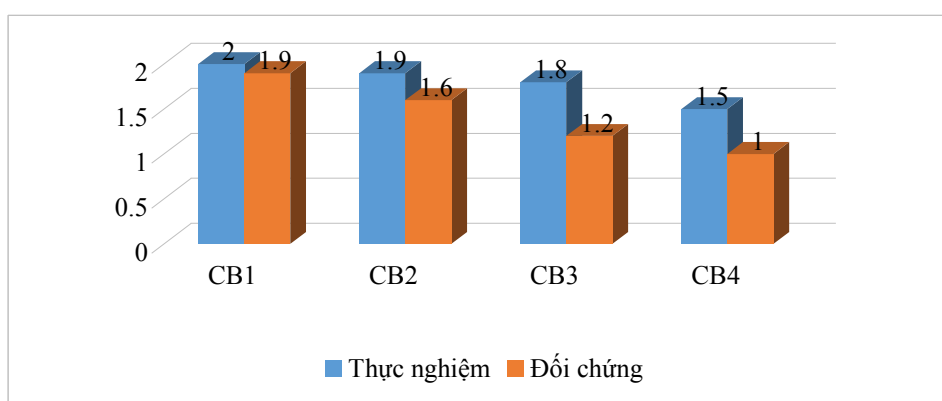
Mức rất thấp: Nhóm TN không có trẻ nào, nhóm ĐC có 1/25 trẻ (4%).

Sau thực nghiệm, Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo của trẻ nhóm TN, ĐC có sự tiến bộ, nhất là nhóm TN không còn trẻ đạt mức thấp và rất

thấp; trẻ nhóm ĐC mức độ rất cao, trung bình tăng, mức độ cao, thấp giảm so với trước TN. Điều này thể hiện rõ trong điểm theo tiêu chí của 2 nhóm như sau:

Bảng 3.10. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí)

Nhóm \ TC	Tiêu chí 1				\bar{x}	δ
	CB1	CB2	CB3	CB4		
Thực nghiệm	2.0	1.9	1.8	1.5	7.2	0.8
Đối chứng	1.9	1.6	1.2	1.0	5.7	1.3



Biểu 3.10. Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo (theo tiêu chí)

Sau TN, Kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo của trẻ ở 2 nhóm có sự thay đổi rõ so với trước TN. Điểm trung bình của các chỉ báo cao hơn so với trước TN.

Điểm trung bình của chỉ báo 1 tăng ở cả 2 nhóm. Trẻ đã gọi được tên đối tượng đo (băng giấy) và đơn vị đo (thước đo) nhanh và chính xác. Chỉ còn một số trẻ ở nhóm ĐC còn chưa chỉ và gọi đúng tên đối tượng đo và đơn vị đo theo yêu cầu của người khảo sát. Còn tất cả trẻ ở nhóm TN đã gọi đúng tên đối tượng đo và đơn vị đo, đạt điểm tối đa (2.0 điểm).

Chỉ báo 2 không có trẻ nào đạt điểm tối đa (4.0 điểm) ở cả 2 nhóm, tuy nhóm ĐC có 1 trẻ đạt 3.0 điểm, nhưng điểm giữa các trẻ nhóm TN lại đồng đều hơn nên điểm trung bình của nhóm TN vẫn cao hơn nhóm ĐC. Trẻ vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi nói cách đo và thực hiện trình tự đo. Trẻ lúng túng trong diễn đạt cách đo và khó khăn khi thực hiện kỹ năng đo. Trẻ trình bày nội dung đo còn lộn xộn, chưa đầy đủ, chính xác, trẻ hay bị nhầm vị trí đặt thước, thay vì đặt ở mép trái của băng giấy trẻ lại đặt ở mép phải,... Do tay trẻ còn nhỏ, nên trẻ nhanh mỏi tay khi phải giữ giấy và thước sao cho không bị xô dịch, đồng thời cầm bút để vạch lên băng giấy, di chuyển thước là sao để có kết quả chính xác. Một khó khăn nữa mà nhiều trẻ gặp phải là trẻ

đặt thước đo chưa trùng khít với mép trái của băng giấy nên kết quả đo chưa chính xác hoặc mất nhiều thời gian chỉnh thước, chỉnh băng giấy.

Số trẻ đạt điểm tối đa khi tham gia khảo sát chỉ báo *nêu đúng kết quả đo: số lần đo và tên đơn vị đo* tăng cao so với trước TN. Bên cạnh các trẻ chưa nói được hoặc nói còn thiếu, chưa đúng kết quả đo thì nhiều trẻ đã nêu được chính xác, mạch lạc kết quả đo mà người khảo sát đưa ra.

Chỉ báo 4 *Chọn thẻ số biểu thị kết quả đo và đặt bên cạnh đối tượng đo* có điểm trung bình tăng so với trước TN. Số trẻ lấy đúng thẻ số biểu thị kết quả đo và đặt vào cạnh phải băng giấy tăng. Nhóm TN có 11/25 trẻ đạt 2.0 điểm; các trẻ khác đạt từ 1.0-1.5 điểm. Trẻ nhóm ĐC cũng có 11/25 trẻ đạt 2.0 điểm nhưng điểm của các trẻ khác đạt từ 0-1.5 điểm. Nên điểm trung bình ở chỉ báo 4 của nhóm ĐC thấp hơn nhóm TN

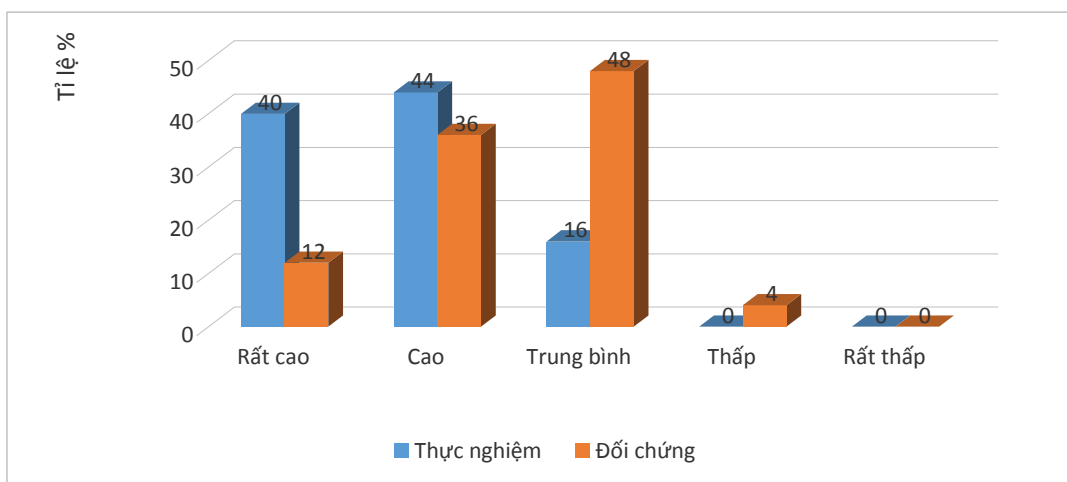
Xét về điểm trung bình, nhóm trẻ TN đạt 7.2 điểm đạt mức cao theo thang đánh giá, cao hơn trẻ nhóm ĐC là 1.5 điểm, đạt mức trung bình theo thang đánh giá.

Xét theo độ lệch chuẩn, nhóm TN là 0.8, thấp hơn nhóm ĐC là 0.5. Tuy độ lệch chuẩn giữa 2 nhóm trẻ có sự khác biệt không đáng kể nhưng tỉ lệ chênh lệch vẫn còn khá cao so với điểm trung bình trẻ đạt được.

c. *Đánh giá mức độ hình thành biểu tượng kích thước của trẻ 4-5 tuổi sau thực nghiệm*

Bảng 3.11. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi

Nhóm	Mức Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Thực nghiệm	10	40	11	44	4	16	0	0	0	0	14.82	1.53
Đối chứng	3	12	9	36	12	48	1	4	0	0	12.8	1.8



Biểu 3.11. Mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi

Bảng 3.11 và biểu 3.11 thể hiện mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi sau thực nghiệm. Trẻ có mức độ hình thành BTCD từ mức trung bình đến mức rất cao. Trong đó trẻ nhóm TN có số trẻ ở các mức cao hơn so với trẻ nhóm ĐC, cụ thể:

Mức rất cao: Nhóm TN có 10/25 trẻ (40%), nhóm ĐC có 3/25 trẻ (12%).

Mức cao: Nhóm TN có 11/25 trẻ (44%), nhóm ĐC có 9/25 trẻ (36%).

Mức trung bình: Nhóm TN có 4/25 trẻ (16%), nhóm ĐC có 12/25 trẻ (48%).

Mức thấp, rất thấp: Không có trẻ nào đạt mức thấp, rất thấp ở cả 2 nhóm

Số liệu trên đã cho thể thấy mức độ hình thành BTCD của trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi đã có sự tiến bộ, đặc biệt là trẻ nhóm TN. Nhóm ĐC vẫn còn trẻ đạt mức thấp trong khi nhóm TN không có trẻ nào. Số trẻ đạt mức cao và rất cao ở nhóm TN cũng tăng đáng kể so với trước TN, từ 2 trẻ đạt mức rất cao và 5 trẻ đạt mức cao lên 10 trẻ đạt mức rất cao và 11 trẻ đạt mức cao. Tuy nhóm ĐC có 1 số chỉ báo có điểm trung bình cao hơn nhóm TN nhưng lại không đồng đều như nhóm TN nên điểm trung bình của cả 2 tiêu chí của nhóm ĐC vẫn thấp hơn nhóm TN. Nếu chỉ báo 1 ở cả 2 tiêu chí trẻ có sự tiến bộ thì chỉ báo 3 của tiêu chí 1 (*Nêu mối quan hệ theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần*) mới chỉ có 1 trẻ nhóm TN đạt điểm tối đa (3.0 điểm) và chỉ báo 2 của tiêu chí 2 chưa có trẻ nào đạt tối đa 4.0 điểm.

Xét về điểm trung bình, trẻ nhóm TN đạt 14.82 điểm, đạt mức cao theo thang đánh giá, cao hơn trẻ nhóm ĐC là 2.02 điểm.

Xét theo độ lệch chuẩn, độ lệch chuẩn của trẻ nhóm ĐC là 1.8, cao hơn độ lệch chuẩn của trẻ nhóm TN là 0.27. Tuy giữa 2 nhóm trẻ có sự khác biệt không đáng kể nhưng tỉ lệ chênh lệch vẫn còn khá cao so với điểm trung bình trẻ đạt được.

Như vậy có thể thấy, sau thực nghiệm mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi ở 2 nhóm, nhất là nhóm TN đã có sự tiến bộ. Thông qua việc tham gia tích cực các kế hoạch được tiến hành trong quá trình thực nghiệm, kiến thức, kỹ năng của trẻ về so sánh, sắp xếp, đo đối tượng đã được củng cố; trẻ tự tin, mạnh dạn, trả lời chính xác hơn trong quá trình khảo sát.

Để so sánh sự khác biệt về kết quả khảo sát của trẻ ở 2 nhóm ĐC và TN trước thực nghiệm, chúng tôi sử dụng công thức kiểm định T-Student với độ tin cậy 90%, $\alpha=0.05$ theo bảng sau:

Bảng 3.12. Kiểm định kết quả khảo sát nhóm TN và ĐC sau TN

Nội dung kiểm định	Nhóm TN			Nhóm ĐC			T	T α ($\alpha=0.05$)
	\bar{X}_1	σ_1	n ₁	\bar{X}_2	σ_2	n ₂		
	14.82	1.53	25	12.8	1.8	25		

Đôi chiếu với bảng tra giá trị kiểm định với khoảng tin cậy (CI) là 90%, ta có $T\alpha = 1.708$, có thể thấy $T > T\alpha$ ($4.27 > 1.708$). Điều đó có nghĩa sự chênh lệch điểm của 2 nhóm có ý nghĩa, mức độ hình thành BTCĐ của nhóm TN có giá trị kiểm định, cũng có nghĩa những kế hoạch mà đề tài đã xây dựng và thực nghiệm trên nhóm TN có tính khả thi, phù hợp với nhận thức của trẻ 4-5 tuổi.

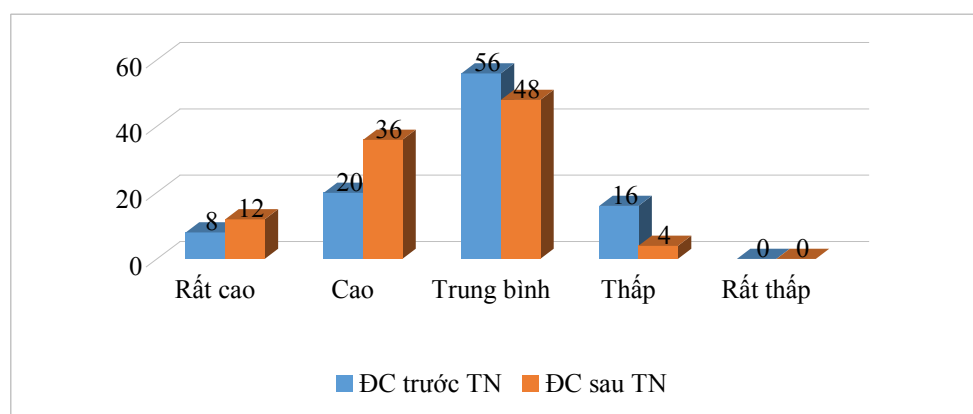
Như vậy, sau thực nghiệm, trẻ nhóm TN đạt kết quả kỹ năng so sánh chiều dài 3 đối tượng và kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo tốt hơn nhóm ĐC, sự chênh lệch điểm giữa các trẻ trong nhóm TN giảm đi, trẻ có BTCĐ đồng đều hơn nhóm ĐC.

3.2.7.3. So sánh kết quả trước thực nghiệm và sau thực nghiệm.

a. So sánh kết quả hình thành biểu tượng chiều dài nhóm ĐC trước và sau TN

Bảng 3.13. Mức độ hình thành BTCĐ nhóm ĐC trước và sau TN (Theo %)

TT	Thời điểm	Xếp loại									
		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Trước TN	2	8	5	20	14	56	4	16	0	0
2	Sau TN	3	12	9	36	12	48	1	4	0	0



Biểu 3.13. Mức độ hình thành BTCĐ nhóm ĐC trước và sau TN (Theo %)

Từ bảng và biểu về mức độ hình thành BTCD của nhóm ĐC trước và sau TN đã chỉ ra rằng: Sau TN, kết quả khảo sát trên trẻ nhóm ĐC đã có sự thay đổi. Số trẻ đạt mức rất cao tăng (từ 8% lên 12%), mức cao tăng (từ 20% lên 36%); số trẻ đạt mức trung bình giảm còn 48% và mức thấp giảm còn 4%. Tuy nhiên số trẻ tăng/ giảm ở các mức độ còn thấp. Điều này cho thấy sự hình thành BTCD của trẻ dưới tác động sư phạm của GVMN chưa rõ rệt, hiệu quả giáo dục chưa cao nên kiến thức, kỹ năng của trẻ trong quá trình so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng và đo chiều dài 1 đối tượng đo bằng 1 đơn vị đo còn thấp, đây chính là nguyên nhân khiến trẻ chưa trả lời được hoặc chưa trả lời chính xác, đầy đủ các câu hỏi “*Vì sao?*”, *nêu mối quan hệ tăng dần hoặc giảm dần của 3 đối tượng; cách đo và thực hành đo đối tượng*. Vì vậy, số trẻ đạt mức rất cao tăng không đáng kể; tỷ lệ trẻ đạt mức cao, trung bình không có nhiều biến động so với trước TN.

Bảng 3.14. Kiểm định kết quả khảo sát nhóm ĐC trước và sau TN

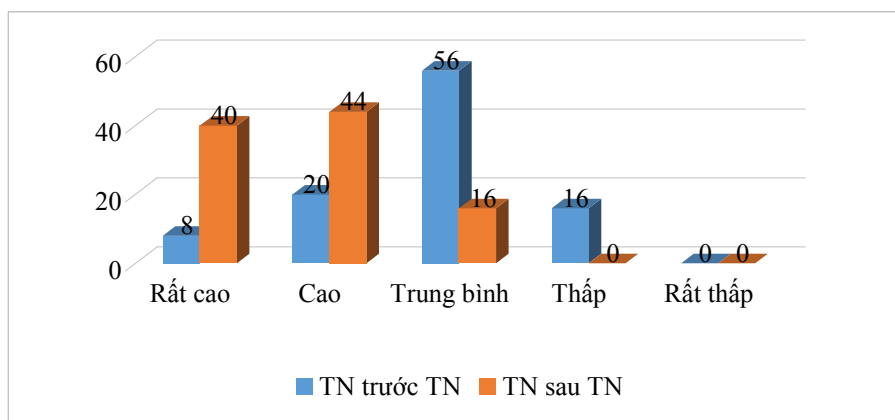
Nội dung kiểm định	Trước TN			Sau TN			T	T α ($\alpha=0.05$)
	\bar{X}_1	σ_1	n ₁	\bar{X}_2	σ_2	n ₂		
		11.95	1.9	25	12.8	1.8	25	1.858

Bảng kiểm định trên cho thấy giá trị $T < T\alpha$ ($1.62 < 1.708$). Điều này chứng tỏ các hoạt động nhằm hình thành BTHD cho trẻ nhóm ĐC mà GV tổ chức chưa đạt mục tiêu giáo dục.

b. So sánh kết quả hình thành BTHD nhóm TN trước và sau TN

Bảng 3.15. Mức độ hình thành BTCD nhóm TN trước và sau TN (Theo %)

TT	Thời điểm	Xếp loại									
		Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Trước TN	2	8	5	20	14	56	4	16	0	0
2	Sau TN	10	40	11	44	4	16	0	0	0	0



Biểu 3.14. Mức độ hình thành BTHD nhóm TN trước và sau TN (Theo %)

Từ bảng và biểu về mức độ hình thành BTCĐ của nhóm TN trước và sau TN đã chỉ ra rằng: Sau TN, kết quả khảo sát trên trẻ nhóm TN đã có sự thay đổi theo hướng tiến bộ rõ rệt. Tỷ lệ trẻ đạt mức rất cao tăng mạnh từ 8% lên 40%, số trẻ đạt mức cao tăng từ 20% lên 44%; số trẻ trung bình giảm từ 56% xuống còn 16%, đặc biệt không còn trẻ đạt mức thấp, mức rất thấp. Điều này chứng tỏ điểm của đa số trẻ đã có sự thay đổi theo hướng tăng lên, tập trung ở mức cao và rất cao sau TN. Sự thay đổi trên được thể hiện qua quá trình khảo sát trẻ, số trẻ đã trả lời được câu hỏi “*vì sao?*” về mối quan hệ hơn nhất, kém nhất của 3 băng giấy; đã nắm được cách sắp xếp theo chiều tăng dần hoặc giảm dần; chỉ ra được chính xác đối tượng đo, đơn vị đo; nêu tương đối đầy đủ cách đo và thực hiện kỹ năng đo;... Như vậy có thể thấy hiệu quả giáo dục của các kế hoạch đã thiết kế nhằm hình thành BTCĐ cho trẻ 4-5 tuổi mà giáo viên đã áp dụng cho trẻ nhóm TN.

Bảng 3.16. Kiểm định kết quả khảo sát nhóm TN trước và sau TN

Nội dung kiểm định	Trước TN			Sau TN			T	T α ($\alpha=0.05$)
	\bar{X}_1	σ_1	n ₁	\bar{X}_2	σ_2	n ₂		
	11.9	2.1	25	14.82	1.53	25		

Bảng kiểm định trên cho thấy giá trị $T > T\alpha$ ($1.862 > 1.708$). Điều này khẳng định các kế hoạch đã thiết kế nhằm hình thành BTCĐ cho trẻ 4-5 tuổi được GV tổ chức trên trẻ nhóm TN là có hiệu quả; mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu được giải quyết.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Từ các biện pháp xây dựng trong chương 2, các nguyên tắc và quy trình lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi; đề tài đã xây dựng 2 kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi gồm: so sánh, sắp xếp chiều dài của 3 đối tượng; đo độ dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo.

- Việc thực nghiệm sư phạm cho thấy sau khi áp dụng 2 kế hoạch hoạt động làm quen với toán vào chương trình giáo dục trẻ 4-5 tuổi ở nhóm TN, kết quả khảo sát đã chứng tỏ tính khả thi, tính thiết thực của các kế hoạch trên; trẻ nhóm TN sau thực nghiệm có mức độ hình thành BTKT cao hơn và ổn định hơn các nhóm trẻ còn lại.

Sự tiến bộ của trẻ thể hiện đồng đều ở cả hai tiêu chí và ở các chỉ báo. Trẻ thực hiện kỹ năng sắp xếp 3 đối tượng theo chiều tăng dần hoặc giảm dần đã nhanh hơn và ở cả chiều ngang, chiều dọc. Đo 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo trẻ đã thực hiện chính xác kỹ năng đo từ bắt đầu cho đến kết thúc.

Như vậy, việc tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ 4 – 5 tuổi đạt được hiệu quả cao khi giáo viên có biện pháp hướng dẫn, tổ chức nhiều hoạt động ứng dụng trong thực tế để trẻ rèn kỹ năng, đa dạng về đồ dùng dạy học.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi là cần thiết và phù hợp với khả năng, nhu cầu nhận thức của trẻ. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã xác định rõ đặc điểm hình thành BTKT của trẻ, từ đó xác định nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi.

Đề tài đã đánh giá thực trạng việc tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ và mức độ hình thành BTCD của trẻ 4-5 tuổi. Kết quả khảo sát cho thấy so sánh chiều dài của 3 đối tượng tương đối tốt, tuy nhiên việc sắp xếp 3 đối tượng theo chiều giảm dần hoặc tăng dần còn chưa cao đặc biệt kỹ năng đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo kết quả đạt được cũng chưa cao. Điểm trung bình chung của trẻ ở 2 nhóm đều ở mức trung bình.

Từ lí luận và cơ sở thực tiễn, đề tài lập các kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ.

Kết quả thực nghiệm cho thấy nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm có sự tiến bộ rõ nét khi trẻ sắp xếp 3 đối tượng theo chiều giảm dần hoặc tăng dần n khi cho trẻ đo 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo thì chỉ còn rất ít trẻ chưa thành thạo kỹ năng, sự chênh lệch mức độ hình thành BTCD của trẻ nhóm TN sau thực nghiệm với các nhóm khác có ý nghĩa kiểm định, đảm bảo độ tin cậy.

Như vậy, các kế hoạch giờ làm quen với toán nhằm hình thành BTCD cho trẻ 4-5 tuổi mà đề tài xây dựng có giá trị thực tiễn, có tính khả thi GVMN có thể sử dụng để dạy trẻ 4-5 tuổi.

2. Kiến nghị

Từ những kết luận trên chúng tôi đưa ra những kiến nghị sự phạm sau:

2.1. Đối với các Khoa Giáo dục mầm non ở các trường sư phạm

Các trường sư phạm cần giáo dục người học nhận thức được tầm quan trọng của việc hình thành BTCD đối với sự phát triển trí tuệ của trẻ nói chung và đối với hình thành BTCD cho trẻ 4 – 5 tuổi nói riêng.

Nên kết hợp với Sở GD & ĐT, Phòng Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức cho giáo viên mầm non, giúp giáo viên lập kế hoạch phù hợp với đối tượng trẻ của lớp mình, điều kiện thực tế trường lớp

2.2. Đối với trường mầm non

Ban Giám hiệu nhà trường và tổ chuyên môn cần chỉ đạo cụ thể, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nội dung dạy trẻ về biểu tượng chiều dài trong chương trình GDMN theo đúng độ tuổi.

Quan tâm, tạo điều kiện cho giáo viên mầm non được học tập, bồi dưỡng, tham gia các lớp tập huấn, buổi chuyên đề, thường xuyên tổ chức các đợt dạy chuyên đề để giáo viên trong trường có điều kiện học hỏi lẫn nhau, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Từ đó, giúp giáo viên mầm non hiểu đầy đủ, chính xác về nội dung hình thành BTCD, hiểu rõ tầm quan trọng của việc hình thành BTCD cho trẻ.

2.3. Đối với giáo viên mầm non

- Nắm chắc cấu trúc kế hoạch hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ 4- 5 tuổi, hiểu rõ đặc điểm nhận thức, khả năng của từng trẻ trong lớp về việc hình thành BTCD.

- Giáo viên mầm non phải nâng cao ý thức tự học tập, tự nghiên cứu nhằm nâng cao khả năng lập kế hoạch hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng chiều dài cho trẻ 4- 5 tuổi

2.4. Đối với gia đình

Phụ huynh cần tăng cường giúp trẻ tích lũy về BTCD, phối hợp với nhà trường trong việc hình thành BTCD cho trẻ 4- 5 tuổi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thanh Âm (chủ biên), Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang (2007), *Giáo dục học mầm non – tập III*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* (Số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non)
3. Hoàng Chúng (1982), *Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục.
4. Bùi Hương Giang, Vũ Thị Diệu Thúy, Đinh Thị Hồng Loan, Lương Thị Hà (2021), *Lập kế hoạch tổ chức hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng hình dạng cho trẻ 5-6 tuổi*, đề tài NCKH trường Đại học Hoa Lư
- Nguyễn Thị Hòa (2010), *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
5. Nguyễn Thị Hoà (2010), *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
6. Nguyễn Thị Hòa (2009), *Giáo dục học mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
7. Nguyễn Thị Hòa (2011), *Phát huy tính tích cực nhận thức cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trong trò chơi học tập*, Nxb Đại học sư phạm.
8. Vũ Thị Thanh Huyền (CB), Vũ Thị Hồng Hạnh (2018), *Giáo trình phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam
9. Đinh Thị Hồng Loan, Vũ Thị Diệu Thúy, Bùi Hương Giang (2020), *”Lập kế hoạch hoạt động làm quen với toán nhằm hình thành biểu tượng hình dạng cho trẻ 4-5 tuổi”*, đề tài NCKH trường Đại học Hoa Lư
10. Đỗ Thị Minh Liên (2008), “*Giáo trình phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán: Dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non*“, Nxb Giáo dục
11. Đỗ Thị Minh Liên (2008), *Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
12. Đỗ Thị Minh Liên (2020), *Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học sư phạm.
13. Nguyễn Thị Kim Liên (2010), *Thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng thực vật cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*, Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục

14. Đinh Thị Nhung (2015), *Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Giáo dục Việt Nam
15. Đinh Thị Nhung (2015), *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo*, quyển II, Nxb ĐH QGHN
16. Hoàng Phê (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng
17. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo lớn (4-5 tuổi)*, Nxb Giáo dục Việt Nam
18. Trần Thị Trọng, Phan Thị Sửu (2003), *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ truyện mẫu giáo*, Nxb Giáo dục
19. Nguyễn Ánh Tuyết, Lê Thị Kim Anh, Đinh Văn Vang (2006), *Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non*, Nxb Đại học sư phạm
20. Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai (2009), *Giáo trình phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam
21. Viện chiến lược và chương trình giáo dục (2007), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề (trẻ 4-5 tuổi)*, Nxb Giáo dục

2/ Website

21. http://astrology.vn/triet_hoc
22. <http://tudienwiki.com> (Bách khoa toàn thư mở) (14/9/2016)
23. http://vi.wikipedia.org/wiki/Biểu_tượng (25/1/2021)

PHỤ LỤC 1: PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho GVMN đã và đang dạy trẻ 4-5 tuổi)

Để góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động Làm quen với Toán nhằm hình thành biểu tượng kích thước (BTKT) cho trẻ 4-5 tuổi xin chị vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây bằng cách đánh dấu “X” vào ô trả lời hoặc trả lời câu hỏi.

Nhóm nghiên cứu cam kết việc khảo sát chỉ nhằm mục đích thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đảm bảo nguyên tắc bảo mật. Rất mong sự hợp tác của chị!

Câu 1. Chị vui lòng cho biết mức độ cần thiết của việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi. Vì sao chị chọn phương án này?

Mức độ	Lựa chọn
Rất cần thiết	
Cần thiết	
Không cần thiết	

Lý do:.....

Câu 2. Theo chị, cần dạy trẻ những nội dung nào sau đây để hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi?

Nội dung	Lựa chọn
So sánh chiều dài của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ dài hơn-ngắn hơn	
So sánh chiều rộng của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ rộng hơn-hẹp hơn	
So sánh chiều cao của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ cao hơn-thấp hơn	
So sánh độ lớn của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ to hơn-nhỏ hơn	
So sánh, sắp xếp chiều dài 3 đối tượng	
So sánh, sắp xếp chiều rộng 3 đối tượng	
So sánh, sắp xếp chiều cao 3 đối tượng	

So sánh, sắp xếp độ lớn 3 đối tượng	
Đo dung tích 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	
Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	
Đo chiều cao 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	
Đo dung tích 1 đối tượng bằng 3 đơn vị đo	
Đo chiều dài 3 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	
Đo chiều cao 1 đối tượng bằng 3 đơn vị đo	
- Nội dung khác:.....	

Câu 3. Theo chị, có thể sử dụng các hình thức nào để hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi?

TT	Hình thức	Đề tài/hoạt động	SL
1	Giờ học Làm quen với Toán	So sánh chiều dài của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ dài hơn-ngắn hơn	
		So sánh chiều rộng của 2 đtượng, sử dụng đúng từ rộng hơn-hẹp hơn	
		So sánh chiều cao của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ cao hơn-thấp hơn	
		So sánh độ lớn của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ to hơn-nhỏ hơn	
		So sánh, sắp xếp chiều dài 3 đối tượng	
		So sánh, sắp xếp chiều rộng 3 đối tượng	
		So sánh, sắp xếp chiều cao 3 đối tượng	
		So sánh, sắp xếp độ lớn 3 đối tượng	
		Đo dung tích 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	
		Đo chiều dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	
		Đo chiều cao 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	
		Đo dung tích 1 đối tượng bằng 3 đơn vị đo	
		Đo chiều dài 3 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	
Đo chiều cao 1 đối tượng bằng 3 đơn vị đo			
2	Tích hợp trong giờ học khác	Tạo hình	
		Khám phá khoa học/Khám phá xã hội	
		Phát triển vận động	

		Làm quen chữ cái	
		Âm nhạc	
		Làm quen tác phẩm văn học	
		Giờ học khác:	
3	Các hoạt động khác ngoài giờ học	Hoạt động vui chơi	
		Hoạt động ngoài trời	
		Hoạt động lễ hội	
		Hoạt động chiều	
		Hoạt động khác:	
4	Hình thức khác		

Câu 4. Chị đã thực hiện lập kế hoạch tổ chức hoạt động Làm quen với toán nhằm hình thành BTKT cho trẻ 4-5 tuổi theo những đề tài nào?

TT	Đề tài	SL
1	So sánh chiều dài của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ dài hơn-ngắn hơn	
2	So sánh chiều rộng của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ rộng hơn-hẹp hơn	
3	So sánh chiều cao của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ cao hơn-thấp hơn	
4	So sánh độ lớn của 2 đối tượng, sử dụng đúng từ to hơn-nhỏ hơn	
5	So sánh chiều dài của 2 đối tượng	
6	So sánh chiều rộng của 2 đối tượng	
7	So sánh chiều cao của 2 đối tượng	
8	So sánh độ lớn của 2 đối tượng	
9	So sánh, sắp xếp chiều dài 3 đối tượng	
10	So sánh, sắp xếp chiều rộng 3 đối tượng	
11	So sánh, sắp xếp chiều cao 3 đối tượng	
12	So sánh, sắp xếp độ lớn 3 đối tượng	
13	Đo 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo	

Câu 5. Chị gặp những thuận lợi, khó khăn gì khi tổ chức dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành BTKT?

TT	Yếu tố ảnh hưởng	Thuận lợi	Khó khăn
1	Kỹ năng vận động của trẻ 4-5 tuổi		
2	Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ 4-5 tuổi		
3	Sự phát triển tư duy của trẻ 4-5 tuổi		
4	Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ 4-5 tuổi		
5	Khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của trẻ 4-5 tuổi		
6	Mức độ làm chủ bản thân của trẻ 4-5 tuổi		
7	Khả năng nhận xét, đánh giá của trẻ 4-5 tuổi		
8	Đồ dùng, đồ chơi, học liệu ở lớp 4-5 tuổi		
9	Không gian tổ chức hoạt động ở lớp, trường mầm non		
10	Khả năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động giáo dục		
11	Khả năng chuẩn bị môi trường tổ chức hoạt động		
12	Ý kiến khác		

Câu 6. Chị vui lòng chia sẻ những kinh nghiệm khi tổ chức dạy trẻ 4-5 tuổi hình thành BTKT mà chị thấy hiệu quả.

.....

Trân trọng cảm ơn chị!

PHỤ LỤC 2: BÀI TẬP KHẢO SÁT

KHẢO SÁT KĨ NĂNG SO SÁNH CHIỀU DÀI 3 ĐỐI TƯỢNG CỦA TRẺ 4-5 TUỔI

Họ và tên trẻ:.....Trường MN:.....

Ngày khảo sát:.....Người khảo sát:.....

Chuẩn bị: - Phiếu khảo sát, bút, camera (nếu có).

- Bàn ghế cho cô và trẻ; phòng thoáng, yên tĩnh.

- 3 sợi dây: Dây đỏ dài nhất, dây xanh ngắn hơn, dây vàng ngắn nhất

Nội dung	Điểm		Ghi chú
	Tối đa	Thực	
Chiều dài của dây đỏ như thế nào so với dây xanh? Vì sao? <i>Dây đỏ dài hơn dây xanh. Vì dây đỏ có phần thừa ra</i>	0.5		
Chiều dài của dây đỏ như thế nào so với dây vàng? Vì sao? <i>Dây đỏ dài hơn dây vàng. Vì dây đỏ có phần thừa ra</i>	0.5		
Chiều dài của dây đỏ như thế nào so với dây xanh và dây vàng? Vì sao? <i>Dây đỏ dài nhất.</i> <i>Vì dây đỏ dài hơn cả dây xanh và dây vàng.</i>	0,5 0,5		
Chiều dài của dây vàng như thế nào so với dây xanh? Vì sao? <i>Dây vàng ngắn hơn dây xanh. Vì dây vàng thiếu 1 đoạn</i>	0.5		
Chiều dài của dây vàng như thế nào so với dây đỏ? Vì sao? <i>Dây vàng ngắn hơn dây đỏ. Vì dây vàng thiếu 1 đoạn</i>	0.5		
Chiều dài của dây vàng như thế nào so với dây xanh và dây đỏ? Vì sao? <i>Dây vàng ngắn nhất.</i> <i>Vì dây vàng ngắn hơn cả dây xanh và dây đỏ.</i>	0,5 0,5		
Chiều dài của dây xanh như thế nào với dây đỏ và dây vàng? <i>Dây xanh ngắn hơn dây đỏ, nhưng dây xanh dài hơn dây vàng</i>	1,0		

Chiều dài của dây đỏ như thế nào so với dây xanh và dây vàng? <i>Dây đỏ dài nhất, dây xanh ngắn hơn, dây vàng ngắn nhất</i>	1,0		
Chiều dài của dây vàng như thế nào so với dây đỏ và dây xanh? <i>Dây vàng ngắn nhất, dây xanh dài hơn, dây đỏ dài nhất</i>	1,0		
Con hãy sắp xếp các dây theo thứ tự tăng dần về chiều dài. <i>Dây vàng – xanh – đỏ</i>	1,5		
Con hãy sắp xếp các dây theo thứ tự giảm dần về chiều dài. <i>Dây đỏ - xanh - vàng</i>	1,5		
Tổng	10		

KHẢO SÁT KĨ NĂNG ĐO CHIỀU DÀI 1 ĐỐI TƯỢNG BẰNG 1 ĐƠN VỊ ĐO (4-5 TUỔI)

Họ và tên trẻ:..... Trường

MN:.....

Ngày khảo sát:.....Người khảo sát:.....

- Chuẩn bị:**
- Phiếu khảo sát, bút, camera (nếu có).
 - Bàn ghế cho cô và trẻ; phòng thoáng, yên tĩnh.
 - Thước đo, băng giấy dài bằng 5 lần thước đo.
 - Thẻ số từ 1 – 5; Bút lông

Nội dung	Điểm		Ghi chú
	Tối đa	Thực	
Chúng ta sẽ thực hiện phép đo chiều dài. Con đoán xem con sẽ đo chiều dài cái gì? <i>(Băng giấy)</i>	1,0		
Con dùng cái gì để đo chiều dài băng giấy? <i>(Thước đo)</i>	1,0		
Con đo băng giấy như thế nào? Trẻ trả lời: <i>Đặt 1 đầu thước đo trùng mép trái băng giấy</i>	0,5 0,5		
<i>Dùng bút vạch 1 nét vào đầu còn lại của thước đo trên băng giấy</i>	0,5		
<i>Nhấc thước đo lên, đặt một đầu thước đo trùng với vạch vừa đánh dấu, đánh dấu đầu còn lại..</i>	0,5		
<i>Cứ tiếp tục như vậy cho đến hết</i>			
Con hãy thực hiện đo băng giấy đi. Trẻ đo đúng cách, đúng trình tự: <i>Đặt 1 đầu thước đo trùng mép trái băng giấy</i>	0,5 0,5		
<i>Dùng bút vạch 1 nét vào đầu còn lại của thước đo trên băng giấy</i>	0,5		
<i>Nhấc thước đo lên, đặt một đầu thước đo</i>			

<p><i>trùng với vạch vừa đánh dấu, đánh dấu đầu còn lại.. .</i></p> <p><i>Cứ tiếp tục như vậy cho đến hết</i></p>	0,5		
<p>Kết quả đo chiều dài băng giấy là bao nhiêu?</p> <p><i>Băng giấy dài bằng 5 lần thước đo</i></p> <p><i>(1,0đ) (1,0đ)</i></p>	2,0		
<p>Con dùng thẻ số mấy để biểu thị kết quả đo?</p> <p><i>Thẻ số 5</i></p> <p>Con hãy gắn thẻ số vào bên cạnh băng giấy.</p> <p><i>Gắn thẻ số vào cạnh phải băng giấy</i></p>	1,0 1,0		
Tổng	10		

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Hoạt động: **Làm quen với toán**

Chủ đề: **Thực vật**

Chủ đề nhánh: **Một số loại rau**

Đề tài: **So sánh, sắp thứ tự chiều dài của 3 đối tượng**

Độ tuổi: **4-5 tuổi**

Số trẻ: **18-20 trẻ**

Thời gian: **25-30 phút**

I. Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Trẻ biết tên gọi các băng giấy theo màu, xếp thứ tự theo chiều dài của 3 băng giấy: dài nhất-ngắn hơn-ngắn nhất hoặc ngắn nhất-dài hơn-dài nhất.
- củng cố nhận biết mối quan hệ chiều dài của 2 đối tượng.
- Trẻ biết tên, cách chơi, luật chơi các trò chơi học tập.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng so sánh, sắp xếp thứ tự các đối tượng theo chiều tăng hoặc giảm để nhận biết mối quan hệ hơn nhất, kém nhất.
- Trẻ dùng lời nói diễn đạt mối quan hệ chiều dài của của 3 quả: quả bí dài nhất – quả mướp ngắn hơn – quả dưa chuột ngắn nhất hoặc quả dưa chuột ngắn nhất - quả mướp dài hơn - quả bí dài nhất.
- Trẻ tìm/tạo ra được các đối tượng có chiều dài khác nhau, sau đó nêu kết quả và giải thích được kết quả.
- Trẻ có kỹ năng chơi các trò chơi học tập.

3. Thái độ:

- Trẻ thích quan sát, tìm hiểu so sánh chiều dài giữa hai đối tượng.
- Trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động
- Trẻ có ý thức chơi tập thể, đoàn kết trong khi chơi

II. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của cô

- Phòng trang trí chương trình “ Bé giỏi bé ngoan”.
- Đường đến vườn rau kẻ vạch màu xanh dài hơn đường đến vườn hoa kẻ vạch màu đỏ; quả đậu đũa, quả đậu cô ve; lá hành, lá hẹ, quả bí, quả dưa chuột...

2. Chuẩn bị của trẻ

- Trẻ biết chơi trò chơi Rung chuông vàng, cái túi kỳ lạ
- Chuông: 2 cái cho 2 đội
- Quả bí dài nhất; quả mướp ngắn hơn; quả dưa chuột ngắn nhất, bảng nhân: số lượng đủ cho mỗi trẻ.

III. Tiến hành hoạt động

Hoạt động của cô	Dự kiến thông tin trẻ cần đạt
<p>1. Ôn định tổ chức, gây hứng thú (2-3 phút)</p> <p>Xin chào mừng tất cả các bé đã đến tham dự chương trình: “ Bé giỏi bé ngoan” ngày hôm nay.</p> <p>+ Các bé đến với chương trình các bé có thấy vui không nào? Cô xin giới thiệu chương trình gồm có 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Phần thứ 1: Mắt xinh của bé.+ Phần thứ 2: Bé thông minh.+ Phần thứ 3: Vui chơi cùng bé. <p>Cô chia lớp mình thành 2 đội: Đội bé khỏe, Đội bé ngoan. Xin mời cả 2 đội bước vào phần thi thứ nhất “<i>Mắt xinh của bé</i>”!</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Ôn nhận so sánh chiều dài của 2 đối tượng (5-6 phút)</p> <p>Đến với phần thứ nhất của chương trình, chương trình yêu cầu các bé hãy nhìn thật tinh và trả lời câu hỏi của cô này.</p> <ul style="list-style-type: none">- Quãng đường nào dài hơn, quãng đường nào ngắn hơn? Vì sao?- Quả đậu nào dài hơn, quả nào ngắn hơn? Vì sao?- Lá hành với lá hẹ, lá nào dài hơn, lá nào ngắn hơn? Vì sao?	<ul style="list-style-type: none">- Trẻ vỗ tay.- Trẻ lắng nghe <p>Trẻ thể hiện cảm xúc</p> <ul style="list-style-type: none">- Đường đến vườn rau dài hơn đường đến vườn hoa vì đầu kia của đường đến vườn rau có phần thừa ra- Quả đậu đũa dài hơn quả đậu cove vì có phần đầu thừa ra.- Lá hành dài hơn, lá hẹ ngắn hơn vì lá hành có đầu thừa ra...- Quả bí dài hơn, quả dưa chuột ngắn hơn vì quả bí có phần thừa ra.

<p>- Quả bí với quả dưa chuột, quả nào dài hơn, quả nào ngắn hơn? Vì sao? Vậy là chúng mình đã vượt qua rất xuất sắc phần thứ nhất của chương trình rồi, xin chúc mừng tất cả các bé. Bây giờ cô xin mời các đến với phần thi <i>Bé thông minh</i> nào!</p> <p>2.2. Hình thành mối quan hệ hơn nhất, kém nhất (9-10 phút)</p> <p>a. Hình thành mối quan hệ hơn nhất</p> <p>- Các con nhìn xem trong rổ của mình có gì?</p> <p>- Con hãy xếp quả bí lên thảm sao cho 1 đầu của quả bí sát vào vạch kẻ như trên bảng cô.</p> <p>- Con hãy xếp quả dưa chuột cạnh quả bí, 1 đầu quả dưa chuột cũng sát vạch kẻ. Cô xếp quả dưa chuột vào tầng kệ thứ 2. ? Quả nào dài hơn?</p> <p>- Các con hãy cất quả dưa chuột, thay vào đó là quả mướp.</p> <p>Cô xếp quả mướp vào tầng kệ thứ 2.</p> <p>- Quả nào dài hơn?</p> <p>- Các con đặt quả dưa chuột cạnh quả mướp nhé.</p> <p>Cô xếp quả dưa chuột vào tầng kệ thứ 3.</p> <p>- Con có nhận xét gì về chiều dài của quả bí với quả mướp và quả dưa chuột? Đúng rồi, <i>quả bí dài hơn cả quả mướp và quả dưa chuột nên quả bí dài nhất.</i> Như vậy, <i>đối tượng dài nhất là đối tượng dài hơn tất cả các đối tượng còn lại.</i></p> <p>b. Hình thành mối quan hệ kém nhất</p> <p>- Các con cất quả mướp đi, xếp quả bí vào</p>	<p>Trẻ thể hiện cảm xúc</p> <p>- Quả bí, quả mướp, quả dưa chuột Trẻ xếp quả bí, quả dưa chuột</p> <p>- Quả bí dài hơn</p> <p>- Quả bí dài hơn</p> <p>- Quả bí dài hơn quả mướp và quả dưa chuột.</p> <p>Trẻ nhắc lại.</p> <p>Trẻ xếp theo cô nói.</p> <p>- Quả dưa chuột ngắn hơn. - Quả dưa chuột ngắn hơn. - Quả dưa chuột ngắn nhất vì ngắn hơn cả quả mướp và quả bí.</p>
---	---

chỗ quả mướp, quả dưa chuột vào chỗ quả bí.

- Quả nào ngắn hơn?

- Con hãy thay quả mướp vào chỗ quả bí. Quả nào ngắn hơn?

- Con hãy xếp quả bí sát dưới quả mướp. Con nhận xét gì về chiều dài của quả dưa chuột với hai quả còn lại?

Cô xếp tương tự trên bảng cô.

Đúng rồi, *quả dưa chuột ngắn hơn cả quả mướp và quả bí nên quả dưa chuột ngắn nhất.*

Như vậy, *đối tượng ngắn nhất là đối tượng ngắn hơn tất cả các đối tượng còn lại.*

c. Hình thành mối quan hệ chiều dài giữa 3 quả

- Con có nhận xét gì về chiều dài quả mướp với quả bí?

- Con có nhận xét gì về chiều dài quả mướp với quả dưa chuột?

- Vậy chiều dài quả mướp như thế nào với hai quả còn lại?

Đúng rồi, *quả dưa chuột ngắn hơn quả mướp nhưng quả mướp ngắn hơn quả bí nên quả dưa chuột ngắn nhất, quả mướp dài hơn còn quả bí dài nhất.*

Bây giờ chúng ta xếp quả bí đầu tiên, sau đó đến quả mướp, cuối cùng đến quả bí, bạn nào có nhận xét gì về cách xếp 3 quả này?

Cách xếp này cho thấy *quả bí dài nhất, quả mướp ngắn hơn, quả dưa chuột ngắn nhất.*

Quả bí, quả mướp và quả dưa chuột tuy có chiều dài khác nhau nhưng đều là rau ăn quả, ra quả ở trên giàn. Có một bài hát rất

Trẻ nhắc lại.

- Quả mướp ngắn hơn quả bí.

- Quả dưa chuột ngắn hơn quả mướp.

- Quả dưa chuột ngắn hơn quả mướp nhưng quả mướp ngắn hơn quả bí.

Trẻ nhắc lại kết quả.

Trẻ xếp rồi trả lời.

- Quả bí dài nhất, quả mướp ngắn hơn, quả dưa chuột ngắn nhất.

Hát và vận động theo nhạc.

Nghe luật chơi, cách chơi

Trẻ chơi theo luật

Trẻ lắng nghe và chơi theo luật

vui về sự đoàn kết của cây bầu, cây bí trên giàn, mời các con đứng dậy hát bài hát Bầu bí cùng cô nào!

Các bé ơi, trong phần thi thứ 2, cô thấy cả 2 đội đều rất xuất sắc. Xin chúc mừng cả 2 đội. Xin mời các bé cùng bước vào phần thứ 3 của chương trình mang tên: *Vui chơi cùng bé.*

2.3. Luyện tập (7-8 phút)

a. Trò chơi Rung chuông vàng

- Cách chơi: Hai đội xếp quả theo yêu cầu của cô.

- Luật chơi: Đội nào xong trước thì rung chuông. Mỗi lần xếp đúng và rung chuông trước sẽ được tặng 1 bông hoa. Nếu rung chuông rồi mà xếp sai, đội bạn xếp đúng thì phần thưởng dành cho đội bạn. Đội nào nhiều hoa sẽ thắng.

Lần 1: - Xếp quả bí trước

- Xếp quả dưa chuột trước

Lần 2: - Xếp quả dài nhất trước

- Xếp quả ngắn nhất trước

b. Trò chơi Cái túi kỳ lạ

- Cách chơi: Hai đội xếp thành hai hàng dọc, lần lượt lên thò tay vào túi sờ tìm quả theo yêu cầu của cô.

- Luật chơi: Bạn thứ nhất lên tìm lần lượt 3 quả xếp theo thứ tự rồi quay về thì tiếp theo mới lên. Hết giờ chơi, đội nào tìm được nhiều nhóm quả và sắp xếp đúng thì thắng.

Cho trẻ chơi 2-3 lần.

Lần 1: Chọn xếp quả theo thứ tự tăng dần, từ quả ngắn nhất

- Dài nhất, ngắn hơn, ngắn nhất
- Ngắn nhất, dài hơn, dài nhất
- Bí, mướp, dưa chuột.
- Dưa chuột, mướp, bí.

Trẻ chơi theo luật

Thể hiện cảm xúc.

- Xin chào và hẹn gặp lại!

Lần 2: Chọn xếp quả theo thứ tự giảm dần, từ quả dài nhất

3. Kết thúc (2-3 phút)

Hôm nay cô thấy cả 2 đội đều rất tích cực, học giỏi, cả 2 đội đều chiến thắng sau 3 phần thi.

Xin mời 2 đội lên nhận phần quà của đội mình.

Cô sẽ thưởng cho các con ra vườn nhặt hoa, nhặt lá chơi xâu hoa, xâu lá xem ai làm được xâu hoa, xâu lá dài nhất nhé!

Chương trình Bé giỏi bé ngoan đến đây là kết thúc, xin chào và hẹn gặp lại.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Hoạt động: **Làm quen với toán**

Chủ đề: **Nghề nghiệp**

Chủ đề nhánh: **Bé và các ngành nghề**

Đề tài: **So sánh, sắp thứ tự chiều dài của 3 đối tượng**

Độ tuổi: **4-5 tuổi**

Số trẻ: **18-20 trẻ**

Thời gian: **25-30 phút**

I. Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Trẻ biết tên gọi các dây vải theo màu, xếp thứ tự theo chiều dài của 3 dây vải: dài nhất-ngắn hơn-ngắn nhất hoặc ngắn nhất-dài hơn-dài nhất.
- củng cố nhận biết mối quan hệ chiều dài của 2 đối tượng.
- Trẻ biết tên, cách chơi, luật chơi các trò chơi học tập.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng so sánh, sắp xếp thứ tự các đối tượng theo chiều tăng hoặc giảm để nhận biết mối quan hệ hơn nhất, kém nhất.
- Trẻ dùng lời nói diễn đạt mối quan hệ chiều dài của của 3 dây vải: dây vải màu xanh dài nhất – dây vải màu đỏ ngắn hơn – dây vải màu vàng ngắn nhất hoặc dây vải màu vàng ngắn nhất - dây vải màu đỏ dài hơn - dây vải màu xanh dài nhất.
- Trẻ tìm/tạo ra được các đối tượng có chiều dài khác nhau, sau đó nêu kết quả và giải thích được kết quả.
- Trẻ có kỹ năng chơi các trò chơi học tập.

3. Thái độ:

- Trẻ thích quan sát, tìm hiểu so sánh chiều dài giữa hai đối tượng.
- Trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động
- Trẻ có ý thức chơi tập thể, đoàn kết trong khi chơi

II. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của cô

- Phòng trang trí chương trình “Nhà thiết kế tài năng”.

- Đường đến xưởng may kẻ vạch màu xanh dài hơn đường đến cửa hàng bán vải màu đỏ; các dây vải màu xanh, màu đỏ, màu vàng. Thước đo vải màu xanh, màu đỏ, màu vàng

2. Chuẩn bị của trẻ

- Trẻ biết chơi trò chơi vượt chướng ngại vật, chiếc hộp bí ẩn
- Chuông: 2 cái cho 2 đội
- dây vải màu xanh dài nhất, dây vải màu đỏ ngắn hơn, dây vải màu vàng ngắn nhất, đồ dùng các nghề: thước đo vải, bút bi đỏ, gậy của chú công an, chiếc hộp

III. Tiến hành hoạt động

<i>Hoạt động của cô</i>	<i>Dự kiến thông tin trẻ cần đạt</i>
<p>1. Ổn định tổ chức, gây hứng thú (2-3 phút)</p> <p>Xin chào mừng tất cả các bé đã đến tham dự chương trình: “Nhà thiết kế tài năng” ngày hôm nay.</p> <p>+ Các bé đến với chương trình các bé có thấy vui không nào? Cô xin giới thiệu chương trình gồm có 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần thứ 1: Thử thách. + Phần thứ 2: Bé thông minh. + Phần thứ 3: Vui chơi cùng bé. <p>Cô chia lớp mình thành 2 đội: Đội thợ thiết kế, Đội thợ may. Xin mời cả 2 đội bước vào phần thi thứ nhất “Thử thách”!</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Ôn nhận so sánh chiều dài của 2 đối tượng (5-6 phút)</p> <p>Đến với phần thứ nhất của chương trình, chương trình yêu cầu các bé hãy nhìn thật tinh và trả lời câu hỏi của cô này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quảng đường nào dài hơn, quãng đường nào ngắn hơn? Vì sao? - Thước đo vải nào dài hơn, thước đo vải 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ vỗ tay. - Trẻ lắng nghe <p>Trẻ thể hiện cảm xúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường đến xưởng may dài hơn đường đến cửa hàng vải vì đầu kia của đường đến xưởng may có phần thừa ra - Dây vải màu xanh dài hơn dây vải màu đỏ vì có phần đầu thừa ra. - Thước đo vải màu xanh dài hơn,

nào ngắn hơn? Vì sao?

- Thước đo vải màu xanh với thước đo vải màu đỏ, thước đo nào dài hơn, thước đo nào ngắn hơn? Vì sao?

- Thước đo vải màu xanh với Thước đo vải màu vàng, thước đo vải nào dài hơn, thước đo vải nào ngắn hơn? Vì sao?

Vậy là chúng mình đã vượt qua rất xuất sắc phần thứ nhất của chương trình rồi, xin chúc mừng tất cả các bé. Bây giờ cô xin mời các đến với phần thi *Bé thông minh* nào!

2.2. Hình thành mối quan hệ hơn nhất, kém nhất (9-10 phút)

a. Hình thành mối quan hệ hơn nhất

- Các con nhìn xem trong rổ của mình có gì?

- Con hãy xếp dây vải màu xanh lên thăm sao cho 1 đầu của dây vải màu xanh sát vào vạch kẻ như trên bảng cô.

- Con hãy xếp dây vải màu đỏ cạnh dây vải màu xanh, 1 đầu dây vải màu đỏ cũng sát vạch kẻ.

Cô xếp dây vải màu đỏ vào tầng kệ thứ 2.

? dây vải màu nào dài hơn?

- Các con hãy cất dây vải màu đỏ, thay vào đó là dây vải màu vàng.

Cô xếp dây vải màu vàng vào tầng kệ thứ 2

- Dây vải nào dài hơn?

- Các con đặt dây vải màu vàng cạnh dây vải màu vàng nhé.

Cô xếp dây vải màu vàng vào tầng kệ thứ 3

- Con có nhận xét gì về chiều dài của dây

thước đo vải màu đỏ ngắn hơn vì thước đo vải màu xanh có đầu thừa ra...

- Thước đo vải màu xanh dài hơn, thước đo vải màu đỏ ngắn hơn vì thước đo vải màu xanh có đầu thừa ra...

- Thước đo vải màu xanh dài hơn, thước đo vải màu vàng ngắn hơn vì thước đo vải màu xanh có đầu thừa ra...

Trẻ thể hiện cảm xúc

- Dây vải màu xanh, màu đỏ, màu vàng

Trẻ xếp các dây vải

- dây vải màu xanh dài hơn

- Dây vải màu xanh dài hơn

- Dây vải màu xanh dài hơn dây vải

vải màu xanh với dây vải màu đỏ và dây vải màu vàng?

Đúng rồi, *dây vải màu xanh dài hơn cả dây vải màu đỏ và dây vải màu vàng nên dây vải màu xanh dài nhất.*

Như vậy, *đối tượng dài nhất là đối tượng dài hơn tất cả các đối tượng còn lại.*

b. Hình thành mối quan hệ kém nhất

- Các con cắt dây vải màu đỏ đi, các con còn lại dây vải màu gì? Dây vải nào ngắn hơn?

- Con hãy thay dây vải màu xanh bằng dây vải màu đỏ. Dây vải nào ngắn hơn?

- Con hãy xếp dây vải màu xanh sát dưới dây vải màu đỏ. Con nhận xét gì về chiều dài của dây vải màu vàng so với 2 dây vải còn lại?

Cô xếp tương tự trên bảng cô.

Đúng rồi, *dây vải màu vàng ngắn nhất vì ngắn hơn cả dây vải màu đỏ và dây vải màu xanh.*

Như vậy, *đối tượng ngắn nhất là đối tượng ngắn hơn tất cả các đối tượng còn lại.*

c. Hình thành mối quan hệ chiều dài giữa 3 dây vải

- Con có nhận xét gì về chiều dài dây vải màu đỏ với dây vải màu xanh?

- Con có nhận xét gì về chiều dài dây vải màu đỏ với dây vải màu vàng?

- Vậy chiều dài dây vải màu đỏ như thế nào với dây vải còn lại?

Đúng rồi, *Dây vải màu vàng ngắn hơn dây vải màu đỏ, nhưng dây vải màu đỏ ngắn hơn dây vải màu xanh nên dây vải màu*

màu đỏ và dây vải màu vàng

Trẻ nhắc lại.

Trẻ xếp theo cô nói.

- Dây vải màu vàng ngắn hơn.

- Dây vải màu vàng ngắn hơn.

- Dây vải màu vàng ngắn nhất vì ngắn hơn cả dây vải màu đỏ và dây vải màu xanh.

Trẻ nhắc lại.

- Dây vải màu đỏ ngắn hơn dây vải màu xanh.

- Dây vải màu vàng ngắn hơn dây vải màu đỏ.

- Dây vải màu vàng ngắn hơn dây vải màu đỏ, nhưng dây vải màu đỏ ngắn hơn dây vải màu xanh.

Trẻ nhắc lại kết quả.

vàng ngắn nhất nhưng dây vải màu đỏ dài hơn dây vải màu xanh dài nhất.

Bây giờ chúng ta xếp dây vải màu xanh đầu tiên, sau đó đến dây vải màu đỏ, cuối cùng đến dây vải màu vàng, bạn nào có nhận xét gì về cách xếp 3 dây vải này?

Cách xếp này cho thấy *dây vải màu xanh dài nhất, dây vải màu đỏ ngắn hơn, dây vải màu vàng ngắn nhất.*

Dây vải màu xanh, dây vải màu đỏ và dây vải màu vàng tuy có chiều dài khác nhau nhưng đều dùng để thợ may thiết kế những chiếc nơ xinh. Có một bài thơ rất hay nói về các nghề của bé, mời các con đứng dậy đọc to bài thơ Bé làm bao nhiêu nghề cùng cô nào!

Các bé ơi, trong phần thi thứ 2, cô thấy cả 2 đội đều rất xuất sắc. Xin chúc mừng cả 2 đội. Xin mời các bé cùng bước vào phần thứ 3 của chương trình mang tên: *Vui chơi cùng bé.*

2.3. Luyện tập (7-8 phút)

a. Trò chơi vượt chướng ngại vật

- Cách chơi: Hai đội đồ vật theo yêu cầu của cô.

- Luật chơi: Đội nào xong trước thì rung chuông. Mỗi lần xếp đúng và rung chuông trước sẽ được tặng 1 bông hoa. Nếu rung chuông rồi mà xếp sai, đội bạn xếp đúng thì phần thưởng dành cho đội bạn. Đội nào nhiều hoa sẽ thắng.

Lần 1: - Xếp dây vải màu xanh trước

- Xếp dây vải màu vàng trước

Lần 2: - Xếp dây vải dài nhất trước

Trẻ xếp rồi trả lời.

- Dây vải màu xanh dài nhất, dây vải màu đỏ ngắn hơn, dây vải màu vàng ngắn nhất.

Trẻ đọc thơ

Nghe luật chơi, cách chơi

Trẻ chơi theo luật

<p>- Xếp dây vải ngắn nhất trước</p> <p>b. Trò chơi Chiếc hộp bí ẩn</p> <p>- Cách chơi: Hai đội xếp thành hai hàng dọc, lần lượt lên thò tay vào hộp sờ tìm dụng cụ của nghề theo yêu cầu của cô.</p> <p>- Luật chơi: Bạn thứ nhất lên tìm lần lượt 3 dụng cụ của nghề xếp theo thứ tự rồi quay về thì tiếp theo mới lên. Hết giờ chơi, đội nào tìm được nhiều nhóm dụng cụ của nghề và sắp xếp đúng thì thắng.</p> <p>Cho trẻ chơi 2-3 lần.</p> <p>Lần 1: Chọn xếp dây vải theo thứ tự tăng dần, từ dây vải ngắn nhất</p> <p>Lần 2: Chọn xếp dây vải theo thứ tự giảm dần, từ dây vải dài nhất</p> <p>3. Kết thúc (2-3 phút)</p> <p>Hôm nay cô thấy cả 2 đội đều rất tích cực, học giỏi, cả 2 đội đều chiến thắng sau 3 phần thi.</p> <p>Xin mời 2 đội lên nhận phần quà của đội mình.</p> <p>Cô sẽ thưởng cho các con những chiếc nơ xinh được may từ những dây vải nhé!</p> <p>Chương trình Nhà thiết kế tài năng đến đây là kết thúc, xin chào và hẹn gặp lại.</p>	<p>Trẻ lắng nghe và chơi theo luật</p> <p>- Dài nhất, ngắn hơn, ngắn nhất</p> <p>- Ngắn nhất, dài hơn, dài nhất</p> <p>Thể hiện cảm xúc.</p> <p>- Xin chào và hẹn gặp lại!</p>
--	--

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Hoạt động: **Làm quen với toán**

Chủ đề: **Nghề nghiệp**

Chủ đề nhánh: **Lớp 4A của bé**

Đề tài: **Đo độ dài 1 vật bằng một thước đo**

Độ tuổi: **4-5 tuổi**

Số trẻ: **18-20 trẻ**

Thời gian: **25-30 phút**

I. Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Trẻ nắm được kỹ năng đo độ dài, nêu được kết quả đo theo đơn vị đo đã chọn.
- Củng cố kỹ năng đếm trong phạm vi 10.
- Trẻ biết tên, cách chơi, luật chơi các trò chơi học tập.

2. Kỹ năng:

- Trẻ sử dụng các thước đo quy ước để đo độ dài các đối tượng trong lớp, sau đó nêu kết quả đo theo đơn vị đo đã chọn.
- Trẻ có kỹ năng chơi các trò chơi học tập.

3. Thái độ:

- Trẻ thích quan sát, đo chiều dài của đối tượng bằng cách khác nhau.
- Trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động
- Trẻ có ý thức chơi tập thể, đoàn kết trong khi chơi

II. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của cô

- Rải ruy băng màu đỏ dài 25 cm.
- Thước đo là que tính dài 5cm.
- Phần may màu xanh
- Bàn may; bàn đo, cắt vải.
- Hoạt cảnh: Cô phụ đóng vai bác thợ may, 1 trẻ chính đóng vai khách hàng đến thử quần và phản ánh quần bị ngắn.

2. Chuẩn bị của trẻ

- Trẻ biết chơi trò chơi Rung chuông vàng, cái túi kỳ lạ
- Chuông: 2 cái cho 2 đội

- Rải ruy băng màu hồng dài 25 cm; 5 que tính dài 5cm; phần may màu xanh đủ cho số trẻ.

III. Tiến hành hoạt động

<i>Hoạt động của cô</i>	<i>Dự kiến thông tin trẻ cần đạt</i>
<p>1. Ôn định tổ chức, gây hứng thú (2-3 phút) Cô phụ đóng vai bác thợ may, đang cầm thước đo vải thì một trẻ gõ cửa. Cô: - Xin chào, xin mời vào! -Cô chào cháu, quần của cháu đây, cháu mặc thử đi. Cô bối rối: ừ, sao cô lại may cho cháu cái quần ngắn thế này nhỉ, cháu để cô xem nào! Cô cầm quần lên nói: -Cô đã đo vải rồi mà, cô sẽ nhờ các bạn kiểm tra giúp cô nhé!</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Ôn đếm trong phạm vi 10 (5-6 phút) Cô có các thước đo, chúng mình kiểm tra xem chiều dài các thước đo như thế nào với nhau? -Con hãy xếp liên tiếp các thước đo từ cặp quần đến gấu quần xem có bao nhiêu thước đo. -Kết quả kiểm tra của các nhóm là bao nhiêu, có giống nhau không? -Sao kết quả đo của cô lại khác các bạn nhỉ, các bạn xem cô đo có đúng không nhé! Cô xếp các thước đo xô lệch, cách nhau nên chỉ bằng 3 lần thước đo. Lấy thẻ số 3 đặt vào bên ống quần - Vì cô đo không đúng kỹ thuật nên may quần</p>	<p>Một trẻ gõ cửa, đứng chờ. Trẻ bước vào nói: - Cháu chào cô, cháu đến lấy quần ạ Trẻ ra sau rèm mặc thử quần, chạy ra kêu lên: -Ôi cô ơi, sao quần lại ngắn thế này? Trẻ ngồi xuống Trẻ quay vào thay quần, trả lại cô thợ may Trẻ cầm các thước đo lên, chống 1 đầu xuống mặt bàn rồi đặt ngay ngắn lên mặt bàn, 1 đầu thước đo đều ở cạnh bàn, nhận xét: -Các thước đo dài bằng nhau Đại diện các nhóm trẻ lên xếp, đếm, nêu kết quả đếm: 4 lần thước đo, chọn và giữ thẻ số 4. -Đều là 4 lần thước đo, đều giống nhau. Trẻ quan sát, nhận xét, phát hiện cô xếp thước đo sai Trẻ thể hiện cảm xúc</p>

<p>ngắn hơn so với chân bạn. Vậy muốn đo đúng, chúng mình phải làm thế nào, cô cháu mình cùng rèn luyện kỹ năng đo nhé! Cô thợ may gửi mỗi bạn một hộp dụng cụ, chúng mình giúp cô đo một vật đặc biệt trong hộp này để cô làm nơ trang trí chiếc quần cho nó dài và đẹp hơn nhé!</p> <p>2.2. Dạy trẻ kỹ năng đo (9-10 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong hộp có gì? - Chúng mình cần đo cái gì? - Chúng mình cần cái gì để đo dải ruy băng? - Các con đoán xem chúng mình sẽ đo dải ruy băng như thế nào với 1 thước đo? <p>* Hướng dẫn đo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cô đo mẫu cho trẻ quan sát - Cô vừa đo lần 2 ở mặt sau của dải ruy băng vừa hướng dẫn: Để đo đúng kỹ thuật, chúng mình trải dải ruy băng lên bàn, 1 tay cầm phần, 1 tay cầm thước đo, đặt 1 đầu thước đo trùng với đầu trái ruy băng, dùng phần đánh dấu đầu còn lại của thước đo. Nhấc thước đo lên, đặt một đầu thước đo trùng với vạch vừa đánh dấu, đánh dấu đầu còn lại... cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. <p>* Hướng dẫn cách xác định kết quả đo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm thế nào để biết chiều dài của ruy băng là bao nhiêu? - Chúng mình cùng đếm các đoạn đã đánh dấu trên ruy băng nào! - Dải ruy băng dài bao nhiêu lần thước đo? Chúng mình cần chọn thẻ số nào cho đúng? - Chúng mình đặt thẻ số 5 vào đâu? <p>Cô đặt thẻ số 5 vào đầu phía phải của dải ruy băng</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Dải ruy băng hồng, que tính vàng, phần xanh -Dải ruy băng -Thước đo vàng <p>Trẻ nêu các phương án đo</p> <p>Quan sát cô đo</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phải đếm <p>Đếm cùng cô: 1,2,3,4,5. Tất cả là 5 lần thước đo</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 lần thước đo. Số 5. - Đặt vào đầu còn lại của ruy băng
--	---

Trẻ thực hành đo

Cô mời các con đo trên đồ dùng của mình.

Lần 1:

- Chúng mình đo cái gì? Dùng cái gì để đo? Lấy cái gì để đánh dấu mỗi lần đo?

- Các con hãy đo ruy băng đi.

Cô hướng dẫn trẻ thực hiện từng thao tác đo bằng lời nếu cần, nếu có nhiều trẻ chưa làm được thì cô làm mẫu lại 1-2 thao tác đầu để trẻ quan sát, không thực hiện từng thao tác cùng trẻ.

Trẻ đo xong lần 1, cô hỏi:

- Con đo được bao nhiêu lần thước đo? Cần chọn thẻ số mấy? Con hãy đặt thẻ số vào đầu dải ruy băng đi.

Lần 2:

- Để kiểm tra xem chúng mình đo chính xác chưa, cô mời các con lật ruy băng lên và đo lại nhé.

-Ruy băng dài bằng mấy lần thước đo?

-Kết quả đo ở 2 mặt ruy băng như thế nào với nhau? Bằng bao nhiêu?

Kết quả đo cho thấy các con đã đo đúng kỹ thuật nên 2 lần đo đều có kết quả là 5. Các con ạ, nếu đo 1 đối tượng bằng 1 thước đo thì kết quả đo không thay đổi.

Các con ơi, cô thợ may rất cảm ơn các con đã giúp cô đo chính xác chiều dài các dải ruy băng để cô làm nơ trang trí. Chúng mình cùng hát 1 bài để thể hiện lòng yêu quý, tôn trọng những người thợ chăm chỉ nào!

?Bài hát nói về những nghề nào?

?Khi may áo quần, cô thợ may cần đo cái gì?

- Đo ruy băng bằng thước đo vàng, lấy phấn vạch đánh dấu

Thực hiện đo

Đếm: 5 lần thước đo.

Chọn thẻ số 5 đặt bên ruy băng

Trẻ lật ruy băng, đo lại

Đếm, trả lời: 5 lần thước đo

-Bằng nhau, đều bằng 5.

Lắng nghe, thể hiện cảm xúc

Vận động theo nhạc bài *Cháu yêu cô chú công nhân*

-Chú công nhân xây dựng, cô công nhân dệt may...

-Đo chiều dài của áo, quần; đo vải...

-Đo chiều cao, chiều dài của các bức tường, các vật liệu xây dựng...

?Khi xây nhà, các chú công nhân cần đo cái gì?

Các con rất giỏi, đã biết cách đo chiều dài và ý nghĩa của việc đo chiều dài là để tạo ra các đồ vật theo mong muốn của mình, vì vậy, cô thưởng cho các con những trò chơi thật vui nhộn nhé!

2.3. Luyện tập (7-8 phút)

Trò chơi 1: Nhà thiết kế tài ba

Mỗi chúng mình đang có một bàn học. Chúng mình đo cạnh bàn để chọn vật liệu trang trí cho bàn học thêm đẹp.

- Cách chơi: Nhiệm vụ của mỗi nhà thiết kế là đo cạnh bàn xem cạnh này dài bằng mấy lần thước đo rồi lấy thẻ số tương ứng đặt vào khoảng giữa cạnh bàn đó.

Lần 1: Đo cạnh ngắn của bàn

Lần 2: Đo cạnh dài của bàn

- Luật chơi: Thời gian đo là 1 bản nhạc, hết giờ, ai đo xong nhanh nhất và đúng nhất sẽ chiến thắng.

Cô và trẻ kiểm tra, đánh giá kết quả chơi, khen ngợi trẻ.

Trò chơi 2: Bé sáng tạo

- Cách chơi: Sàn nhà đang bị lạnh, mỗi bạn hãy chọn 1 dụng cụ đo phù hợp đo chiều dài của sàn nhà để chúng ta trải thảm sàn cho vừa với số thảm. Ở đây cô có thước gỗ (50cm), có những cái thảm, có dây đo..., các con hãy chọn dụng cụ đo theo ý thích.

- Luật chơi: Trong thời gian là 1 bản nhạc, ai đo xong sớm và đúng, sẽ được tặng quà.

Cô và trẻ kiểm tra, đánh giá kết quả chơi, khen ngợi trẻ.

Trẻ chơi theo luật

Tham gia nhận xét, đánh giá kết quả chơi

Trẻ chọn đơn vị đo theo ý thích: đo bằng bước chân, đo bằng thước 50cm, đo bằng cái thảm vuông...

Trẻ cất đồ dùng, mang trả “cô thợ may”, nói lời chúc cô.

3. Kết thúc (2-3 phút)

Hôm nay cô thấy cả 2 đội đều rất tích cực, học giỏi, cả 2 đội đều chiến thắng sau 2 trò chơi.

Chúng mình hãy mang hộp dụng cụ trả cô thợ may và chúc cô may được nhiều bộ quần áo đẹp nhé!